

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
TỔ CHUYÊN MÔN: TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

MÔN HỌC: TOÁN HỌC, KHTN, CÔNG NGHỆ, TIN HỌC
GDTC, THỂ DỤC; VẬT LÝ ; SINH HỌC; HÓA HỌC

NĂM HỌC 2023 – 2024

MỤC LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH	6
1. SỐ LỚP	6
2. SỐ GIÁO VIÊN	6
3. THIẾT BỊ DẠY HỌC	6
3.1. MÔN CÔNG NGHỆ 6	6
3.2. MÔN CÔNG NGHỆ 7	7
3.3. MÔN CÔNG NGHỆ 8	9
3.4. MÔN KHTN6	10
3.5. MÔN KHTN7	16
3.6. MÔN KHTN 8	20
3.7. MÔN TOÁN 6	23
3.8. MÔN TOÁN HỌC 7	23
3.9. MÔN TOÁN HỌC 8	27
3.10. MÔN TOÁN HỌC 9	27
3.11. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6	27
3.12. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 7	28
3.13. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 8	28
3.14. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 9	29
3.15. MÔN TIN HỌC 6	29
3.16. MÔN TIN HỌC 7	30
3.17. MÔN TIN HỌC 8	30

3.18. MÔN TIN HỌC 9	30
4. PHÒNG HỌC BỘ MÔN/PHÒNG THÍ NGHIỆM/PHÒNG ĐA NĂNG/SÂN CHƠI, BÀI TẬP	30
4.1. MÔN CÔNG NGHỆ 6	31
4.2. MÔN CÔNG NGHỆ 7	31
4.3. MÔN CÔNG NGHỆ 8	31
4.4. MÔN CÔNG NGHỆ 9	31
4.5. MÔN TOÁN HỌC 6	31
4.6. MÔN TOÁN HỌC 7	31
4.7. MÔN TOÁN HỌC 8	32
4.8. MÔN TOÁN HỌC 9	32
4.9. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6; 7; 8	32
4.11. MÔN TIN HỌC 6; 7; 8; 9	32
II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC	34
1. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH.....	34
1.1. MÔN CÔNG NGHỆ 6.....	34
1.2. MÔN CÔNG NGHỆ 7	36
1.3. MÔN CÔNG NGHỆ 8	39
1.4. MÔN CÔNG NGHỆ 9	42
1.5. MÔN KHTN6	46
1.6. MÔN KHTN7	58
1.7. MÔN KHTN8	67
1.8. MÔN HÓA 9.....	80
1.9. MÔN VẬT LÝ 9	95
1.10. MÔN SINH HỌC 9.....	112

1.11. MÔN TOÁN HỌC 6.....	134
1.12. MÔN TOÁN 7	147
1.13. MÔN TOÁN HỌC 8.....	163
1.14. MÔN TOÁN HỌC 9.....	181
1.15. MÔN GDTC 6.....	193
1.16. MÔN GDTC 7.....	208
1.17. MÔN GDTC 8.....	222
1.18. MÔN THỂ DỤC 9	235
1.19. MÔN TIN HỌC 6	253
1.20. MÔN TIN HỌC 7	257
1.21. MÔN TIN HỌC 8	259
1.22. MÔN TIN HỌC 9	264

2. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ

2.1. MÔN CÔNG NGHỆ 6	269
2.2. MÔN CÔNG NGHỆ 7	270
2.3. MÔN CÔNG NGHỆ 8	270
2.4. MÔN CÔNG NGHỆ 9	270
2.5. MÔN KHTN6	271
2.6. MÔN KHTN7	271
2.7. MÔN KHTN8	272
2.8. MÔN HÓA 9.....	272
2.9. MÔN VẬT LÝ 9.....	273
2.10. MÔN SINH 9	273
2.11. MÔN TOÁN HỌC 6.....	273

2. 12. MÔN TOÁN HỌC 7	274
2. 13. MÔN TOÁN HỌC 8	274
2. 14. MÔN TOÁN HỌC 9	275
2. 15. MÔN GDTC 6.....	276
2. 16. MÔN GDTC 7.....	277
2. 17. MÔN GDTC 8.....	277
2. 18. MÔN THỂ DỤC 9	277
2. 19. MÔN TIN HỌC 6	277
2. 20. MÔN TIN HỌC 7	278
2. 21. MÔN TIN HỌC 8	278
2. 22. MÔN TIN HỌC 9	279

III. CÁC NỘI DUNG KHÁC (nếu có):	280
---	------------

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI
TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN
MÔN HỌC: TOÁN HỌC (LỚP 6; 7; 8; 9); KHTN (LỚP 6; 7; 8); CÔNG NGHỆ (LỚP 6;7 ; 8; 9);
GDTC(LỚP 6; 7; 8;); THỂ DỤC 9; VẬT LÝ 9; SINH HỌC 9; HÓA HỌC 9; TIN (6,7,8,9)
NĂM HỌC 2023 – 2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. SỐ LỚP

13 lớp; Số học sinh: 454/225 Nữ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có): không

2. SỐ GIÁO VIÊN

14 giáo viên: 03 GV HĐ. Trình độ đào tạo: Đại học: 13;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 11, Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

Trong đó:

Toán học 6: 2 GV; Toán 7: 1 GV; Toán 8: 2 GV; Toán 9: 2 GV; KHTN 6: 3 GV; KHTN 7: 3 GV; KHTN 8: 3 GV; Tin học 6: 2 GV; Tin học 7: 1 GV; Tin học 8: 1 GV; Tin học 9: 1 GV; GDTC 6; 7; 8: 1 GV; TD 9: 1GV; CN 6: 2 GV; CN 7; 8; 9: 1 GV; Lý 9: 1 GV; Hóa 9: 2 GV; Sinh 9: 2 GV.

3. THIẾT BỊ DẠY HỌC

3.1. MÔN CÔNG NGHỆ 6

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
I. Tranh ảnh				
1	Vai trò và đặc điểm chung của nhà ở	02	Bài 1. Khái quát về nhà ở	
2	Kiến trúc nhà ở Việt Nam	02		
3	Xây dựng nhà ở	02	Bài 2. Xây dựng nhà ở	
4	Ngôi nhà thông minh	02	Bài 3. Ngôi nhà thông minh	
5	Thực phẩm trong gia đình	02	Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng	
6	Phương pháp bảo quản thực phẩm	02	Bài 5. Bảo quản thực phẩm	

7	Phương pháp chế biến thực phẩm	02		
8	Trang phục và đời sống	02	Bài 7. Trang phục trong đời sống	
9	Thời trang trong cuộc sống	02	Bài 9. Thời trang	
10	Lựa chọn và sử dụng trang phục	02	Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục	
11	Nồi cơm điện	02	Bài 12. Nồi cơm điện	
12	Bếp điện	02	Bài 13. Bếp hồng ngoại	
13	Đèn điện	02	Bài 11. Đèn điện	

II. Video

1	Giới thiệu về bản chất, đặc điểm, một số hệ thống kỹ thuật công nghệ và tương lai của ngôi nhà thông minh.	01	Bài 3. Ngôi nhà thông minh	
2	Giới thiệu về sinh an toàn thực phẩm, những vấn đề cần quan tâm để đảm bảo an toàn thực phẩm trong gia đình	01	Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm	
3	Giới thiệu về trang phục, vai trò của trang phục, các loại trang phục, lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục; thời trang trong cuộc sống.	01	Bài 7. Trang phục trong đời sống Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục	
4	Giới thiệu về an toàn điện khi sử dụng đồ điện trong gia đình, cách sơ cứu khi người bị điện giật.	01	Bài 10. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình	
5	Giới thiệu về năng lượng, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.	01	Bài 14. Dự án An toàn và tiết kiệm điện năng trong gia đình	

III. Thiết bị thực hành

1	Bộ dụng cụ sử dụng trong chế biến món ăn không sử dụng nhiệt.	02	Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm	
2	Bộ dụng cụ tĩa hoa, trang trí món ăn không sử dụng nhiệt.	02		
3	Hộp mẫu các loại vải	02	Bài 7. Trang phục trong đời sống	
4	Nồi cơm điện	02	Bài 12. Nồi cơm điện	
5	Bếp điện	02	Bài 13. Bếp hồng ngoại	
6	Bóng đèn các loại	02	Bài 11. Đèn điện	

3.2. MÔN CÔNG NGHỆ 7

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
I. Tranh ảnh				
1	Vai trò của trồng trọt	01	Bài 1: Giới thiệu về trồng trọt	
2	Một số cây trồng phổ biến	01		
3	Trồng ngô trong tự nhiên	01		
4	Trồng hoa trong nhà kính	01		
5	Nhà trồng cây có hệ thống nước tưới tự động	01		
6	Một số ngành nghề trồng trọt	01		
7	Một số công việc làm đất trồng cây	01	Bài 2: Làm đất trồng cây	
8	Một số cách bón phân lót	01		
9	Một số hình thức gieo trồng	01	Bài 3: Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng	
10	Kỹ thuật chăm sóc cây trồng	01		
11	Cách sử dụng thuốc hóa học trừ sâu	01		
12	Một số phương pháp thu hoạch sản phẩm trồng trọt	01	Bài 4: Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	
13	Một số phương pháp bảo quản sản phẩm trồng trọt	01		
14	Các phương pháp nhân giống vô tính.	03	Bài 5: Nhân giống vô tính cây trồng	
15	Các bước trồng rau trong chậu hoặc thùng xốp	01	Bài 6: Dự án trồng rau an toàn	
16	Các thành phần của rừng	01	Bài 7: Giới thiệu về rừng	
17	Các loại rừng phổ biến ở Việt Nam	01		
18	Các bước trồng rừng bằng cây con có bầu và cây con rễ trần	01	Bài 8: Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	
19	Các công việc chăm sóc cây rừng	01		
20	Một số vai trò trong chăn nuôi.	01	Bài 9: Giới thiệu về chăn nuôi	
21	Một số vật nuôi phổ biến ở Việt Nam	01		
22	Một số giống vật nuôi đặc trưng theo vùng miền	01		
23	Phương thức chăn nuôi nông hộ và trang trại.	01		
24	Ngành nghề trong chăn nuôi	02		
25	Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.	01	Bài 10: Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	
26	Nuôi dưỡng chăm sóc vật nuôi non.	01		

27	Một số biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi	02	Bài 11: Phòng trị bệnh cho vật nuôi	
28	Chuồng nuôi gà thịt	02	Bài 12: Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ	
29	Một số thức ăn tự nhiên của gà	01		
30	Một số giống chó, mèo, chim cảnh	03	Bài 13: Thực hành lập kế hoạch nuôi vật nuôi trong gia đình	
31	Một số vai trò của thủy sản	01	Bài 14: Giới thiệu về thủy sản	
32	Một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao	01		
33	Một số loại ao nuôi cá phổ biến	01	Bài 15: Nuôi cá ao	
34	Một số giống cá nước ngọt phổ biến ở Việt Nam.	01		
35	Một số biểu hiện khi cá bị bệnh	01		
35	Một số loại bể nuôi cá cảnh	01	Bài 16: Lập kế hoạch nuôi cá cảnh	

II. Video

1	Video Trồng trọt công nghệ cao	01	Bài 1: Giới thiệu về trồng trọt	
2	Video Kỹ thuật làm đất trồng	01	Bài 2: Làm đất trồng cây	
3	Video Kỹ thuật chăm sóc cây trồng	01	Bài 3: Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng	
4	Video về thu hoạch nông sản	01	Bài 4: Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	
5	Video kỹ thuật nhân giống vô tính	01	Bài 5: Nhân giống vô tính cây trồng	
6	Video về trồng rau an toàn	01	Bài 6: Dự án trồng rau an toàn	
7	Video chăn nuôi công nghệ cao	01	Bài 9: Giới thiệu về chăn nuôi	
8	Video về kỹ thuật chăn nuôi gà thịt	01	Bài 12: Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ	
9	Video về kỹ thuật chuẩn bị ao nuôi cá	01	Bài 15: Nuôi cá ao	

III. Thiết bị thực hành

1	- Dao, kéo, lọ thủy tinh	04	Bài 5: Nhân giống vô tính cây trồng	
2	- Bình tưới nước, khay đựng đất	04		
	- Chậu nhựa/ thùng xốp	04	Bài 6: Dự án trồng rau an toàn	
3	- Dụng cụ trồng và tưới nước	04		
4	- Nhiệt kế	04	Bài 15: Nuôi cá ao	
5	- Đĩa secchi	04		

3.3. MÔN CÔNG NGHỆ 8

STT	Thiết bị dạy học	Số	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi
-----	------------------	----	------------------------------	-----

		lượng		chú
I. Tranh ảnh				
1	Hình chiếu vuông góc	01 tờ	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	
2	Bản vẽ xây dựng	01 tờ	Bài 5. Bản vẽ nhà	
3	Tình huống mất an toàn điện	01 tờ	Bài 11. Tai nạn điện	
4	Sơ cứu người bị điện giật	01 tờ	Bài 13. Sơ cứu người bị tai nạn điện	
5	Cấu trúc chung của mạch điện	01 tờ	Bài 14. Khái quát về mạch điện	
6	Mạch điện điều khiển đơn giản	01 tờ	Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm ứng	
II. Video				
1	An toàn điện	01 cái	Bài 12. Biện pháp an toàn điện	
III. Thiết bị thực hành				
1	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	04 bộ	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	
2	Bộ dụng cụ thực hành cơ khí	04 bộ	Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay Bài 10. Dự án. Gia công chi tiết bằng tay	
3	Bộ dụng cụ bảo vệ, an toàn điện	04 bộ	Bài 12. Biện pháp an toàn điện Bài 13. Sơ cứu người bị tai nạn điện.	
3	Cảm biến	04 bộ	Bài 15. Cảm biến và mô đun cảm biến Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến	
4	Bộ công cụ phát triển ứng dụng dựa trên vi điều khiển	04 bộ		
5	Bộ vật liệu điện	04 bộ		
6	Bộ dụng cụ điện	04 bộ		
IV. Thiết bị và dụng cụ khác				
1	Máy chiếu	1	Tất cả các bài	
2	Máy tính	1	Tất cả các bài	
3	Giấy A4	4 Gam	Tất cả các bài	
4	Bút	4 hộp	Tất cả các bài.	
5	Khối hình học cơ bản	04 bộ	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	
6	Mẫu vật liệu cơ khí	04 bộ	Bài 6. Vật liệu cơ khí	
7	Cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động	04 bộ	Bài 7. Truyền và biến đổi chuyển động	
8	Bộ dụng cụ cơ khí	04 bộ	Bài 6. Vật liệu cơ khí	
9	Bộ vật liệu cơ khí	04 bộ	Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay	

3.4. MÔN KHTN6

* Phân môn lí

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Dụng cụ để HS làm thí nghiệm trong Hình 1.1	4 bộ	Bài 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên	
2	Hình ảnh kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành	4 bộ	Bài 2. An toàn trong phòng thực hành	
3	- Một số dụng cụ đo chiều dài (Thước thẳng, thước cuộn, thước dây...)	4 bộ	Bài 5: Đo chiều dài	
4	- Một số loại cân thông dụng, vật để cân, quả cân...	4 bộ	Bài 6: Đo khối lượng	
5	Hình ảnh, một số loại đồng hồ đo thời gian.	4 bộ	Bài 7: Đo thời gian	
6	- Thiết bị thí nghiệm mô tả	4 bộ	Bài 8: Đo nhiệt độ	
	sự nở vì nhiệt của chất lỏng. Một số loại nhiệt kế (Nhiệt kế điện tử, nhiệt kế thủy ngân)			
7	- Lực kế có giới hạn đo 1N, 2N...; Quả nặng trọng lượng 1N, 2N; Nam châm; giá thí nghiệm. - Dụng cụ để học sinh làm thí nghiệm về lực tiếp xúc, về lực không tiếp xúc, về biến dạng của vật: Lò xo lá tròn, sợi dây cao su, xe lăn, nam châm...	- 4 bộ - 4 bộ	Bài 40: Lực là gì?	
8	- Các loại lực kế có giới hạn đo 1N, 2N, 5N...; quả nặng; Giá thí nghiệm; Thước kẻ...	- 4 bộ	Bài 41: Biểu diễn lực	
9	- Các loại lò xo có chiều dài khác nhau, giá thí nghiệm, quả nặng.	- 4 bộ	Bài 42: Biến dạng của lò xo	
10	- Các dụng cụ để làm thí nghiệm đo trọng lượng: Lực kế, quả nặng... - Lực kế lò xo có các giới hạn đo khác nhau. - Quả nặng 100g, 200g, 500g... - Các dụng cụ để làm thí nghiệm đo trọng lượng: Lực kế, quả nặng...	- 4 bộ - 4 bộ - 4 bộ	Bài 43: Trọng lượng và lực hấp dẫn	
11	- Lực kế có giới hạn đo 1N,	- 4 bộ	Bài 44: Lực ma sát	
	2N, 5N..., hộp gỗ, quả nặng			

12	- Dụng cụ thí nghiệm về lực cản của nước.	- 4 bộ	Bài 45: Lực cản của nước	
13	- Hình ảnh về quá trình sử dụng và truyền năng lượng. - Đèn pin, bóng đèn, nguồn điện.. - Ống thổi, chong chóng, xe đồ chơi...	- 1 bộ - 4 bộ - 4 bộ	Bài 46: Năng lượng và truyền năng lượng	
14	- Hình ảnh về quá trình sử dụng năng lượng trong các vật dụng khác nhau.	- 1 bộ	Bài 47: Một số dạng năng lượng	
15	- Hình ảnh về quá trình chuyển hóa năng lượng. - Đèn pin, quạt điện.. - Bộ thí nghiệm về con lắc đơn để làm thí nghiệm về bảo toàn năng lượng. - Quả bóng tennis, thước dây, que tăm, lõi chì, phiếu học tập...	- 1 bộ - 4 bộ - 4 bộ - 4 bộ	Bài 48: Sự chuyển hóa năng lượng	
16	- Hình ảnh về sử dụng năng lượng trong đun nước bằng các hình thức khác nhau, sử dụng năng lượng khác. - Hình ảnh về sử dụng năng lượng trong các vật dụng: Bóng đèn, xe ô tô, quạt điện...	- 1 bộ - 1 bộ	Bài 49: Năng lượng hao phí	
17	- Hình ảnh về các nguồn năng lượng trong tự nhiên	- 1 bộ	Bài 50: Năng lượng tái tạo	
	và nhân tạo. - Hình ảnh về sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo. - Hình ảnh về lợi ích trong việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.	- 1 bộ - 1 bộ		
18	- Hình ảnh về quá trình sử dụng các loại năng lượng trong gia đình và trong cuộc sống.	- 1 bộ	Bài 51: Tiết kiệm năng lượng	
19	- Mô hình quả địa cầu, mặt trăng, mặt trời và các thiên thể.. - Hình ảnh Trái Đất, Mặt Trăng, Mặt Trời và các thiên thể.	- 4 bộ - 1 bộ	Bài 52: Chuyển động nhìn thấy của bầu trời và thiên thể	
20	- Hình ảnh Trái Đất, Mặt Trăng.	1 bộ	Bài 53: Mặt trăng	

21	- Hình ảnh về hệ Mặt Trời và các hành tinh trong hệ mặt trời. - Hộp giấy, băng dính, kéo, đinh ghim.. Và các vật dụng chế tạo dụng cụ quan sát vết đen trên Mặt Trời	- 1 bộ - 4 bộ	Bài 54: Hệ mặt trời	
22	- Hình ảnh về dải Ngân Hà. - Các vật liệu: Bìa màu xanh thẫm, màu vẽ, que làm trục quay của chong chóng, quạt điện nhỏ để tạo gió...	- 1 bộ - 1 bộ	Bài 55: Ngân hà	

*** Phân môn hóa**

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Bộ TN để đo nhiệt độ nóng chảy của nước đá: cốc nước đá, nhiệt kế. - Bộ TN tìm hiểu tính tan: 3 cốc nước, muối, đường, dầu ăn dừa. - Bộ TN đun nóng đường và muối: 2 bát sứ, đường, muối ăn, giá TN, đèn cồn, bật lửa.	4 4 4	Bài 9: Sự đa dạng của chất	
2	- Bộ TN để đo nhiệt độ sôi của nước: nước, cốc thủy tinh chịu nhiệt, nhiệt kế, đèn cồn. - Bộ TN làm nóng chảy của nước đá: nước đá, cốc thủy tinh chịu nhiệt, ống nghiệm, nhiệt kế, đèn cồn.	4 4	Bài 10: Các thể của chất và sự chuyển thể	
3	-Hình ảnh: oxygen có mặt ở khắp nơi trên trái đất. - Dụng cụ: 2 ống nghiệm có nút, 1 chậu thủy tinh; 1 cốc thủy tinh hình trụ có vạch chia; diêm - Hóa chất: nước pha màu, đá, 1 cây nến gắn vào đế nhựa, nước vôi trong hoặc dung dịch kiềm loãng.	1	Bài 11: Oxygen không khí	
4	- Hình ảnh về các vật dụng mũi tên bằng đá, đồ gốm, một số vật dụng trong gia đình. - Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định khả năng dẫn điện của vật liệu: Bộ mạch điện (nguồn, công tắc,	1 4	Bài 12: Một số vật liệu	

	bóng đèn), các vật dụng bằng kim loại, nhựa, gỗ, cao su, thủy tinh, gốm sứ. - Bộ dụng cụ thí nghiệm xác định khả năng dẫn nhiệt của vật liệu: Bát sứ, các thìa bằng kim loại, gỗ, sứ, nhựa.	4		
5	- Dụng cụ, hóa chất: Đá vôi, dd hydrochloric acid, đĩa thủy tinh, đinh sắt, ống hút.		Bài 13: Một số nguyên liệu	
6	- Hình ảnh, video về nguồn nhiên liệu hóa thạch... - Tìm hiểu tính chất và ứng dụng của 1 số nhiên liệu: Củi, than, xăng, khí gas...		Bài 14: Một số nhiên liệu	
7	- Hình ảnh về các loại lương thực, thực phẩm và sự biến đổi của chúng. - Đoạn video về sự biến đổi của carbohydrate: - Đoạn video về dinh dưỡng hằng ngày		Bài 15: Một số lương thực thực phẩm	
8	- Hoạt động dung dịch: Cần chuẩn bị 1 lọ đường, 1 bình nước cất, 1 cốc thủy tinh 100ml, 1 bộ thìa, 1 đèn cồn, 1 hộp diêm(bật lửa). - Hoạt động <i>Phân biệt huyền phù với dung dịch</i> cần chuẩn bị: 1 lọ đường, 1 lọ bột sắn dây, 2 cốc thủy tinh 100ml, 2 thìa, nước cất. - Hoạt động <i>Sự hòa tan một số chất rắn</i> cần chuẩn bị: đường, muối ăn, bột đá vôi, thìa, 3 ống nghiệm, nước.		Bài 16: Hỗn hợp các chất	
9	Hình ảnh về một số hiện tượng tách chất ra khỏi hỗn hợp. - Đoạn video về thực hành thí nghiệm tách muối ra khỏi hỗn hợp nước muối: Phiếu học tập KWL và phiếu học tập + Nhóm 1(tổ 1): đất, nước, 2 cốc thủy tinh, phễu lọc, giấy lọc. Nhóm 2(tổ 2): dầu ăn, nước, 1 cốc thủy tinh, phễu chiết, chai nhựa, giá sắt, kẹp sắt.		Bài 17: Tách chất khỏi hỗn hợp	

*** Phân môn sinh**

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
Chương V: Tế bào				
1	Kính lúp	8	Bài 3. Sử dụng kính lúp	
2	Kính hiển vi quang học	1	Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học	
			phần của tế bào	
3	Hình ảnh: một số loại tế bào	4	Bài 18. Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống	
4	Hình ảnh: Sơ đồ các thành phần chính của tế bào.	4	Bài 19. Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào	
5	Kính hiển vi quang học	4	Bài 21. Thực hành. Quan sát, phân biệt một số loại tế bào	
6	Tranh một số loại vi khuẩn, tranh về các loại vi khuẩn gây bệnh.	4	Bài 27. Vi khuẩn	
7	Nhiệt kế, kính hiển vi, bộ lam kính và lamen, ống nhỏ giọt, giấy thấm, cốc 1,2 lít, thìa trộn, nước cất, cốc thủy tinh, ấm đun nước, thùng xốp có nắp, lọ thủy tinh nhỏ có nắp.	4	Bài 28.TH : Làm sữa chua và quan sát hình thái vi khuẩn	
8	Kính hiển vi có vật kính 10x, Lam kính, lamen, Ống nhỏ giọt, giấy thấm, cốc thủy tinh.		Bài 31. Thực hành: Quan sát nguyên sinh vật	
9	Hình ảnh một số loại nấm	4	Bài 32. Nấm	
10	Tranh ảnh về các nhóm thực vật	4	Bài 35: Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm thực vật	

11	Vợt bướm, lọ đựng mẫu vật... Hình ảnh các loại động vật ở các hệ sinh thái cốc thủy tinh. - Nước ao, hồ	4	Bài 37. Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên	
----	---	---	---	--

3.5. MÔN KHTN7

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Cổng quang điện	1	Bài 1: Phương pháp và kĩ năng học tập môn KHTN	
	Đồng hồ điện tử	1		
	Giá đỡ thí nghiệm	1		
2	Tranh ảnh, mô hình các nguyên tử: C, N, O	1	Bài 2: Nguyên tử	
3	Các tấm thẻ ghi thông tin các nguyên tử	12	Bài 3: Nguyên tố hóa học	
	Các mẫu đồ hộp	6		
4	Thẻ ghi thông tin các nguyên tố	18	Bài 4: Sơ lược về bảng tuần hoàn các NTHH	
	Mô hình sắp xếp các electron ở vỏ nguyên tử của các nguyên tố	6		
5	Tranh ảnh, mô hình biểu diễn phân tử của một số chất	1	Bài 5: Phân tử - Đơn chất – Hợp chất	
6	Tranh ảnh, sơ đồ mô tả sự hình thành liên kết trong một số chất	1	Bài 6: Giới thiệu về liên kết hóa học	
7	Bảng hóa trị của các nguyên tố, nhóm nguyên tử	1	Bài 7: Hóa trị và CTHH	
8	Máy chiếu	1	Bài 8: Tốc độ chuyển động	
	Tóc kẻ	1		
9	Đồng hồ bấm giây	6	Bài 9: Đo tốc độ	
	Đồng hồ đo thời gian hiện số	6		
	Cổng quang điện	1		
10	Máy chiếu	1	Bài 10: Đồ thị quãng đường – thời gian	
	Thước thẳng	6		

11	Máy chiếu, máy tính	1	Bài 11: Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông	
12	Máy chiếu, máy tính	1	Bài 12: Sóng âm	
	Lò xo	6		
	Âm thoa	6		
	Thanh thép đàn hồi	6		
	Giá đỡ	6		
	Khay đựng nước	6		
13	Máy chiếu, máy tính	1	Bài 13: Độ to và độ cao của âm	
	Thuốc kẹp	6		
	Hộp nhựa chữ nhật rỗng	6		
	Dây thun bản lớn	6		
	Dây thun bản nhỏ	6		
	Ông hút nhựa	6		
	Dây đàn, dây thun	6		
	Bình nước nhựa	6		
14	Hộp làm bằng vật liệu cách âm	6	Bài 14: Phản xạ âm, chống ô nhiễm tiếng ồn	
	Tấm gỗ nhãn	6		
	Tấm gỗ sần sùi	6		
	Tấm xốp mềm	6		
	Đồng hồ để bàn nhỏ	6		
	Giá đỡ tấm phản xạ âm	6		
	Máy chiếu, máy tính	1		
15	Máy chiếu, máy tính	1	Bài 15: Năng lượng ánh sáng. Tia sáng, vùng tối	
	Pin quang điện	6		
	Đèn pin gắn trên giá	6		
	Điện kế nhạy	6		
	Hộp bìa cát tông có khoét lỗ nhỏ	6		
	Đèn LED nhỏ	6		
	Quả bóng nhựa nhỏ sẫm màu	6		
	Màn chắn thẳng đứng	6		
	Gương phẳng	6		

16	Bảng chia độ	6	Bài 16: Sự phản xạ ánh sáng	
	Đèn tạo chùm sáng hẹp	6		
	Thước kẻ thẳng, thước đo góc	6		
	Máy chiếu, máy tính	1		
17	Gương phẳng	6	Bài 17: Ảnh của vật qua gương phẳng	
	Tấm kính trong	6		
	Cặp nên (pin)	6		
	Thước đo	6		
	Giá đỡ tấm kính	6		
	Giá đỡ nên	6		
	Máy chiếu, máy tính	1		
18	Nam châm thường	6	Bài 18: Nam châm	
	Nam châm chữ U	6		
	Kim nam châm	6		
	Các vật sắt, đồng nhỏ	6		
	Máy chiếu, máy tính	1		
19	Máy chiếu, máy tính	1	Bài 19: Từ trường	
	Bộ thí nghiệm Osterd	1		
	La bàn	6		
	Thanh nam châm thẳng	6		
	Tấm bìa các-tông hoặc mi-ca	6		
	Hộp mạt sắt	6		
	Kim nam châm	6		
20	Máy chiếu, máy tính	1	Bài 20: Chế tạo nam châm điện đơn giản	
	Nam châm điện	6		
	Kim nam châm	6		
	Mô hình chuông điện	6		
21	Tranh hình về sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật	1	Bài 21: Khái quát về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng	
22	Tranh hình về quang hợp và vai trò củ lá cây trong quá trình quang hợp	1	Bài 22: Quang hợp ở thực vật	

23	Tranh hình về các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	1	Bài 23: Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	
24	Giá thí nghiệm, băng giấy đen, bóng đèn 500W, nước ấm, cốc thủy tinh, nhiệt kế, panh, đèn cồn, đĩa petri, ống nghiệm	6 bộ	Bài 24: Thực hành: Chứng minh quang hợp ở cây xanh	
25	Tranh hình về hô hấp ở tế bào	1	Bài 25: Hô hấp tế bào	
26	Tranh hình minh họa biện pháp bảo quản nông sản	1	Bài 26: Một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào	
27	Tủ ấm, đĩa petri, cốc thủy tinh, nhiệt kế, nhãn dán, nước ấm, bông y tế, chuông thủy tinh, giấy thấm	6 bộ	Bài 27: Thực hành: Hô hấp ở thực vật	
28	Tranh hình khái quát về trao đổi khí ở thực vật, động vật và người	1	Bài 28: Trao đổi khí ở sinh vật	
29	Mô hình phân tử nước	1	Bài 29: Vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật	
	Hình ảnh minh họa vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với SV	1		
30	Tranh ảnh về hệ rễ cây, quá trình hấp thụ, vận chuyển các chất, thoát hơi nước	1	Bài 30: Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật	
	Tranh ảnh về các loại đất trồng ở Việt Nam	1		
31	Tranh ảnh về sự biến đổi thức ăn, 2 vòng tuần hoàn ở người	1	Bài 31: Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật	
32	Cốc thủy tinh, dao mổ, kính lúp, túi nilon Hóa chất: Nước pha màu	4	Bài 32: Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	
33	Tranh ảnh về hiện tượng cảm ứng ở sinh vật	1	Bài 33: Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật	
34	Tranh ảnh về ứng dụng của hiện tượng cảm ứng ở sinh vật	1	Bài 34: Vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn	
35	Chậu cây cảnh, đất trồng cây, que tre, nước, hộp carton	6 bộ	Bài 35: Thực hành: Cảm ứng ở sinh vật	
	Hạt bầu, hạt bí hoặc cây non các loài đỏ	6 bộ		
36	Tranh ảnh về sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật	1	Bài 36: Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	

37	Tranh ảnh về ứng dụng sinh trưởng, phát triển của sinh vật vào thực tiễn	1	Bài 37: Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật vào thực tiễn	
38	Chai nhựa, đất trồng cây, bình tưới, nước ấm, kéo, thước đo	6 bộ	Bài 38: Thực hành: Quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật	
	Hạt đậu, hạt ngô, hạt lạc	6 bộ		
39	Tranh ảnh về sinh sản vô tính ở sinh vật	01	Bài 39: Sinh sản vô tính ở sinh vật	
40	Tranh ảnh về cấu tạo hoa lưỡng tính, các giai đoạn sinh sản hữu tính ở sinh vật	1	Bài 40: Sinh sản hữu tính ở sinh vật	
41	Tranh ảnh về các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật	1	Bài 41: Một số yếu tố ảnh hưởng và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật	
42	Sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào, cơ thể và môi trường	1	Bài 42: Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất	
	Sơ đồ mối quan hệ giữa các hoạt động sống trong cơ thể	1		

3.6. MÔN KHTN 8

PHÂN MÔN: HOÁ HỌC

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Một số dụng cụ thủy tinh như: ống nghiệm, cốc thủy tinh, bình nón, phễu lọc, ống đong, ống hút nhỏ giọt, kẹp gỗ ... - Một số thiết bị: máy đo pH, huyết áp kế.	1bộ	Bài 1: Sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm	
2	- Nước đá viên; cốc thủy tinh, nhiệt kế, đèn cồn, kiềng sắt, bột sắt, bột lưu huỳnh; ống nghiệm chịu nhiệt, đĩa thủy tinh, đèn cồn, bật lửa. - Các dung dịch: hydrochloric acid loãng, sodium hydroxide, copper (II) sulfate, barium chloride, kẽm viên; ống nghiệm, ống hút nhỏ giọt.	1bộ	Bài 2: Phản ứng hoá học	
3	- Hóa chất: Nước cất, muối ăn, sữa bột (hoặc bột sắn, bột gạo, ...), copper (II) sulfate - Dụng cụ: Đũa thủy tinh, cốc thủy tinh.	1bộ	Bài 4: Dung dịch và nồng độ	
4	- Dụng cụ: cân robecvan, cốc thủy tinh, ống nghiệm, kẹp gỗ, ống hút hóa chất.	1bộ	Bài 5: Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học	

	- Hoá chất: dd sodium sulfate (Na_2SO_4), barium chloride (BaCl_2).			
5	- Dụng cụ: ống nghiệm, kẹp ống nghiệm, giá thí nghiệm, ống nhỏ giọt. - Hóa chất: Acid HCl, Zn, giấy quỳ tím.	1bộ	Bài 8: Acid	
6	- Dd NaOH loãng; HCl loãng; phenolphthalein; giấy quỳ tím/ giấy pH; ống nghiệm, ống hút nhỏ giọt. - Nước lọc, nước chanh, nước ngọt có gas, nước rửa bát, giấm ăn, dung dịch baking soda (NaHCO_3), giấy pH, đĩa thủy tinh.	1bộ	Bài 9: Base. Thang Ph	
7	- Dụng cụ: Giá đỡ ống nghiệm, ống nghiệm, thìa thủy tinh, ống hút nhỏ giọt, bình tam giác (loại 100 mL), ống thủy tinh, ống nối cao su. - Hóa chất: CuO, dung dịch HCl loãng, dung dịch nước vôi trong, CO_2 (được điều chế từ bình tạo khí CO_2).	1bộ	Bài 10: Oxide	
8	- Dụng cụ: ống nghiệm, kẹp gỗ. - Hoá chất: dung dịch CuSO_4 , BaCl_2 , H_2SO_4 loãng, NaOH loãng, Na_2SO_4 .	1bộ	Bài 11: Muối	
9	- Tranh, ảnh mô tả cách sử dụng phân bón hóa học - Một số mẫu phân bón hóa học	5	Bài 12. Phân bón hóa học	

PHÂN MÔN: LÝ

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
12	- Thỏi sắt, cân điện tử	5	Bài 13: Khối lượng riêng	
13	- Khối gỗ hình hộp, cân điện tử, thước thẳng, ống đong, cốc thủy tinh, vật không thấm nước.	5	Bài 14: Thực hành xác định khối lượng riêng.	
14	- Khối sắt hình hộp, khay nhựa	5	Bài 15: Áp suất trên một bề mặt	
15	- Bình hình trụ, bình lớn chứa nước cao 50 cm, pit-tông, quả nặng	5	Bài 16: Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển.	

	- Một cốc thủy tinh, một tấm nylon cứng, khay đựng dụng cụ TN			
16	- Lực kế 2N, cân điện tử, bình tràn, quả nặng bằng nhựa 130g, ống đồng, giá thí nghiệm.	5	Bài 17: Lực đẩy Archimedes	
17	- Thanh nhựa cứng có lỗ cách đều, giá thí nghiệm, quả nặng, móc treo, chìa khóa vạn ốc vít.	5	Bài 18: Tác dụng làm quay của lực. Moment lực.	
18	- Thanh nhựa cứng có lỗ cách đều, giá thí nghiệm, quả nặng, móc treo.	5	Bài 19: Đòn bẩy và ứng dụng	
19	- Chiếc đĩa nhựa, chiếc đĩa thủy tinh, mảnh vải len (dạ), mảnh vải lụa, giá thí nghiệm, dây treo. - Bộ thí nghiệm vật nhiễm điện.	5	Bài 20: Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát.	
20	- Pin 3V, bóng đèn 2,5V, công tắc, kẹp nối, lá nhôm, đồng, nhựa, dây điện.	5	Bài 21: Dòng điện, nguồn điện.	
21	- Pin, bóng đèn, công tắc, kẹp nối, lá nhôm, đồng, nhựa, dây điện, cầu chì, cầu dao tự động, Role, chuông điện.	5	Bài 22: Mạch điện đơn giản	
22	- Nguồn điện 6V, bóng đèn pin, công tắc, dd CuSO_4 , hai thỏi than.	5	Bài 23: Tác dụng của dòng điện.	
23	- Nguồn điện (pin) 1,5V, 3V, 4,5V, bóng đèn 1,5V, công tắc, dây nối, biến trở, ampe kế.	5	Bài 24: Cường độ dòng điện và hiệu điện thế.	
24	- Nguồn điện (pin) 1,5V, 3V, 6V, bóng đèn 6V-0,5A, công tắc, dây nối, ampe kế 0,5A có độ chia nhỏ nhất 0,01A, vôn kế 6V có độ chia nhỏ nhất 0,1V.	5	Bài 25: Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế	
25	- Giá thí nghiệm, cốc thủy tinh, nhiệt kế, quả cầu kim loại, đèn cồn.	5	Bài 26: Năng lượng nhiệt và nội năng.	
26	- Bình lượng kế có dây đốt, que khuấy, nhiệt kế, dụng cụ đo năng lượng joulemeter, nguồn điện 12V, dây nối.	5	Bài 27: Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng joulemeter.	
27	- Bộ thí nghiệm dẫn nhiệt, giá sắt, đèn cồn, cốc thủy tinh, bình thủy tinh, tấm gỗ.	5	Bài 28: Sự truyền nhiệt.	
28	- Giá sắt, ba thanh nhôm, đồng, sắt, đèn cồn, bình thủy tinh.	5	Bài 29: Sự nở vì nhiệt.	

PHÂN MÔN: SINH

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Tranh: khái quát cơ thể người.	1	Bài 30: Khái quát về cơ thể người.	
2	- Nẹp tre/ gỗ, bang y tế/ dây vải, bông/gạc.	8	Bài 31: Hệ vận động ở người.	
3	- Băng, gạc, bông y tế, dây cao su/ dây vải, huyết áp kế, ống nghe tim phổi.	4	Bài 33: Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người.	
4	- Tranh hô hấp nhân tạo.	1	Bài 34: Hệ hô hấp ở người.	
5	- Tranh: Hệ bài tiết ở người	1	Bài 35: Hệ bài tiết ở người.	
6	- Tranh: Môi trường trong cơ thể	1	Bài 36: Điều hoà môi trường trong của cơ thể người.	
7	- Tranh: Hệ thần kinh và các giác quan ở người.	1	Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người.	
8	- Tranh: Cấu tạo da.	1	Bài 39: Da và điều hoà thân nhiệt ở người.	
9	- Tranh: Cơ quan sinh dục nam và nữ	1	Bài 40: Sinh sản ở người.	
10	- Tranh: Các kiểu tháp tuổi của quần thể	1	Bài 42: Quần thể sinh vật.	
11	- Tranh: Chuỗi thức ăn trong hệ sinh thái.	1	Bài 44: Hệ sinh thái	
12	- Tranh, ảnh	1	Bài 45: Sinh quyển.	
13	- Tranh, ảnh	1	Bài 46: Cân bằng tự nhiên.	

3.7. MÔN TOÁN 6

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bảng phụ	4cái/1lớp	Các bài học trong chương trình	
2	Bộ máy tính + Ti vi màn hình lớn	1bộ/1 lớp	Các bài học trong chương trình	
3	Bộ thiết bị dạy học hình học trực quan	4bộ/1lớp	Các bài học về hình học trực quan.	
4	Bộ thiết bị dạy hình học phẳng.	4bộ/1lớp	Các bài học trong chương trình hình học phẳng.	
5	Bộ thiết bị dạy Thống kê và Xác suất.	4bộ/1lớp	Các bài học về TK và XS trong chương trình.	
6	Máy vi tính cài sẵn phần mềm GEOGEBRA	1máy/2em	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	

3.8. MÔN TOÁN HỌC 7

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
-----	------------------	----------	------------------------------	---------

1	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 1: Tập hợp Q các số hữu tỉ	
2	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 2: Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ	
3	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Luyện tập chung	
4	Thước thẳng, phiếu học tập	3	Bài 3: Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ	
5	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 4: Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc chuyển vế.	
6	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Luyện tập chung	
7	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Bài tập cuối chương I	
8	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 5: Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn	
9	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 6: Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	
10	Thước thẳng, phiếu học tập	3	Bài 7: Tập hợp các số thực	
11	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Luyện tập chung	
12	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Bài tập cuối chương II	
13	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Ôn tập giữa học kì I	
14	Giấy kiểm tra	1	Kiểm tra giữa học kì I	
15	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 17: Thu thập và phân loại dữ liệu	
16	Thước thẳng, phiếu học tập, MC	3	Bài 18: Biểu đồ hình quạt tròn	
17	Thước thẳng, phiếu học tập, MC	2	Bài 19: Biểu đồ đoạn thẳng	
18	Thước thẳng, phiếu học tập, MC	2	Luyện tập chung	
19	Thước thẳng, MC	1	Bài tập cuối chương V	
20	MT có cài đặt phần mềm GeoGebra	2	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra	HĐTN
21	Thước thẳng, MC	3	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam	
22	Thước thẳng, MC	1	Ôn tập cuối học kì I	
23	Giấy kiểm tra	1	Kiểm tra cuối học kì I	
24	Thước thẳng, MC	1	Trả bài kiểm tra và hệ thống kiến thức HKI	
25	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 20: Tỷ lệ thức	
26	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Bài 21: Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	
27	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Luyện tập chung	
28	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 22: Đại lượng tỉ lệ thuận	
29	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 23: Đại lượng tỉ lệ nghịch	

30	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Luyện tập chung	
31	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Bài tập cuối chương VI	
32	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Ôn tập giữa học kì II	
33	Giấy kiểm tra	1	Kiểm tra giữa học kì II	
34	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Bài 24: Biểu thức đại số	
35	Thước thẳng, phiếu học tập	3	Bài 25: Đa thức một biến	
36	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 26: Phép cộng và phép trừ đa thức một biến	
37	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Luyện tập chung	
38	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 27: Phép nhân đa thức một biến	
39	Thước thẳng, phiếu học tập	3	Bài 28: Phép chia đa thức một biến	
40	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Luyện tập chung	
41	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Bài tập cuối chương VII	
42	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 29: Làm quen với biến cố	
43	Thước thẳng, phiếu học tập	2	Bài 30: Làm quen với xác suất của biến cố	
44	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Luyện tập chung	
45	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Bài tập cuối chương VIII	
46	Thước thẳng, phiếu học tập	1	Ôn tập cuối học kì II	
47	Giấy kiểm tra	1	Kiểm tra cuối học kì II	
48	Thước thẳng, MC	1	Trả bài và hệ thống kiến thức HKII	

PHẦN HÌNH HỌC, HĐTN

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Thước thẳng, thước đo góc	2	Bài 8: Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	
2	Thước thẳng, thước đo góc, ê e	2	Bài 9: Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết	
3	Thước thẳng, thước đo góc, ê ke, MC	2	Luyện tập chung	
4	Thước thẳng, thước đo góc, ê ke	2	Bài 10: Tiên đề Euclid. Tính chất hai đường thẳng song song	
5	Thước thẳng	1	Bài 11: Định lí và chứng minh định lí	
6	Thước thẳng	1	Luyện tập chung	
7	Thước thẳng, MC	1	Bài tập cuối chương III	

8	Thước thẳng, thước đo góc	1	Bài 12: Tổng các góc trong một tam giác	
9	Thước thẳng	2	Bài 13: Hai tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác	
10	Thước thẳng, MC	1	Luyện tập chung	
11	Thước thẳng, MC	2	Bài 14: Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác	
12	Thước thẳng, MC	1	Ôn tập giữa học kì I	
13	Thước thẳng, MC	1	Kiểm tra giữa học kì I	
14	Thước thẳng, MC	1	Luyện tập chung	
15	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	2	Bài 15: Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông	
16	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	2	Bài 16: Tam giác cân. Đường trung trực của một đoạn thẳng	
17	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	2	Luyện tập chung	
18	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Bài tập cuối chương III	
19	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Ôn tập cuối học kì I	
20	Giấy kiểm tra	1	Kiểm tra cuối học kì I	
21	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Trả bài kiểm tra và hệ thống kiến thức HKI	
22	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	2	Bài 31: Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác	
23	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Bài 32. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	
24	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Bài 33. Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác	
25	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	2	Luyện tập chung	
26	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	2	Bài 34. Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác	
27	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	2	Bài 35. Sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác	
28	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Ôn tập giữa học kì II	
29	Giấy kiểm tra	1	Kiểm tra giữa học kì II	
30	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Luyện tập chung	
31	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Bài tập cuối chương IX	

32	Thước thẳng, MC, phiếu học tập, ĐDHT	3	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	
33	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	2	Luyện tập chung	
34	Thước thẳng, MC, phiếu học tập, ĐDHT	3	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác	
35	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Bài tập cuối chương VIII	
36	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	2	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống	HĐTN
37	Đồ dùng HT	1	Vòng quay may mắn	HĐTN
38	Đồ dùng HT	1	Hộp quà và chiếc đế lịch để bàn của em	HĐTN
39	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	2	Ôn tập cuối học kì II	
40	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Kiểm tra cuối học kì II	
41	Thước thẳng, MC, phiếu học tập	1	Hệ thống kiến thức học kì II	

3.9. MÔN TOÁN HỌC 8

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính, ti vi kết nối mạng tại các phòng học.	bộ	Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT	
2	Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên	bộ	Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học	
3	Bìa giấy cứng, keo dán, dụng cụ thủ công	bộ	Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải nghiệm	

3.10. MÔN TOÁN HỌC 9

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	
1	Máy tính cầm tay	04	Tìm căn bậc hai, bậc ba của một số; tìm tỉ số lượng giác và góc; giải hệ PT.	
2	Bộ thực hành đo	04	Thực hành đo khoảng cách, chiều cao của vật	
3				

3.11. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Còi	02 cái	Dùng cho dạy học	
2	Bộ tranh/ảnh về các kỹ thuật trong GDTC lớp 6	02 bộ	Quan sát đặc điểm cơ bản của thể loại tranh theo chủ đề	
3	Bộ tranh/ảnh về các loại thức ăn và vệ sinh trong thể thao	02 bộ	Tìm hiểu về kiến thức thể thao và vệ sinh thể thao.	
4	Giày, đồng phục	04 bộ	Dùng cho dạy học	
5	Bộ dụng cụ dành cho môn chạy cự li	2 bộ	Chạy cự li ngắn	

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
	ngắn.			
6	Bộ dụng cụ dành cho môn chạy cự li trung bình	2 bộ	Chạy cự li trung bình	
7	Bộ dụng cụ dành cho môn ném bóng	2 bộ	Ném bóng	
8	Bộ dụng cụ dành cho môn TTTC	2 bộ	TTTC	
...				

3.12. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 7

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Còi, cờ xuất phát	2cái	Chạy CLN, chạy CLTB	
2	Đồng hồ bấm giây	2cái	Chạy CLN, chạy CLTB	
3	Nấm (maxco)	...cái	Tất cả các chủ đề	
4	Bóng chuyền	15 quả	Chủ đề: TTTC (bóng chuyền)	
5	Lưới cầu lông; đá cầu	...cái	Chủ đề: TTTC (Cầu lông; đá cầu)	
6	Cột đa năng	1bộ	Chủ đề: TTTC (Cầu lông; đá cầu)	
7	Sân bóng chuyền;	1 sân	Chủ đề: TTTC (bóng chuyền)	
8	Tranh, băng hình kỹ thuật chạy cự ly ngắn	3bộ	Chủ đề: Chạy cự ly ngắn 60m	
9	Tranh, băng hình kỹ thuật chạy cự ly trung bình	3 bộ	Chủ đề: Chạy cự ly trung bình	
10	Tranh, băng hình kỹ thuật bài thể dục	1bộ	Chủ đề: Bài thể dục	
11	Tranh, băng hình kỹ thuật bóng chuyền	3 bộ	Chủ đề: TTTC (bóng chuyền)	

3.13. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 8

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Còi	02 cái	Dùng cho dạy học	
2	Bộ tranh/ảnh về các kỹ thuật trong GDTC lớp 8	02 bộ	Quan sát đặc điểm cơ bản của thể loại tranh theo chủ đề	

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
3	Bộ tranh/ảnh về các loại thức ăn và vệ sinh trong thể thao	02 bộ	Tìm hiểu về kiến thức thể thao và vệ sinh thể thao.	
4	Giày, đồng phục	04 bộ	Dùng cho dạy học	
5	Bộ dụng cụ dành cho nội dung chạy cự li ngắn.	2 bộ	Chạy cự li ngắn	
6	Bộ dụng cụ dành cho nội dung chạy cự li trung bình	2 bộ	Chạy cự li trung bình	
7	Bộ tranh, dụng cụ dành cho nội dung nhảy cao	2 bộ	Nhảy cao	
8	Bộ dụng cụ dành cho nội dung TTTC	2 bộ	TTTC	
...				

3.14. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 9

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành
1	Còi, cờ xuất phát	2cái	Chạy ngắn
2	Đồng hồ bấm giây	2cái	Chạy ngắn
3	Nấm (maxco)	cái	Tất cả các chủ đề
4	Bóng chuyền	15 quả	Chủ đề: TTTC (bóng chuyền)
5	Lưới bóng chuyền	1cái	Chủ đề: TTTC (bóng chuyền)
6	Cột đa năng, lưới	1bộ	Chủ đề: nhảy cao, đá cầu
7	Sân bóng chuyền	1sân	Chủ đề: TTTC (bóng chuyền)
8	Tranh, băng hình kỹ thuật chạy cự ly ngắn	3bộ	Chủ đề: Chạy cự ly ngắn 60m
9	Tranh, băng hình kỹ thuật chạy cự ly trung bình	 bộ	Chủ đề: Chạy cự ly trung bình
10	Tranh, băng hình kỹ thuật bài thể dục	2bộ	Chủ đề: Bài thể dục
11	Tranh, băng hình kỹ thuật bóng chuyền; đá cầu	2bộ	Chủ đề: TTTC (bóng chuyền; đá cầu)

3.15. MÔN TIN HỌC 6

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	15	Bài thực hành sgk	
2	Tivi	01	Bài lý thuyết, thực hành	
3	Sách giáo khoa Tin học 6	105	Bài lý thuyết, thực hành	
4	Sách giáo viên Tin học 6	01 quyển/khối	Bài lý thuyết, thực hành	

3.16. MÔN TIN HỌC 7

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy vi tính	24	Bài 3. Quản lý dữ liệu trong máy tính	
2	Máy vi tính	24	Bài 4. Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet	
3	Máy vi tính	24	Bài 6. Làm quen với phần mềm bảng tính	
4	Máy vi tính	24	Bài 7. Tính toán tự động trên bảng tính	
5	Máy vi tính	24	Bài 8. Công cụ hỗ trợ tính toán	
6	Máy vi tính	24	Bài 9. Trình bày bảng tính	
7	Máy vi tính	24	Bài 10. Hoàn thiện bảng tính	
8	Máy vi tính	24	Bài 11. Tạo bài trình chiếu	
9	Máy vi tính	24	Bài 12. Định dạng đối tượng trên trang chiếu	
10	Máy vi tính	24	Bài 13. Thực hành tổng hợp: Hoàn thiện bài trình chiếu	
11	Máy vi tính	24		
12	Máy vi tính	24	Bài 16. Thuật toán sắp xếp	

3.17. MÔN TIN HỌC 8

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	15	Bài thực hành sgk	
2	Tivi	01	Bài lý thuyết, thực hành	
3	Sách giáo khoa Tin học 8	105	Bài lý thuyết, thực hành	
4	Sách giáo viên Tin học 8	01 quyển/khối	Bài lý thuyết, thực hành	

3.18. MÔN TIN HỌC 9

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính	15	Bài thực hành sgk	
2	Tivi	01	Bài lý thuyết, thực hành	
3	Sách giáo khoa Tin học 9	105	Bài lý thuyết, thực hành	
4	Sách giáo viên Tin học 9	01 quyển/khối	Bài lý thuyết, thực hành	

4. PHÒNG HỌC BỘ MÔN/PHÒNG THÍ NGHIỆM/PHÒNG ĐA NĂNG/SÂN CHƠI, BÀI TẬP

(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học)

môn học/hoạt động giáo dục)

4.1. MÔN CÔNG NGHỆ 6

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng thực hành bộ môn Lí- Công nghệ	01	Dạy các bài thực hành	Phòng thực hành chung môn: KHTN, Công nghệ

4.2. MÔN CÔNG NGHỆ 7

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng thực hành bộ môn Lí- Công nghệ	01	Dạy các bài thực hành	Phòng thực hành chung môn: KHTN, Công nghệ

4.3. MÔN CÔNG NGHỆ 8

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng thực hành bộ môn Lí- Công nghệ	01	Dạy các bài thực hành	Phòng thực hành chung môn: KHTN, Công nghệ

4.4. MÔN CÔNG NGHỆ 9

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng thực hành bộ môn Lí- Công nghệ	01	Dạy các bài thực hành	Phòng thực hành chung môn: KHTN, Công nghệ

4.5. MÔN TOÁN HỌC 6

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Tin học	01	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	
2	Phòng đa năng	01	Tắm thiệp và phòng học của em	
3	Sân chơi	01	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè	

4.6. MÔN TOÁN HỌC 7

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng Tin học	01	Vẽ hai đường thẳng song song và đo góc bằng phần mềm Geogebra	
2	Lớp học	01	Thực hành tính tiền điện	

			Các bài toán về đo đạc và gấp hình Đại lượng tỉ lệ trong thực tế Làm dàn hoa tam giác để trang trí lớp học Nhảy theo xúc xắc	
--	--	--	---	--

4.7. MÔN TOÁN HỌC 8

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng Tin học	01	Thực hành phần mềm GEOGEBRA Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel	
2	Lớp học	01	Công thức tính lãi kép Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính	
3	Sân trường	01	Ứng dụng định lí Thalès, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách	

4.8. MÔN TOÁN HỌC 9

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường	01	Thực hành đo khoảng cách, chiều cao vật	
2				
...				

4.9. MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6; 7; 8

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường, nhà tập thể dục	01	Dùng học các môn thực hành thể thao	

4.10. MÔN THỂ DỤC 9

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường, nhà tập thể dục	01	Dùng học các môn thực hành thể thao	

4.11. MÔN TIN HỌC 6; 7; 8; 9

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
-----	-----------	----------	-----------------------------	---------

1	Phòng Tin học	24	Giáo viên và học sinh được sử dụng trong các tiết thực hành theo PPCT	
---	----------------------	----	---	--

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

1.1. MÔN CÔNG NGHỆ 6

HỌC KÌ I

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Khái quát về nhà ở	1 (Tiết 1)	- Nêu được vai trò của nhà ở. - Nêu được đặc điểm chung của nhà ở. - Nhận biết được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam.
2	Xây dựng nhà ở	1 (Tiết 2)	- Kể được tên một số vật liệu được sử dụng trong xây dựng nhà ở. - Mô tả các bước chính trong xây dựng nhà ở.
3	Ngôi nhà thông minh	2 (Tiết 3,4)	- Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.
4	Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình	2 (Tiết 5,6)	- Kể được tên và công dụng một số đồ dùng điện trong gia đình. - Nêu được cách lựa chọn và một số lưu ý khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và tiết kiệm.
5	Đèn điện (Tiết 1)	2 (Tiết 7,10)	- Nhận biết được các bộ phận chính của một số loại bóng đèn. - Mô tả được nguyên lí làm việc của một số loại bóng đèn. Lựa chọn và sử dụng được các loại bóng đèn đúng cách, tiết kiệm và an toàn.
6	Ôn tập giữa HKI	1 (Tiết 8)	- HS củng cố kiến thức ở các chương I, IV - Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập
7	Kiểm tra Giữa HKI	1 (Tiết 9)	- Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra - Đánh giá được kết quả học tập của HS
9	Nồi cơm điện	2 (Tiết 11,12)	- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của nồi cơm điện. - Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của nồi cơm điện. - Lựa chọn và sử dụng được nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn.

10	Bếp hồng ngoại	2 (Tiết 13,14)	- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của bếp hồng ngoại. - Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại. - Lựa chọn và sử dụng được bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm và an toàn.
11	Dự án: An toàn và tiết	2 (Tiết 15,16)	- Đánh giá được thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình. - Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm.
12	Ôn tập	1 (Tiết 17)	- HS củng cố kiến thức ở các chương I, IV - Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập.
13	Kiểm tra cuối học kỳ 1	1 (Tiết 18)	- Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra - Đánh giá được kết quả học tập của HS

HỌC KÌ II

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
14	Thực phẩm và dinh dưỡng	2 (Tiết 19,20)	- Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người. - Hình thành thói quen ăn, uống khoa học.
15	Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm	3 (Tiết 21,22,23)	- <i>Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.</i> - <i>Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.</i> - Trình bày được một số biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh trong bảo quản và chế biến thực phẩm. - Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.
16	Dự án: Bữa ăn kết nối yêu thương	2 (Tiết 24,25)	- Thiết kế được thực đơn một bữa ăn hợp lí cho gia đình. - Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình.
17	Ôn tập	1 (Tiết 26)	- HS củng cố kiến thức ở các chương II, III - Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập.
18	Kiểm tra giữa học kỳ 2	1 (Tiết 27)	- Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra - Đánh giá được kết quả học tập của HS

19	Trang phục trong đời sống	2 (Tiết 28,29)	- Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống. - Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.
20	Sử dụng và bảo quản trang phục	3 (Tiết 30,31, 32)	- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. - Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.
21	Thời trang	1 (Tiết 33)	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang. Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân.
21	Ôn tập HK2	1 (Tiết 34)	-HS củng cố kiến thức ở các chương II, III -Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập.
22	Kiểm tra cuối học kỳ 2	1 (Tiết 35)	-Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra -Đánh giá được kết quả học tập của HS

1.2. MÔN CÔNG NGHỆ 7

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	Chương I. Trồng trọt		
1	1. Giới thiệu về trồng trọt	2 (Tiết 1,2)	– Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt, kể tên được các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam. – Nêu được một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam. – Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao. – Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong trồng trọt. – Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong trồng trọt.
2	2. Làm đất trồng cây	1 (Tiết 3)	– Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt. – Nêu được thành phần và vai trò của đất trồng. – Trình bày được mục đích, yêu cầu kỹ thuật của các bước trong làm đất trồng cây.

3	3. Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng	2 (Tiết 4,5)	– Trình bày được mục đích, yêu cầu kỹ thuật của gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng. – Vận dụng kiến thức vào thực tiễn trồng trọt ở gia đình. - Có ý thức đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong trồng trọt.
4	4. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	1 (Tiết 6)	– Trình bày được mục đích, yêu cầu của thu hoạch sản phẩm trồng trọt. - Nêu được một số phương pháp phổ biến trong thu hoạch sản phẩm trồng trọt. – Vận dụng được kiến thức thu hoạch sản phẩm trồng trọt vào thực tiễn.
5	5. Nhân giống vô tính cây trồng	2 (Tiết 7,10)	– Trình bày được kỹ thuật nhân giống cây trồng bằng giâm cành. – Thực hiện được việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành. – Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.
6	Ôn tập giữa HKI	1 (Tiết 8)	-HS củng cố kiến thức ở các chương I -Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập
7	Kiểm tra giữa HKI	1 (Tiết 9)	-Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra -Đánh giá được kết quả học tập của HS
8	6. Dự án trồng rau an toàn	3 (Tiết 11,12,13)	– Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến trong gia đình. – Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến. – Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có ý thức về an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.
	Chương II: Lâm nghiệp		
9	7. Giới thiệu về rừng	1 (Tiết 14)	– Trình bày được vai trò của rừng, phân biệt được các loại rừng phổ biến ở nước ta.

10	8. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	2 (Tiết 15,16)	– Tóm tắt được quy trình trồng, chăm sóc cây rừng và các biện pháp bảo vệ rừng. – Có ý thức trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.
11	Ôn tập HKI	1 (Tiết 17)	-HS củng cố kiến thức ở các chương I, II -Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập
12	Kiểm tra cuối HKI	1 (Tiết 18)	-Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra -Đánh giá được kết quả học tập của HS
13	Chương III. Chăn nuôi 9. Giới thiệu về chăn nuôi	2 (Tiết 19,20)	– Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi, nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. – Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. – Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. – Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. – Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.
14	10. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	2 (Tiết 21,22)	– Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. – Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.
15	11. Phòng và trị bệnh cho vật nuôi	1 (Tiết 23)	– Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi. – Trình bày được nguyên nhân gây bệnh và biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi phổ biến.
16	12. Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ	2 (Tiết 24, 25)	– Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt.

17	Ôn tập giữa HKII	1 (Tiết 26)	-HS củng cố kiến thức ở các chương III (Bài 9 đến bài 12) -Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập
18	Kiểm tra giữa HKII	1 (Tiết 27)	-Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra -Đánh giá được kết quả học tập của HS
19	13. Thực hành: Lập kế hoạch nuôi vật nuôi trong gia đình	1 (Tiết 28)	– Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình.
	Chương IV – Thủy sản		
20	14. Giới thiệu về thủy sản	2 (Tiết 29,30)	– Trình bày được vai trò của thủy sản; nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta. – Có ý thức bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản.
21	15. Nuôi cá ao	2 (Tiết 31, 32)	– Nêu được quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch cá.
22	16. Thực hành: Lập kế hoạch nuôi cá cảnh	1 (Tiết 33)	– Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại cá cảnh.
23	Ôn tập cuối HKII	1 (Tiết 34)	-HS củng cố kiến thức ở các chương III, IV -Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập
24	Kiểm tra cuối HKII	1 (Tiết 35)	-Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra -Đánh giá được kết quả học tập của HS

1.3. MÔN CÔNG NGHỆ 8

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 1. Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật	1 (Tiết 1)	- Mô tả được tiêu chuẩn về khổ giấy, tỉ lệ, đường nét và ghi kích thước của bản vẽ kỹ thuật.
2	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	3 (Tiết 2,3,4,5)	- Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện, khối tròn xoay thường gặp theo phương pháp chiếu thứ nhất.

			- Vẽ và ghi được kích thước các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.
3	Bài 3. Bản vẽ chi tiết	2 (Tiết 6,7)	- Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản.
4	Bài 4. Bản vẽ lắp	2 (Tiết 8,9)	- Đọc được bản vẽ lắp đơn giản.
5	Bài 5. Bản vẽ nhà	2 (Tiết 10,11)	- Đọc được bản vẽ nhà đơn giản.
6	Bài 6. Vật liệu cơ khí	2 (Tiết 12,13)	- Nhận biết được một số vật liệu cơ khí thông dụng.
7	Bài 7. Truyền và biến đổi chuyển động	3 (Tiết 14,15,16)	- Trình bày được nội dung cơ bản của truyền và biến đổi chuyển động. - Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động. - Tháo lắp và tính toán được tỉ số truyền của một số bộ truyền và biến đổi chuyển động.
8	<i>Ôn tập giữa học kỳ I</i>	1(Tiết 17)	Yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 7.
9	<i>Kiểm tra giữa học kỳ I</i>	1 (Tiết 18)	Đánh giá yêu cầu cần đạt về vẽ kỹ thuật và cơ khí
10	Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay	3 (Tiết 19,20,21)	- Trình bày được một số phương pháp và quy trình một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay bằng tay. - Thực hiện một số phương pháp gia công vật liệu bằng dụng cụ cầm tay.
11	Bài 9. Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí	2 (Tiết 22,23)	- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề cơ khí phổ biến. - Nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề cơ khí phổ biến.
12	Bài 10. Dự án: Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay	2 (Tiết 24,25)	- Thực hiện được một số phương pháp gia công vật liệu bằng dụng cụ cầm tay
13	<i>Ôn tập cuối học kỳ I</i>	1 (Tiết 26)	Hệ thống kiến thức phần vẽ kỹ thuật, cơ khí, an toàn điện.
14	<i>Kiểm tra cuối kì 1</i>	1 (Tiết 27)	Đánh giá yêu cầu cần đạt về vẽ kỹ thuật, cơ khí, an toàn điện

11	Bài 11.Tai nạn điện	1 (Tiết 28)	- Nhận biết được một số nguyên nhân gây tai nạn điện.
12	Bài 12. Biện pháp an toàn điện	2 (Tiết 29,30)	- Trình bày được một số biện pháp an toàn điện. - Sử dụng được một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện
13	Bài 13. Sơ cứu người bị tai nạn điện	2 (Tiết 31,32)	- Thực hiện được một số động tác cơ bản sơ cứu người bị tai nạn điện.
14	Bài 14. Khái quát về mạch điện	2 (Tiết 33,34)	- Trình bày được khái quát về mạch điện. - Trình bày được thành phần và chức năng của các bộ phận chính của mạch điện. - Vẽ và mô tả sơ đồ khối của mạch điện điều khiển.
15	Bài 15. Cảm biến và mô đun cảm biến	2 (Tiết 35,36)	- Phân loại và nêu được vai trò của một số modul cảm biến trong mạch điện điều khiển đơn giản.
16	Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến	4 (Tiết 37,38,39,40)	- Lắp ráp được mạch điều khiển đơn giản có sử dụng modul cảm biến: modul cảm biến ánh sáng, modul cảm biến ánh sáng, modul cảm biến độ ẩm.
17	Bài 17. Ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật điện	2 (Tiết 41,42)	- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện. - Nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện.
18	Ôn tập giữa kì II	1 (Tiết 43)	Hệ thống kiến thức từ bài 11 đến bài 17.
19	Kiểm tra đánh giá giữa kì II	1 (Tiết 44)	Đánh giá yêu cầu cần đạt phần kỹ thuật điện
20	Bài 18. Giới thiệu về thiết kế kỹ thuật	2 (Tiết 45,46)	- Trình bày được mục đích và vai trò của thiết kế kỹ thuật. - Kể tên được một số ngành nghề chính liên quan đến thiết kế.
21	Bài 19. Các bước cơ bản trong thiết kế kỹ thuật	2 (Tiết 47,48)	- Mô tả được các bước cơ bản trong thiết kế kỹ thuật
24	Bài 20. Dự án: Thiết kế hệ thống tưới cây tự động	2 (Tiết 49, 50)	- Thiết kế được một sản phẩm đơn giản theo gợi ý hướng dẫn
22	Ôn tập cuối kì II	1 (Tiết 51)	- Hệ thống kiến thức phần kỹ thuật điện, thiết kế kỹ thuật.
23	Kiểm tra đánh giá cuối kì II	1 (Tiết 52)	Đánh giá yêu cầu cần đạt về phần kỹ thuật điện, thiết kế kỹ thuật.

1.4. MÔN CÔNG NGHỆ 9

STT	Bài học/Chủ đề (1)	Số tiết (2)	Tuần	Yêu cầu cần đạt (3)	Gợi ý Hình thức/địa điểm dạy học	Gợi ý Hướng dẫn thực hiện
HỌC KÌ I						
1	Bài 1: Giới thiệu về nghề điện dân dụng.	1	1	-Biết được vị trí vai trò của nghề điện dân dụng -Có 1 số thông tin cơ bản về nghề điện dân dụng - Biết được biện pháp an toàn lao động trong nghề điện dân dụng	Dạy học trên lớp/ lớp học	
2	Bài2: Vật liệu dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà.	1	2	-Biết được 1 số vật liệu điện dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà -Biết công dụng tính năng và tác dụng của từng loại vật liệu	Dạy học trên lớp / lớp học	
3	Bài 3: Dụng cụ dùng trong lắp đặt mạng điện	1	3	-Biết công dụng , phân loại 1 số đồng hồ đo điện -Biết công dụng số vật liệu cơ khí dùng trong lắp đặt mạng điện	Dạy học trên lớp / lớp học	
4	Bài 4: Thực hành: Sử dụng đồng hồ đo điện.	2	4,5	Biết cách sử dụng đồng hồ đo điện. Thực hành đo điện năng tiêu thụ bằng công tơ điện.	Dạy học trải nghiệm / ngoài lớp Dạy trên phòng bộ môn	- Chọn nội dung để dạy TH: Đo điện năng tiêu thụ bằng công tơ điện -Hướng dẫn HS tự tìm hiểu cách sử dụng đồng hồ vạn năng, công tơ điện trên internet.

5	Bài 5:Thực hành: Nối dây dẫn điện.	3	6,7,8	- Biết được các yêu cầu của mỗi nối dây dẫn điện. - Hiểu được một số phương pháp nối dây dẫn điện. - Nối được một số mỗi nối dây dẫn điện. - Hiểu được phương pháp nối phân nhánh hai dây dẫn điện - Hiểu được phương pháp cách điện cho mỗi nối	Dạy học trên lớp / lớp học Dạy học trải nghiệm / Dạy trên phòng bộ môn	-Hàn mỗi nối – Không bắt buộc - Hướng dẫn HS tự đọc nối dây dẫn dùng phụ kiện -Hoạt động thực hành trải nghiệm (2 tiết) / thực hành nối dây dẫn tại lớp
6	Kiểm tra giữa kì I	1	10	KIỂM TRA THỰC HÀNH –Nối dây dẫn điện	Kiểm tra trên lớp	
7	Bài 6: Thực hành: Lắp mạch điện bảng điện.	4	9,11,12,13	-Hiểu được quy trình chung khi lắp đặt mạch điện. -Biết được chức năng của bảng điện chính và bảng điện nhánh. - Vẽ được sơ đồ mạch điện (sơ đồ nguyên lý, sơ đồ lắp đặt). - Thực hiện được các quy trình lắp mạch điện theo sơ đồ lắp đặt -Báo cáo thực hành, lấy cột KTTX	Dạy học trên lớp / lớp học Dạy học trải nghiệm / Dạy trên phòng bộ môn	- Hoạt động thực hành trải nghiệm (2 tiết) / ngoài lớp dạy học theo dự án- Xây dựng tiêu chí đánh giá sản phẩm thu được
8	Bài7: Thực hành: Lắp mạch điện đèn ống huỳnh quang.	3	14,15,16	-Hiểu nguyên lí làm việc của mạch điện đèn ống huỳnh quang. - Vẽ được sơ đồ lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang. - Lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang đúng quy trình và yêu cầu kĩ thuật -Thực hành lắp mạch điện đèn ống huỳnh quang. -Báo cáo thực hành, lấy cột KTTX	Dạy học trên lớp / lớp học Dạy học trải nghiệm / Dạy trên phòng bộ môn	- Hoạt động thực hành trải nghiệm (2 tiết) / ngoài lớp -Cập nhật tài liệu mới về mạch đèn huỳnh quang phù hợp với thực tế.

9	Ôn tập	2	17	Hệ thống lại kiến thức cơ bản về vật liệu, dụng cụ, cách đo các loại đồng hồ. Các bước tiến hành khi lắp đặt mạch điện	Dạy học trên lớp / lớp học	
10	Kiểm tra cuối học kỳ I	1	18	– Kiểm tra những kiến thức HS đã học trong học kì 1 về: + Vật liệu dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà. + Dụng cụ dùng trong lắp đặt mạng điện. + Sử dụng đồng hồ đo điện. + Nối dây dẫn điện. + Lắp mạch điện bảng điện.	Kiểm tra trên lớp	Kiểm tra học kỳ I (Cả lý thuyết và thực hành)
HỌC KÌ II						
11	Bài 8: Thực hành: Lắp mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn.	4	19,20, 21,22	– Phân tích được nguyên lí làm việc, vị trí các thiết bị của mạch điện. – Trình bày được quy trình lắp đặt mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn.	Dạy học trên lớp / lớp học Dạy học trải nghiệm / phòng bộ môn	- Hoạt động thực hành trải nghiệm (3 tiết) / ngoài lớp, xây dựng tiêu chí đánh giá sản phẩm thu được
12	Bài 9: Thực hành: Lắp mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn.(mạch điện cầu thang)	4	23,24, 25, 26	– Hiểu được nguyên lí làm việc của mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn. – Giải thích được mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn.	Dạy học theo dự án Dạy học trải nghiệm / Dạy trên phòng bộ môn	- Hoạt động thực hành trải nghiệm (3 tiết) / ngoài lớp xây dựng tiêu chí đánh giá sản phẩm thu được
13	Bài 10: Thực hành: Lắp mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn.	1	27	– Hiểu được nguyên lí làm việc của mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn. – Giải thích được mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn.	Dạy học theo dự án Dạy học trải nghiệm / Dạy trên phòng bộ môn	- Hoạt động thực hành trải nghiệm (3 tiết) / ngoài lớp xây dựng tiêu chí đánh giá sản phẩm thu được

14	Kiểm tra giữa kì II	1	28	- Nắm được nguyên lí làm việc của các mạch điện	Kiểm tra thực hành	Phòng thực hành
15	Bài 10: Thực hành: Lắp mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn.(tt)	3	29,30,31	- Hiểu được nguyên lí làm việc của mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn. - Giải thích được mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn.	Dạy học theo dự án Dạy học trải nghiệm / Dạy trên phòng bộ môn	- Hoạt động thực hành trải nghiệm (3 tiết) / ngoài lớp xây dựng tiêu chí đánh giá sản phẩm thu được
16	Bài 11: Lắp đặt dây dẫn của mạng điện trong nhà.	1	32	- Trình bày được phương pháp lắp đặt dây dẫn kiểu nổi của mạng điện trong nhà; đặc điểm và yêu cầu kĩ thuật lắp đặt dây dẫn kiểu nổi. - Trình bày được phương pháp lắp đặt dây dẫn kiểu ngầm của mạng điện trong nhà; đặc điểm và yêu cầu kĩ thuật lắp đặt dây dẫn kiểu ngầm.	Dạy học theo dự án Dạy học trải nghiệm / Dạy trên phòng bộ môn	Không dạy quy trình lắp đặt mạch điện (mục 3)
17	Ôn tập	1	33	- Trình bày các phương pháp lắp đặt dây dẫn. - Hiểu rõ sự cần thiết phải kiểm tra an toàn cho mạng điện trong nhà. - Quy trình chung lắp đặt một số mạch điện đơn giản của mạng điện trong nhà.	Dạy học trên lớp / lớp học	
18	Bài 12: Kiểm tra an toàn của mạng điện trong nhà.	1	34	- Hiểu rõ sự cần thiết phải kiểm tra an toàn cho mạng điện trong nhà. - Nắm được quy trình kiểm tra. - Giải thích được cơ sở khoa học của việc kiểm tra an toàn mạng điện.	Dạy học theo dự án Dạy học trải nghiệm / ngoài lớp	- Hoạt động thực hành trải nghiệm (3 tiết) / ngoài lớp xây dựng tiêu chí đánh giá sản phẩm thu được

19	Kiểm tra cuối học kỳ II	1	35	Hệ thống kiến thức HK2. Lắp một số mạch điện đơn giản trong nhà.	Kiểm tra trên phòng thực hành.	Kiểm tra học kỳ II (thực hành)
----	-------------------------	---	----	---	--------------------------------	--------------------------------

1.5. MÔN KHTN6

HỌC KÌ I

PHÂN MÔN VẬT LÝ:

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Đo chiều dài	3 (Tiết 1,2,3)	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài. - Sử dụng được một số loại thước đo chiều dài. - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.
2	Đo khối lượng	2 (Tiết 4,5)	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng. - Sử dụng được một số loại dụng cụ đo khối lượng. - Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo khối lượng; ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.
3	Đo thời gian	2 (Tiết 6,7)	- Nêu đơn vị đo thời gian trong hệ SI và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. - Trình bày được các bước sử dụng đồng hồ để đo thời gian một hoạt động và chỉ ra được cách khắc phục một số thao tác sai bằng đồng hồ khi đo thời gian. - Đo được thời gian bằng đồng hồ. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo và ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.
4	Đo nhiệt độ	3 (Tiết 8,9,10)	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về nhiệt độ các vật. - Phát biểu được nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. - Nêu đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$, $^{\circ}\text{F}$) và dụng cụ thường dùng để đo nhiệt độ. - Kể tên được các loại nhiệt kế và công dụng của mỗi loại.

			- Trình bày được các bước sử dụng nhiệt kế tể, nhiệt kế điện tử để đo nhiệt độ cơ thể. Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế.
5	Ôn tập	1 (Tiết 11)	Các nội dung đã học

PHÂN MÔN HÓA HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Giới thiệu về KHTN	2 (Tiết 1,2)	- Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên (KHTN). - Trình bày được các lĩnh vực chủ yếu của KHTN. - Hiểu được vai trò, ứng dụng của KHTN trong đời sống và sản xuất. Phân biệt được các lĩnh vực của KHTN dựa vào đối tượng nghiên cứu
2	Sự đa dạng của chất	2 (Tiết 3,4)	- Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật sống, vật không sống...). Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học);
3	Các thể của chất và sự chuyển thể	2 (Tiết 5,6)	- Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất; Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.
4	Oxygen và Không khí	3 (Tiết 7,8,9)	- Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan,...). - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). - Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.
5	Một số vật liệu	2 (Tiết 10,11)	- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,...) Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt,...) của một vật liệu.

			- Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu. - Nêu được cách sử dụng một số vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.
6	Một số nguyên liệu	2 (Tiết 12,13)	- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu. - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nguyên liệu. - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nguyên liệu. - Nêu được cách sử dụng nguyên liệu hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững
7	Một số nhiên liệu	2 (Tiết 14,15)	- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu (Than, gas, xăng, dầu,...), sơ lược về an ninh năng lượng. - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nhiên liệu. - Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nhiên liệu - Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.
8	Một số lương thực, thực phẩm	2 (Tiết 16,17)	- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số loại lương thực, thực phẩm - Thu thập dữ liệu, thảo luận, so sánh để rút ra tính chất của một số lương thực, thực phẩm. - Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số thành phần và tính chất của một số lương thực, thực phẩm
9	Hỗn hợp các chất	3 (Tiết 18,19,20)	- Nêu được khái niệm chất tinh khiết, hỗn hợp - Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất - Nêu được khái niệm chất tan, dung môi, dung dịch. - Thực hiện thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì. - Phân biệt được dung môi và dung dịch. - Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất - Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. - Nhận ra được một số khí cũng có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn cũng có thể hòa tan và không tan trong nước. - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.

10	Tách chất ra khỏi hỗn hợp	3 (Tiết 21,22,23)	-Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. - Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.
11	Ôn tập HKI	1 (Tiết 24)	- HS tự hệ thống hóa kiến thức HK1. -Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống. -Trả lời đúng các câu hỏi.
12	Kiểm tra cuối kì I (KT chung 3 phân môn)	1 (Tiết 25)	- Củng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kĩ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.

PHÂN MÔN SINH HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 2: An toàn trong phòng thực hành	2 (Tiết 1,2)	Phân biệt được các kí hiệu biển cảnh báo trong phòng thực hành.
2	Bài 3. Sử dụng kính lúp	1 (Tiết 3)	-Trình bày được cách sử dụng kính lúp. - Nêu được cấu tạo của kính lúp cầm tay. - Nêu được tên các loại kính lúp thông dụng. - HS nêu được cách bảo quản kính lúp.
3	Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học	2 (Tiết 4,5)	- Nêu được cấu tạo của kính hiển vi quang học gồm 4 hệ thống chính. - HS nêu được cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi quang học. -Vận dụng được kiến thức, kĩ năng để sử dụng kính hiển vi quang học vào nghiên cứu để quan sát các vật có kích thước rất nhỏ.
4	Bài 18. Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống	2 (Tiết 6,7)	- Nêu được khái niệm và chức năng của tế bào. - Biết được chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào,hiểu được hình dạng và kích

			thước của tế bào khác nhau giữa các nhóm sinh vật và giữa các cơ quan trong cùng một cơ thể. - Biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Kể tên được một số loại tế bào có thể quan sát được bằng mắt thường, bằng kính lúp và kính hiển vi.
5	Bài 19. Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào	2 (Tiết 8,9)	- Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; - Phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. - Vận dụng để giải thích được màu xanh lá do đâu? (lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh).
6	Bài 20. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào	2 (Tiết 10,11)	- Nêu được cơ chế giúp tế bào lớn lên - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào). chỉ ra được mối quan hệ giữa sự lớn lên và sinh sản của tế bào - Hiểu và nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Vận dụng được ý nghĩa đó vào việc có một chế độ dinh dưỡng hợp lý để có được chiều cao tối ưu.
7	Bài 21. Thực hành: Quan sát, phân biệt một số loại tế bào	2 (Tiết 12,13)	- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. - Tự soạn và chuẩn bị đầy đủ dụng cụ thực hành. - Biết và thực hiện được các bước tiến hành làm tiêu bản và quan sát tiêu bản. - Quan sát và nhận biết được các thành phần cơ bản trong tế bào. - Viết được bài thu hoạch và vẽ hình đã quan sát được.
8	Bài 22. Cơ thể sinh vật	2 (Tiết 14,15)	- Nêu được khái niệm cơ thể. Lấy được các ví dụ minh họa - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). - Vận dụng để phân biệt được vật sống và vật không sống: cho ví dụ.
9	Bài 23. Tổ chức cơ thể đa bào	3 (Tiết 16, 19,20)	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). - Kể và nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan. Lấy được các ví dụ minh họa.

			- Hiểu và vận dụng để giải thích được vì sao khi một cơ quan trong cơ thể bị bệnh thì cả cơ thể đều bị ảnh hưởng.
10	Ôn tập	1 (Tiết 17)	Ôn tập các kiến thức môn sinh học về tế bào và cơ thể đa bào
11	Kiểm tra giữa kì 1	1 (Tiết 18)	- Kiểm tra, đánh giá nhận thức của học sinh trong nửa học kỳ I qua các bài đã học.
13	Bài 24. Thực hành: Quan sát và mô tả cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào	2 (Tiết 21,22)	- Tự soạn và chuẩn bị đầy đủ dụng cụ thực hành - Biết được các bước tiến hành làm tiêu bản và quan sát tiêu bản. - Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...) - Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh - Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người
14	Bài 25. Hệ thống phân loại sinh vật	2 (Tiết 23,24)	- Nêu được khái niệm và sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống. - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới. - Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống. - Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.
15	Bài 26. Khoá lưỡng phân	3 (Tiết 25,26,27)	- Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân. - Hiểu và trình bày được nguyên tắc xây dựng khoá lưỡng phân. - Thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật.
16	Bài 27. Vi khuẩn	3 (Tiết 28,29,30)	- Nêu được khái niệm vi khuẩn. - Quan sát hình ảnh và phân biệt được (3 dạng) hình dạng và cấu tạo vi khuẩn. - Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn. - Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do vi khuẩn gây ra. - Nêu được một số vai trò và ứng dụng vi khuẩn trong thực tiễn. - Vận dụng được hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, ...). - Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào). - Thực hành quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học

17	Bài 28.TH : Làm sữa chua và quan sát hình thái vi khuẩn	2 (Tiết 31,32)	- Hiểu cách làm và làm được sữa chua. - Thực hành làm được tiêu bản quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học. - Thực hành làm được tiêu bản quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học.
18	Bài 29. Virus	2 (Tiết 33,34)	- Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein). - Nêu được một số bệnh do virus gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus. - Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus trong thực tiễn.
19	Ôn tập	1 (Tiết 35)	- HS tự hệ thống hóa kiến thức HK1. -Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống. -Trả lời đúng các câu hỏi.
20	Kiểm tra cuối kì I	1 (Tiết 36)	- củng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kĩ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.

HỌC KÌ II

PHÂN MÔN: VẬT LÝ

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 40. Lực là gì?	2 (Tiết 12,13)	- Nhận biết được sự đẩy, kéo của vật này lên vật khác là lực. - Nhận biết được lực có tác dụng làm thay đổi chuyển động, biến dạng vật. - Nhận biết được có hai loại lực là lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. - Mô tả được các hiện tượng trong đời sống có liên quan đến lực bằng các thuật ngữ vật lý. - Tìm được ví dụ về lực và tác dụng của lực trong đời sống. - Phân loại được các loại lực.

			Nâng cao năng lực hợp tác trong học tập
2	Bài 41. Biểu diễn lực	3 (Tiết 14,15,16)	- Nhận biết được các đặc trưng của lực: điểm đặt, độ lớn, phương và chiều. - Kể tên được đơn vị lực: niuton (N). Mô tả được cấu tạo của lực kế lò xo và sử dụng được lực kế này để đo độ lớn của một số lực đơn giản. - Biểu diễn được lực bằng một mũi tên theo hướng của lực và mô tả được các đặc trưng của một lực dựa trên mũi tên biểu diễn lực này.
3	Bài 42. Biến dạng của lò xo	2 (Tiết 17,18)	- Nhận biết được ứng dụng của lò xo và ứng dụng của nó trong một số thiết bị thường gặp Thực hiện được thí nghiệm chứng minh độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng vật treo
4	Bài 43. Trọng lượng, lực hấp dẫn	3 (Tiết 19,20, 21)	- Nêu được các khái niệm: khối lượng, lực hấp dẫn, trọng lượng của vật. - Phân biệt được trọng lượng và khối lượng. - So sánh được các đặc điểm của trọng lượng và khối lượng của vật
5	Bài 44. Lực ma sát	3 (Tiết 22,23,24)	- Nhận biết lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện giữa bề mặt giữa hai vật. nguyên nhân gây ra là tương tác giữa hai bề mặt của hai vật; ảnh hưởng của của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ - Phân biệt được lực ma sát trượt và lực ma sát nghỉ. - Vận dụng được kiến thức về lực ma sát để giải thích được một số hiện tượng đơn giản cũng như giải quyết được một số tình huống đơn giản thường gặp liên quan đến lực ma sát.
6	Bài 45. Lực cản của nước.	2 (Tiết 25,26)	- Nhận biết được lực cản của nước và sự phụ thuộc của nó vào diện tích bề mặt cản - Giải thích được một số hiện tượng liên quan trong đời sống
7	Bài 46. Năng lượng và sự truyền năng lượng	2 (Tiết 27, 30)	- Nhận biết được mọi sự biến đổi trong tự nhiên đều cần năng lượng. - Lấy được ví dụ chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. - Nhận biết được đơn vị của năng lượng là jun (J) - Nhận biết được năng lượng có thể truyền từ vật này sang vật khác
8	Ôn tập giữa HK2	1	Ôn tập các kiến thức phân môn vật lí

		(Tiết 28)	
9	Kiểm tra giữa học kì II	1 (Tiết 29)	- Kiểm tra, đánh giá nhận thức của học sinh trong nửa học kỳ I qua các bài đã học.
10	Bài 47. Một số dạng năng lượng	2 (Tiết 31,32)	- Nhận biết được một số dạng năng lượng. - Phân biệt được các dạng năng lượng theo tiêu chí (theo nguồn phát ra chúng)
11	Bài 48. Sự chuyển hoá năng lượng	2 (Tiết 33, 34)	Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. Chỉ ra được sự chuyển hóa năng lượng trong một số hiện tượng đơn giản (Sinh, lí,hóa) - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa
13	Bài 49. Năng lượng hao phí	1 (Tiết 35)	- Chỉ ra được năng lượng nào là hữu ích, năng lượng nào là hao phí. - Nhận biết được năng lượng hao phí thường xuất hiện dưới dạng nhiệt năng. - Nêu được năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác
14	Bài 50. Năng lượng tái tạo	2 (Tiết 36,37)	- Nhận biết được các nguồn năng lượng trong tự nhiên. Hiểu được ưu điểm, nhược điểm và sự cần thiết của việc sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề liên quan đến năng lượng sử dụng trong cuộc sống.
15	Bài 51. Tiết kiệm năng lượng	1 (Tiết 38)	- Hiểu được tại sao phải tiết kiệm năng lượng Biết được một số biện pháp tiết kiệm năng lượng và ứng dụng các biện pháp đó vào cuộc sống
16	Bài 52. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời. Thiên thể	2 (Tiết 39,40)	- Giải thích một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hàng ngày. - Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng, còn Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời

17	Bài 53. Mặt Trăng	3 (Tiết 41,42,43)	- Hiểu được: Mặt Trăng là một vệ tinh tự nhiên duy nhất của Trái Đất - Vận dụng được kiến thức vào đời sống thực tế (nhìn Trăng đoán ngày) - Giải thích được vì sao hình dạng của mặt trăng lại không giống nhau ở các ngày trong 1 tháng.
20	Bài 54. Hệ Mặt Trời	2 (Tiết 44,45)	- Mô tả được sơ lược cấu trúc hệ Mặt Trời. - Nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau. - Vận dụng được kiến thức vào đời sống thực tế (Chế tạo dụng cụ quan sát vết đen trên Mặt Trời) - Vận dụng được kiến thức vào đời sống thực tế (Chế tạo dụng cụ quan sát vết đen trên Mặt Trời)
21	Bài 55. Ngân Hà	2 (Tiết 46,47)	Bằng việc tổ chức cho HS đọc theo các câu hỏi định hướng và hoạt động trải nghiệm làm một đồ chơi để hình dung được cấu trúc của Ngân Hà và vị trí của Trái Đất trong không gian vũ trụ
18	Ôn tập cuối HKII	2 (Tiết 48,49)	- HS tự hệ thống hóa kiến thức HKII. - Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống. - Trả lời đúng các câu hỏi.
19	Kiểm tra cuối kì II	1 (Tiết 50)	Củng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kĩ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.

PHÂN MÔN: SINH HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 30. Nguyên sinh vật	3 (Tiết 37,38,39)	- Dựa vào hình thái nhận biết được một số đại diện của nguyên sinh vật trong tự nhiên (trùng roi, trùng giày...). Nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. - Trình bày được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và đối với con người. - Nêu được một số bệnh cũng như các biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra (bệnh sốt rét, bệnh kiết lị). - Trình bày được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và đối với con người. - Phân biệt nguyên sinh vật với virus và vi khuẩn.
2	Bài 31. Thực hành: Quan sát nguyên sinh vật	1 (Tiết 40)	- Nhận biết được hình dạng, cấu tạo và khả năng di chuyển của một số nguyên sinh vật.
3	Bài 32. Nấm	3 (Tiết 41,42,43)	- Kể tên được một số loại nấm và môi trường sống của chúng, từ đó thể hiện được sự đa dạng của nấm. - Phân loại được 3 đại diện của nấm dựa vào cấu trúc của cơ quan tạo bào tử. - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người. - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra ở con người, thực vật và động vật. - Nêu được một số biện pháp phòng tránh bệnh do nấm gây ra ở con người.
4	Bài 33. Thực hành: Quan sát các loại nấm	2 (Tiết 44,45)	- Trình bày được cách thức quan sát một số loại nấm. - Sử dụng được kính lúp, kính hiển vi để thực hiện quan sát được một số loại nấm. - Mô tả được đặc điểm của một số loại nấm dựa trên kết quả quan sát (nấm mốc, nấm đảm- nấm quả). - Quan sát, xác định được các bộ phận của nấm quả trên mẫu vật. - Vẽ được hình ảnh một số loại nấm đã quan sát. - Tìm hiểu cách trồng và thực hiện trồng thử một mẫu nấm đảm có ích (tùy theo điều kiện của HS).
5	Bài 34. Thực vật	3 (Tiết 46,47,48)	- Phân biệt được hai nhóm thực vật có mạch và không có mạch - Nhận biết được các nhóm thực vật: Rêu, Dương xỉ, hạt trần, hạt kín thông qua tranh ảnh và mẫu vật - Trình bày được vai trò của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống.
6	Bài 35. Thực	2	- Quan sát và nêu được những đặc điểm cơ thể ở những mẫu vật quan sát

	hành: Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật	(Tiết 49,50)	- Sắp xếp các mẫu vật vào những nhóm thực vật đã học. - Phân biệt đưa ra dấu hiệu nhận biết về các nhóm thực vật
9	Bài 36. Động vật	4 (Tiết 51,52,55,56)	- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. - Liên hệ thực tiễn, liệt kê được vai trò và tác hại của động vật trong đời sống và cho ví dụ minh họa.
7	Ôn tập	1 (Tiết 53)	- HS tự hệ thống hóa kiến thức đã học. -Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống. -Trả lời đúng các câu hỏi.
8	Kiểm tra giữa học kỳ II	1 (Tiết 54)	- Củng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kĩ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.
10	Bài 37. Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên	3 (Tiết 57,58,59)	- Trình bày được các yêu cầu, nhiệm vụ, cách thức quan sát động vật ngoài thiên nhiên. - Sử dụng được các dụng cụ hỗ trợ để quan sát, ghi chép kết quả quan sát (kính lúp, ống nhòm, máy ảnh). - Tìm kiếm, quan sát, xác định và mô tả được các đặc điểm về môi trường sống, màu sắc, hình dạng, sự di chuyển, đặc điểm đặc trưng của một số loài động vật có trong khu vực quan sát. - Phân tích, khái quát được kết quả quan sát thể hiện trong báo cáo thu hoạch. - Trình bày, giới thiệu được kết quả thực hành và tham gia đánh giá được kết quả học tập của các nhóm bạn. - Đề xuất được các biện pháp chủ yếu giúp bảo vệ sự đa dạng động vật tại khu vực quan sát.

11	Bài 38. Đa dạng sinh học	3 (Tiết 60,61,62)	- Nêu được đặc điểm đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên, trong thực tiễn và cho ví dụ. - Tìm được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả. Giải thích được lí do cần bảo vệ đa dạng sinh học. - Liên hệ thực tiễn, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.
12	Bài 39. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	2 (Tiết 63,64)	- củng cố lại kiến thức về đa dạng sinh học thực vật và động vật. - Chứng minh được những đặc điểm thích nghi của thực vật và động vật với môi trường mà chúng tồn tại. - Sử dụng khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. - Nêu được tên và cách sử dụng các dụng cụ thực hành tham quan thiên nhiên chủ yếu
13	Kiểm tra cuối HKII	1 (Tiết 65)	- củng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kĩ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.

1.6. MÔN KHTN7

PHÂN MÔN: SINH HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
HỌC KÌ I			
1	Bài 21: Khái quát về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng	3 (Tiết 1,2,3)	- Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng - Nêu được vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong cơ thể
2	Bài 22: Quang hợp ở thực vật	3 (Tiết 4,5,6)	- Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp - Viết được phương trình quang hợp - Nêu được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong quang hợp - Nêu được vai trò của lá cây với chức năng quang hợp
3	Bài 23: Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	2 (Tiết 7,8)	- Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp

4	Ôn tập giữa kì I	9	Ôn tập lại các nội dung từ bài 21 đến bài 23
5	Kiểm tra giữa kì I	10	Kiểm tra một số yêu cầu cần đạt thuộc các bài 21 đến bài 23
6	Bài 24: Thực hành: Chứng minh quang hợp ở cây xanh	2 (Tiết 11,12)	- Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh
7	Bài 25: Hô hấp tế bào	2 (Tiết 13,14)	- Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp tế bào (ở thực vật và ở động vật): + Nêu được khái niệm + Viết được phương trình hô hấp dạng chữ + Thể hiện được 2 chiều tổng hợp và phân giải chất hữu cơ tế bào
8	Bài 26: Một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào	2 (Tiết 15,16)	- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hô hấp tế bào - Vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào để giải thích một số hiện tượng trong thực tế
9	Bài 27: Thực hành: Hô hấp ở thực vật	2 (Tiết 17,18)	- Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt
10	Bài 28: Trao đổi khí ở sinh vật	3 (Tiết 19,20,21)	- Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua tế bào khí khổng ở lá - Dựa vào hình vẽ, mô tả được cấu tạo khí khổng và nêu được chức năng của khí khổng - Dựa vào sơ đồ khái quát, mô tả được đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người)
11	Bài 29: Vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật	3 (Tiết 22,23,24)	- Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình), nêu được thành phần hóa học, cấu trúc và tính chất của nước - Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật
12	Bài 30: Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật	2 (Tiết 25,26)	- Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và chất khoáng từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân và lá cây - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây.
13	Ôn tập cuối kì I	27	Ôn tập lại một số nội dung từ bài 21 đến bài 30
14	Kiểm tra cuối kì I	28	Kiểm tra một số yêu cầu cần đạt thuộc các bài 21 đến bài 30

HỌC KÌ II			
15	Bài 30: Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật (tt)	2 (Tiết 29,30)	- Nêu được vai trò của thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sự trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở thực vật vào thực tiễn
16	Bài 31: Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật	4 (Tiết 31,32,33,34)	- Dựa vào sơ đồ khái quát, mô tả được con đường thu nhận và tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa ở động vật - Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật - Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật, lấy ví dụ cụ thể hai vòng tuần hoàn ở người - Vận dụng những kiến thức về trao đổi chất và năng lượng ở động vật vào thực tiễn
17	Bài 32: Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	2 (Tiết 35,36)	- Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước
18	Bài 33: Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật	2 (Tiết 37,38)	- Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật - Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh họa - Nêu được vai trò của cảm ứng đối với sinh vật và tập tính đối với động vật
19	Bài 34: Vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn	2 (Tiết 39,40)	- Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt)
20	Bài 35: Thực hành: Cảm ứng ở sinh vật	1 (Tiết 41)	- Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc) - Quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật

21	Bài 36: Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	2 (Tiết 42,43)	- Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật - Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển - Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên - Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật, trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó
22	Bài 37: Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật vào thực tiễn	3 (Tiết 44,47,48)	- Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, chất dinh dưỡng) - Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn - Vận dụng những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển của sinh vật để giải thích một số hiện tượng thực tiễn
23	Ôn tập giữa kì II	Tiết 45	Ôn tập lại các nội dung từ bài 31 đến bài 36
24	Kiểm tra giữa kì II	Tiết 46	Kiểm tra một số yêu cầu cần đạt thuộc các bài 31 đến bài 36
25	Bài 38: Thực hành: Quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật	2 (Tiết 49,50)	- Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng
26	Bài 39: Sinh sản vô tính ở sinh vật	3 (Tiết 51,52,53)	- Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật - Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật - Phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh họa - Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh họa - Trình bày được vai trò và các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn
27	Bài 40: Sinh sản hữu tính ở sinh vật	3 (Tiết 54,55,56)	- Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật - Phân biệt được sinh sản hữu tính và sinh sản vô tính - Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt hoa đơn tính và hoa lưỡng tính - Mô tả được thụ phấn, thụ tinh và lớn lên của quả - Mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật - Nêu được vai trò và ứng dụng của sinh sản hữu tính ở sinh vật
28	Bài 41: Một số yếu tố ảnh hưởng và điều hòa, điều		- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật

	hiển sinh sản ở sinh vật	3 (Tiết 57,58, 59)	Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi. Giải thích tại sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây
29	Bài 42: Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất	1 (Tiết 60)	- Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể sinh vật và môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống (trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng – sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất
30	Ôn tập cuối kì II	Tiết 61	Ôn tập lại một số nội dung từ bài 31 đến bài 40
31	Kiểm tra cuối kì II	Tiết 62	Kiểm tra một số yêu cầu cần đạt thuộc các bài 31 đến bài 40

PHÂN MÔN HÓA HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	Bài 1. Phương pháp và kỹ năng học tập môn KHTN	5 (1, 2, 3, 4, 5)	Tuần 1, 2, 3, 4, 5	– Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kỹ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên: + Phương pháp tìm hiểu tự nhiên; + Thực hiện được các kỹ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo. + Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự nhiên 7); + Làm được báo cáo, thuyết trình.	
CHƯƠNG I: NGUYÊN TỬ. SƠ LƯỢC VỀ BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC (13 tiết)					
2	Bài 2. Nguyên tử	5 (6, 7, 8, 9, 10)	Tuần 6,7,8,9,10	- Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). – Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử).	

3	Bài 3. Nguyên tố hóa học	3 (11, 12, 13)	Tuần 11,12,13	- Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. - Viết được kí hiệu hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên.	
4	Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các NTHH	7 (14, 15, 16, 17, 19, 20,21)	Tuần 14,15,16,17,19, 20,21	- Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học. - Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô, nhóm, chu kì. - Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.	
5	KT CK I	1(Tiết 18)	Tuần 18		
CHƯƠNG II: PHÂN TỬ - LIÊN KẾT HÓA HỌC (13 tiết)					
6	Bài 5. Phân tử - đơn chất - hợp chất	4 (22, 23, 24,25)	Tuần 22, 23, 24, 25	- Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất. - Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.	
7	Bài 6. Giới thiệu về liên kết hóa học	5 (26, 27, 28,29,30)	Tuần 26, 27, 28,29,30	- Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như H₂, Cl₂, NH₃, H₂O, CO₂, N₂,...). - Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như NaCl, MgO,...). - Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị.	

8	Bài 7. Hóa trị và CTHH	4 (31,32,33,34)	Tuần 31,32,33,34	– Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức hoá học. – Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng. – Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học. – Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất.	
9	KT CK II	1(Tiết 35)	Tuần 35	Ôn lại nội dung đã học	

PHÂN MÔN VẬT LÝ

HỌC KÌ I

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
Chương III. Tốc độ (11 tiết)			
1	Bài 8. Tốc độ chuyển động.	2	- Phát biểu được khái niệm tốc độ chuyển động, nhớ công thức tính tốc độ. – Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng. - Đổi được đơn vị tốc độ từ m/s sang km/h hoặc ngược lại. - Sử dụng được công thức tính tốc độ để giải các bài tập về chuyển động trong đó đã cho giá trị của hai trong ba đại lượng v, s và t - Nêu được ý nghĩa vật lý của tốc độ
2	Bài 9. Đo tốc độ.	3	– Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và cổng quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường; thiết bị “bắn tốc độ” trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông. - Xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng, $tốc\ độ = \frac{quãng\ đường\ vật\ đi}{thời\ gian\ đi\ quãng\ đường\ đó}$.
3	Bài 10. Đồ thị quãng đường – thời gian	2	– Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng. – Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật).
4	Bài 11. Thảo luận về ảnh	4	– Dựa vào tranh ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng

	hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.		của tốc độ trong an toàn giao thông. - Bước đầu biết cách sưu tầm tài liệu để tham gia thảo luận về một nội dung thực tế có liên quan đến những kiến thức đã học. - Thấy được ý nghĩa của tốc độ trong an toàn giao thông. - Thấy được để đảm bảo an toàn thì người tham gia giao thông vừa phải có ý thức tôn trọng các quy định về an toàn giao thông vừa phải có hiểu biết về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.
Chương IV. Âm thanh (10 tiết)			
5	Bài 12. Sóng âm	3	– Thực hiện thí nghiệm tạo sóng âm (như gảy đàn, gõ vào thanh kim loại,...) để chứng tỏ được sóng âm có thể truyền được trong chất rắn, lỏng, khí. – Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí.
6	Bài 13. Độ to và độ cao của âm (Tiết 1,2)	2	– Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm. – Nêu được đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz). – Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ âm. – Sử dụng nhạc cụ (hoặc học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ được độ cao của âm có liên hệ với tần số âm.
7	KTGKI	1	Các nội dung đã học
8	Bài 13. Độ to và độ cao của âm (tt) (Tiết 3)	1	– Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm. – Nêu được đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz). – Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ âm. – Sử dụng nhạc cụ (hoặc học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ được độ cao của âm có liên hệ với tần số âm.
9	Bài 14. Phản xạ âm, chống ô nhiễm tiếng ồn	4	– Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém. – Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm; đề xuất được phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe.
Chương V. Ánh sáng (8 tiết)			
10	Bài 15. Năng lượng ánh sáng. Tia sáng, vùng tối	2	Thực hiện thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng; từ đó, nêu được ánh sáng là một dạng của năng lượng. – Thực hiện thí nghiệm tạo ra được mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song. – Vẽ được hình biểu diễn vùng tối do nguồn sáng rộng và vùng tối do nguồn sáng hẹp.

11	Bài 16. Sự phản xạ ánh sáng. (Tiết 1)	1	– Phân biệt được phản xạ và phản xạ khuếch tán. – Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: tia sáng tới, tia sáng phản xạ, pháp tuyến, góc tới, góc phản xạ, mặt phẳng tới, ảnh. – Thực hiện được thí nghiệm rút ra định luật và phát biểu được nội dung của định luật phản xạ ánh sáng.
12	Ôn tập cuối kì 1	1	Ôn tập các nội dung đã học từ bài ở HK1

HỌC KÌ II

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
13	Bài 16. Sự phản xạ ánh sáng. (tiếp theo) (Tiết 2,3)	2	– Phân biệt được phản xạ và phản xạ khuếch tán. – Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: tia sáng tới, tia sáng phản xạ, pháp tuyến, góc tới, góc phản xạ, mặt phẳng tới, ảnh. – Thực hiện được thí nghiệm rút ra định luật và phát biểu được nội dung của định luật phản xạ ánh sáng.
14	Bài 17. Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng	3	– Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: ảnh của vật qua gương phẳng. – Nêu được tính chất ảnh của vật qua gương phẳng và dựng được ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng. – Vận dụng được định luật phản xạ ánh sáng trong một số trường hợp đơn giản.
Chương VI: Từ (10 tiết)			
15	Bài 18. Nam châm	3	Tiến hành thí nghiệm để nêu được: + Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau; + Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm). – Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.
16	KTGKII	1	Đảm bảo các yêu cầu cần đạt của phân môn vật lý từ bài 16 đến bài 18.
17	Bài 19. Từ trường	4	– Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường. – Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mặt sắt và nam châm. – Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm.

			– Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường. – Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. – Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí.
18	Bài 20. Chế tạo nam châm điện đơn giản	3	– Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện.
19	Ôn tập cuối kì II	1	Đảm bảo các yêu cầu cần đạt của phân môn vật lý từ tuần 19 đến tuần 32.

1.7. MÔN KHTN8

PHÂN MÔN: HOÁ HỌC

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	Bài 1: Sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm	3 (Tiết 1,2,3)	- Nhận biết được một số dụng cụ, hoá chất và nêu được quy tắc sử dụng hoá chất an toàn. - Nhận biết được một số thiết bị điện và trình bày được cách sử dụng điện an toàn. - Biết cách khai thác thông tin trên nhãn hoá chất để sử dụng chúng đúng cách và an toàn. - Sử dụng được một số hoá chất, dụng cụ thí nghiệm, thiết bị điện trong thực tế cuộc sống và trong phòng thí nghiệm.
2	Bài 2: Phản ứng hoá học	3 (Tiết 4,5,6)	- Nêu được khái niệm, đưa ra được ví dụ minh họa và phân biệt được biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. - Tiến hành được một số thí nghiệm về biến đổi vật lí và biến đổi hoá học. - Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm. - Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm. - Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra. - Nêu được khái niệm, đưa ra được ví dụ minh họa về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt và trình bày được các ứng dụng phổ biến của phản ứng toả nhiệt (đốt cháy than, xăng, dầu). - Tiến hành được một số thí nghiệm về biến đổi vật lí và biến đổi hoá học.
3	Bài 3: Mol và tỉ khối chất khí	3 (Tiết 7,8,9)	- Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử). - Tính được khối lượng mol (M). - Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m).

			- Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí. - So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tỉ khối. - Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25°C. - Sử dụng được công thức $n \text{ (mol)} = V \text{ (L)} / 24,79 \text{ (L/mol)}$ để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar và 25°C.
4	Bài 4: Dung dịch và nồng độ	4 (Tiết 10,11,12,13)	- Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau. - Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol và tính được độ tan, nồng độ phần trăm, nồng độ mol theo công thức đã cho. - Tiến hành được thí nghiệm pha một dung dịch theo nồng độ cho trước.
5	Bài 5: Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học	4 (Tiết 14,15,16,19)	- Tiến hành được thí nghiệm để chứng minh: trong phản ứng hoá học khối lượng được bảo toàn. - Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng. - Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học. - Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học. - Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học của một số phản ứng hoá học cụ thể).
6	Kiểm tra giữa học kì I	2 (Tiết 17,18)	Kiểm tra đánh giá một số yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 5.
7	Bài 6: Tính theo phương trình hóa học	4 (Tiết 20,21,22,23)	- Tính được lượng chất trong PTHH theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25°C. - Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng. - Tính được hiệu suất của một số phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lý thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.
8	Bài 7: Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	3 (Tiết 24,25,26)	- Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hóa học) - Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng dụng thực tế - Tiến hành thí nghiệm và quan sát thực tiễn: + So sánh được tốc độ một số phản ứng hóa học; + Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng; + Nêu được khái niệm về chất xúc tác.

9	Bài 8: Acid	3 (Tiết 27,28,29)	- Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H^+) - Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với kim loại, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid. - Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H_2SO_4, CH_3COOH).
10	Bài 9: Base. Thang pH (TÍCH HỢP DẠY HỌC STEM)	4 (Tiết 30,32,33,34)	- Nêu được khái niệm base (tạo ra ion OH^-), kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước. - Tiến hành được các thí nghiệm: base làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết PTHH) rút ra nhận xét về tính chất của base. - Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hay base không tan. - Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá môi trường acid-base của dung dịch. - Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy pH) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả, ...). - Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, nước mưa, đất.
11	Ôn tập cuối kì I	Tiết 31	Ôn tập lại một số nội dung thuộc yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 8.
12	Bài 10: Oxide	4 (Tiết 35,36, 37,38)	- Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác. - Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/ phi kim với oxygen. - Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/ base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính). - Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base: nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.
13	Bài 11: Muối	6 (Tiết 39,40, 41,42,43,44)	- Nêu được khái niệm về muối, đọc được tên một số loại muối thông dụng và trình bày được một số phương pháp điều chế muối. - Chỉ ra được một số muối tan và không tan từ bảng tính tan. - Tiến hành được thí nghiệm muối phản ứng với kim loại, acid, base, muối; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm và rút ra kết luận về tính chất hóa học của muối. - Trình bày được mối quan hệ giữa acid, base, oxide và muối và rút ra được kết luận về tính chất hóa học của acid, base, oxide.

14	Bài 12: Phân bón hoá học	3 (Tiết 45,46,47)	- Trình bày được vai trò của phân bón cho đất, cây trồng. - Nêu được thành phần và tác dụng của một số loại phân bón hóa học đối với cây trồng. - Trình bày được ảnh hưởng của việc sử dụng phân bón hóa học đến môi trường của đất, nước và sức khỏe của con người; đề xuất được biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của phân bón.
14	Ôn tập cuối kì II	Tiết 48	Ôn tập lại một số nội dung thuộc yêu cầu cần đạt từ bài 9 đến bài 12.

PHÂN MÔN VẬT LÝ

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 13. Khối lượng riêng	2	- Nêu được định nghĩa khối lượng riêng, xác định được khối lượng riêng qua khối lượng và thể tích tương ứng, khối lượng riêng = khối lượng/thể tích. - Liệt kê được một số đơn vị đo khối lượng riêng thường dùng.
2	Bài 14. Thực hành xác định khối lượng riêng	2	Thực hiện thí nghiệm để xác định được khối lượng riêng của một khối hộp chữ nhật, của một vật có hình dạng bất kì, của một lượng chất lỏng
3	Bài 15: Áp suất trên một bề mặt	2	- Dùng dụng cụ thực hành, khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt, áp suất = áp lực/diện tích bề mặt. - Liệt kê được một số đơn vị đo áp suất thông dụng. - Thảo luận được công dụng của việc tăng, giảm áp suất qua một số hiện tượng thực tế.
4	Bài 16: Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển.	3	- Nêu được: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi nguyên vẹn theo mọi hướng; lấy được ví dụ minh họa. - Thực hiện được thí nghiệm để chứng tỏ tồn tại áp suất khí quyển và áp suất này tác dụng theo mọi phương. - Mô tả được sự tạo thành tiếng động trong tai khi tai chịu sự thay đổi áp suất đột ngột. - Giải thích được một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống (ví dụ như: giác mút, bình xịt, tàu đệm khí)
5	Bài 17. Lực đẩy	2	Thực hiện thí nghiệm khảo sát tác dụng của chất lỏng lên vật đặt trong chất lỏng,

	Archimedes		rút ra được: Điều kiện định tính về vật nổi, vật chìm; định luật Archimedes (Acsimet).
CHƯƠNG IV: TÁC DỤNG LÀM QUAY CỦA LỰC			
6	Bài 18. Tác dụng làm quay của lực. Moment lực	4	- Thực hiện thí nghiệm để mô tả được tác dụng làm quay của lực. - Nêu được: tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực.
7	Bài 19. Đòn bẩy và ứng dụng (tiết 1,2)	2	- Dùng dụng cụ đơn giản, minh họa được đòn bẩy có thể làm thay đổi hướng tác dụng của lực. - Lấy được ví dụ về một số loại đòn bẩy khác nhau trong thực tiễn. - Sử dụng kiến thức, kỹ năng về đòn bẩy để giải quyết được một số vấn đề thực tiễn.
8	Ôn tập học kì 1	1	Ôn tập các nội dung đã học thuộc phân môn vật lý
9	Bài 19. Đòn bẩy và ứng dụng (tiết 3,4)	2	- Dùng dụng cụ đơn giản, minh họa được đòn bẩy có thể làm thay đổi hướng tác dụng của lực. - Lấy được ví dụ về một số loại đòn bẩy khác nhau trong thực tiễn. - Sử dụng kiến thức, kỹ năng về đòn bẩy để giải quyết được một số vấn đề thực tiễn.
CHƯƠNG V: ĐIỆN.			
10	Bài 20. Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát	2	- Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.
11	Bài 21: Dòng điện, nguồn điện.	2	- Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện. - Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện. - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống.
12	Bài 22: Mạch điện đơn giản	2	- Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), điốt (diode) và điốt phát quang. - Lắp được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn. - Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện
13	Bài 23: Tác dụng của dòng điện.	2	- Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí.
14	Bài 24: Cường độ dòng	2	- Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ

	điện và hiệu điện thế.		dòng điện. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế.
15	Bài 25: Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế	1	- Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang.
Chương VI - NHIỆT (Năng lượng và cuộc sống)			
16	Bài 26: Năng lượng nhiệt và nội năng.	2	- Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng. - Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng.
17	Bài 27: Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng joulemeter.	2	- Đo được năng lượng nhiệt mà vật nhận được khi bị đun nóng (có thể sử dụng joulemeter hay oát kế (wattmeter).
18	Bài 28: Sự truyền nhiệt.	2	- Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó - Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt. - Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính
19	Bài 29: Sự nở vì nhiệt.	2	- Thực hiện thí nghiệm để chứng tỏ được các chất khác nhau nở vì nhiệt khác nhau. - Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt - Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.
20	Ôn tập học kì II	1	HS tự hệ thống hóa kiến thức HK2. -Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống. -Trả lời đúng các câu hỏi.
21	Kiểm tra học kì II	1	- Củng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kĩ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.

PHÂN MÔN: SINH HỌC

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 30. Khái quát về cơ thể người	1 (Tiết 1)	- Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người.
2	Bài 31. Hệ vận động ở người	3 (Tiết 2,3,4)	- Nêu được chức năng của hệ vận động ở người. - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ), mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động. - Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khỏe học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống). Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật. - Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân nhằm nâng cao thể lực và thể hình). - Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác. - Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. - Nêu được tác hại của bệnh loãng xương. - Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương; tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư.
3	Bài 32. Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người	4 (Tiết 5,6,7,8)	- Nêu được khái niệm dinh dưỡng, chất dinh dưỡng. Nêu được mối quan hệ giữa tiêu hoá và dinh dưỡng. - Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá. - Quan sát hình vẽ (hoặc mô hình, sơ đồ khái quát) hệ tiêu hoá ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tiêu hoá. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tiêu hoá. - Trình bày được chế độ dinh dưỡng của con người ở các độ tuổi.

			- Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần thức ăn cho con người. Thực hành xây dựng chế độ dinh dưỡng cho bản thân và những người trong gia đình. - Nêu được một số bệnh về đường tiêu hoá và cách phòng và chống (bệnh răng, miệng; bệnh dạ dày; bệnh đường ruột, ...). - Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình. - Trình bày được một số vấn đề về an toàn thực phẩm, cụ thể: + Nêu được khái niệm an toàn thực phẩm. Trình bày được một số điều cần biết về vệ sinh thực phẩm. + Nêu được một số nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm. Lấy được ví dụ minh hoạ. Kể được tên một số loại thực phẩm dễ bị mất an toàn vệ sinh thực phẩm do sinh vật, hoá chất, bảo quản, chế biến. + Kể được tên một số hoá chất (độc tố), cách chế biến, cách bảo quản gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm. + Trình bày được cách bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn. + Trình bày được một số bệnh do mất vệ sinh an toàn thực phẩm và cách phòng và chống các bệnh này. - Vận dụng được hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình; đọc và hiểu được ý nghĩa của các thông tin ghi trên nhãn hiệu bao bì thực phẩm và biết cách sử dụng thực phẩm đó một cách phù hợp. - Thực hiện được dự án điều tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại địa phương; dự án điều tra một số bệnh đường tiêu hoá trong trường học hoặc tại địa phương (bệnh sâu răng, bệnh dạ dày,...).
4	Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người	3 (Tiết 9,10,11)	- Nêu được chức năng của máu và hệ tuần hoàn. - Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương). - Nêu được khái niệm nhóm máu. Phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn (ví dụ trong cấp cứu phải truyền máu; ý nghĩa của truyền máu, cho máu và tuyên truyền cho người khác). - Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ tuần hoàn ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tuần hoàn. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự

			phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn. - Nêu được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể. - Nêu được vai trò vaccine (vacxin) và vai trò của tiêm vaccine trong việc phòng bệnh. - Dựa vào sơ đồ, trình bày được cơ chế miễn dịch trong cơ thể người. Giải thích được vì sao con người sống trong môi trường có nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn có thể sống khỏe mạnh. - Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống các bệnh đó. - Vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình. - Thực hành: + Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu người bị chảy máu, tai biến, đột quỵ; băng bó vết thương khi bị chảy nhiều máu; + Thực hiện được các bước đo huyết áp. - Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh cao huyết áp, tiểu đường tại địa phương. Tìm hiểu được phong trào hiến máu nhân đạo ở địa phương.
5	Bài 34. Hệ hô hấp ở người	3 (Tiết 12,13,14)	- Nêu được chức năng của hệ hô hấp. - Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp. - Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng chống. - Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình. - Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp. - Điều tra được một số bệnh về đường hô hấp trong trường học hoặc tại địa phương, nêu được nguyên nhân và cách phòng tránh. - Tranh luận trong nhóm và đưa ra được quan điểm nên hay không nên hút thuốc lá và kinh doanh thuốc lá. - Thực hành: + Thực hiện được tình huống giả định hô hấp nhân tạo, cấp cứu người đuối nước; + Thiết kế được áp phích tuyên truyền không hút thuốc lá.

6	Bài 35. Hệ bài tiết ở người	3 (Tiết 15,16,17)	- Nêu được chức năng của hệ bài tiết. - Dựa vào hình ảnh hay mô hình, kể tên được các cơ quan của hệ bài tiết nước tiểu. - Dựa vào hình ảnh sơ lược, kể tên được các bộ phận chủ yếu của thận. - Trình bày được một số bệnh về hệ bài tiết và cách phòng chống các bệnh đó. - Vận dụng được hiểu biết về hệ bài tiết để bảo vệ sức khỏe. - Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh về thận như sỏi thận, viêm thận,... trong trường học hoặc tại địa phương. - Tìm hiểu được một số thành tựu ghép thận, chạy thận nhân tạo.
7	Bài 36. Điều hoà môi trường trong của cơ thể người	1 (Tiết 18)	- Nêu được khái niệm môi trường trong của cơ thể. - Nêu được khái niệm cân bằng môi trường trong và vai trò của sự duy trì ổn định môi trường trong của cơ thể (ví dụ nồng độ glucose, nồng độ muối trong máu, urea, uric acid, pH). - Đọc và hiểu được thông tin một ví dụ cụ thể về kết quả xét nghiệm nồng độ đường và uric acid trong máu.
8	Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người	2 (Tiết 19,20)	- Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan. - Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tuỷ sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh). - Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó. - Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác. - Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác. - Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng. Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt. - Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.
9	Ôn tập	1 (Tiết 21)	- HS tự hệ thống hóa kiến thức HK1. -Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống. -Trả lời đúng các câu hỏi.

10	Kiểm tra học kỳ 1	2 (Tiết 22,23)	- Củng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kĩ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.
11	Bài 37. Hệ thần kinh và các giác quan ở người (tt)	1 (Tiết 24)	- Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng và chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...). - Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình; - Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.2
12	Bài 38. Hệ nội tiết ở người	2 (Tiết 25,26)	- Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết. - Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine, ...) và cách phòng chống các bệnh đó. - Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình. - Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).
13	Bài 39. Da và điều hoà thân nhiệt ở người	2 (Tiết 27,28)	- Nêu được cấu tạo sơ lược và chức năng của da. Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn. - Nêu được khái niệm thân nhiệt. Thực hành được cách đo thân nhiệt và nêu được ý nghĩa của việc đo thân nhiệt. - Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người. - Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt. - Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng. - Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da. - Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh.

			- Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư. - Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.
14	Bài 40. Sinh sản ở người	3 (Tiết 29,30,31)	- Nêu được chức năng của hệ sinh dục. - Kể tên được các cơ quan và trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ. - Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai. - Nêu được hiện tượng kinh nguyệt và cách phòng tránh thai. - Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và trình bày được cách phòng chống các bệnh đó (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...). - Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên. Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khỏe bản thân. - Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khỏe sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).
15	Bài 41. Môi trường sống và các nhân tố sinh thái	2 (Tiết 32,33)	- Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật, phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa các môi trường sống của sinh vật. - Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái. Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người). Lấy được ví dụ minh họa các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. - Trình bày được sơ lược khái niệm về giới hạn sinh thái, lấy được ví dụ minh họa.
16	Kiểm tra giữa học kỳ 2	2 (Tiết 34,35)	- củng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kĩ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.
17	Bài 42. Quần thể sinh vật	2 (Tiết 36,37)	- Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật. Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố). Lấy được ví dụ minh họa. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ quần thể.

18	Bài 43. Quần xã sinh vật	2 (Tiết 38,39)	- Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật. Nêu được một số đặc điểm cơ bản của quần xã (Đặc điểm về độ đa dạng: số lượng loài và số cá thể của mỗi loài; đặc điểm về thành phần loài: loài ưu thế, loài đặc trưng). Lấy được ví dụ minh hoạ. - Nêu được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.
19	Bài 44. Hệ sinh thái	3 (Tiết 40,41,42)	- Phát biểu được khái niệm hệ sinh thái. Lấy được ví dụ về các kiểu hệ sinh thái (hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái nước mặn, hệ sinh thái nước ngọt). - Nêu được khái niệm chuỗi, lưới thức ăn; sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải, tháp sinh thái. Lấy được ví dụ chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong quần xã. - Quan sát sơ đồ vòng tuần hoàn của các chất trong hệ sinh thái, trình bày được khái quát quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái. - Nêu được tầm quan trọng của bảo vệ một số hệ sinh thái điển hình của Việt Nam: các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển và ven biển, các hệ sinh thái nông nghiệp. - Thực hành: điều tra được thành phần quần xã sinh vật trong một hệ sinh thái.
20	Bài 45. Sinh quyển	3 (Tiết 43,44,45)	- Nêu được khái niệm sinh quyển.
21	Bài 46. Cân bằng tự nhiên	2 (Tiết 46,47)	- Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên. Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên. - Phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.
22	Bài 47. Bảo vệ môi trường	2 (Tiết 48,49)	- Trình bày được tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội; tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên; vai trò của con người trong bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên. - Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường. Trình bày được sơ lược về một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường (ô nhiễm do chất thải sinh hoạt và công nghiệp, ô nhiễm hoá chất bảo vệ thực vật, ô nhiễm phóng xạ, ô nhiễm do sinh vật gây bệnh) và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường. - Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã, nhất là những loài có nguy cơ bị tuyệt chủng cần được bảo vệ theo Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã (CITES) (ví dụ như các loài voi, tê giác, hổ, sếu

			đầu đỏ và các loài linh trưởng,...). - Nêu được khái niệm khái quát về biến đổi khí hậu và một số biện pháp chủ yếu nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. - Điều tra được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương.
23	Ôn tập HK2	50	HS tự hệ thống hóa kiến thức HK2. -Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống. -Trả lời đúng các câu hỏi.
24	Kiểm tra cuối học kỳ 2	51	- củng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kĩ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.

1.8. MÔN HÓA 9

HỌC KỲ I (từ tuần 1 đến tuần 18)

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Điều chỉnh theo lớp			
			Yêu cầu cần đạt	Mạch kiến thức	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
1	1,2	Ôn tập chương trình hóa 8	- Giúp học sinh hệ thống lại kiến thức ở lớp 8 làm cơ sở để tiếp thu những kiến thức mới ở chương trình hóa học lớp 9. - Học sinh tái hiện lại kiến thức đã học trong chương trình hoá học 8: Viết KHHH, CTHH, lập PTHH.	- Kiến thức cần nhớ. - Các công thức hóa học cần nhớ để vận dụng giải BT lớp 9. - Bài tập.	Trên lớp	
2	3	T/chất hóa học của oxit, k/quát về	- Nắm được tính chất hóa học của oxit. - Biết oxit phân thành 4 loại: oxit axit, oxit bazơ, oxit lưỡng tính và oxit trung tính. - Viết được các phương trình hoá học minh	- Tính chất hóa học của oxit + Oxit bazơ + Oxit axit	Trên lớp	

		Chủ đề: OXIT (3 tiết)	sự phân loại oxit	hoá tính chất hoá học của oxit. - Tính thành phần phần trăm về khối lượng của oxit trong hỗn hợp hai chất.	- Khái quát về phân loại oxit		
	4		Một số oxit quan trọng	- Biết được tính chất hoá học của canxi oxit. - Ứng dụng, điều chế canxi oxit. - Phân biệt được các p/ trình hoá học minh hoạ tính chất hoá học của canxi oxit. - Tính thành phần phần trăm về khối lượng của CaO.	- Tính chất CaO - Điều chế, ứng dụng CaO - Tính chất SO ₂ - Điều chế, ứng dụng SO ₂	Trên lớp	Mục A.I: HS tự học có hướng dẫn
3	5		Một số oxit quan trọng	- Biết được tính chất hoá học của SO ₂ - Ứng dụng, điều chế SO ₂ - Phân biệt được các p/ trình hoá học minh hoạ tính chất hoá học của SO ₂ - Tính thành phần phần trăm về khối lượng của SO ₂	- Tính chất CaO - Điều chế, ứng dụng CaO - Tính chất SO ₂ - Điều chế, ứng dụng SO ₂	Trên lớp	Mục B.I: Tự học có hướng dẫn
	6		Tính chất hóa học của axit	- Tính chất hóa học của axit: Tác dụng với quỳ tím, với bazơ, oxit bazơ và kim loại. - Viết được ph/ trình minh họa tính chất hóa học của một số axit. - Giáo dục học sinh tính cẩn thận khi dùng axit, đặc biệt là axit sunfuric đặc.	- Tính chất hóa học axit - Axit mạnh và axit yếu	Trên lớp	
4	7	Chủ đề: AXIT (3 tiết)	Một số axit quan trọng.	- Tính chất ứng dụng, cách nhận biết H ₂ SO ₄ loãng và H ₂ SO ₄ đặc (tác dụng với kim loại, tính háo nước). - Viết các phương trình hóa học chứng minh tính chất hóa học H ₂ SO ₄ loãng và H ₂ SO ₄ đặc nóng. - Nhận biết được axit H ₂ SO ₄ và dung dịch muối sunfat.	- Tính chất vật lí của H ₂ SO ₄ , tính chất riêng của axit H ₂ SO ₄ đặc. - Ứng dụng, điều chế axit H ₂ SO ₄ . - Nhận biết H ₂ SO ₄ và gốc sunfat	Trên lớp	Mục A. và Mục B. II.1: Tự học có hướng dẫn - Bài tập 4* (Bài 4): Không yêu cầu học sinh làm

	8		Luyện tập về axit	- Củng cố những kiến thức đã học về: tính chất hoá học của axit, dẫn ra những phản ứng hóa học minh họa cho tính chất của những hợp chất trên bằng những chất cụ thể như: HCl, H₂SO₄. - Viết phương trình hóa học. - Bài toán tính khối lượng, nồng độ dung dịch.	- Kiến thức cần nhớ về axit - Luyện tập	Trên lớp	
5	9	TH: Tính chất hóa học của oxit và axit		Hiểu mục đích, các bước tiến hành, kỹ thuật thực hiện các thí nghiệm. - Có kỹ năng sử dụng dụng cụ và hóa chất để tiến hành an toàn, thành công các thí nghiệm trên; quan sát, mô tả, giải thích hiện tượng thí nghiệm và viết PTHH.	Thực hành thí nghiệm: TCHH của oxit. Nhận biết các dung dịch	Phòng thực hành Hoá	
	10	Chủ đề: BAZƠ (3 tiết)	Tính chất hóa học của bazơ	- Những tính chất hoá học chung của bazơ (tác dụng với axit), tính chất hóa học riêng của bazơ tan (kiềm), (tác dụng với chất chỉ thị màu, với oxit axit và với dung dịch muối), tính chất riêng của bazơ không tan trong nước (bị nhiệt phân hủy). - Tra bảng tính tan để biết một bazơ kiềm hoặc bazơ không tan. - Viết được các ph/ trình minh họa tính chất hóa học của bazơ.	Tính chất hóa học của bazơ: tác dụng chỉ thị màu, dd bazơ tác dụng oxit axit, bazơ tác dụng axit, bazơ không tan bị nhiệt phân hủy	Trên lớp	
6	11		Một số bazơ quan trọng	- Tính chất ứng dụng của NaOH. - Phương pháp sản xuất NaOH từ muối ăn. - Biết NaOH là một bazơ tan.	T/c vật lí, ứng dụng, sản xuất NaOH	Trên lớp	- Mục A.II. và Mục B.I. 2: Tự học có hướng dẫn
	12		Một số bazơ quan trọng	- Tính chất, ứng dụng của Ca(OH)₂. - Nhận biết được dung dịch NaOH và Ca(OH)₂	- Cách pha chế, tính chất, ứng dụng Ca(OH) ₂ .		- Mục B. II. Phân hình về thang pH: Không dạy - Bài tập 2: Không yêu cầu học sinh

							làm
7	13	Chủ đề: MUỐI (2 tiết)	Tính chất hóa học của muối	- Tính chất hóa học của muối: tác dụng với kim loại, dung dịch axit, dung dịch bazơ, dung dịch muối khác, nhiều muối bị phân hủy ở nhiệt độ cao. - Viết được phương trình minh họa tính chất hóa học của muối - Khái niệm và điều kiện phản ứng trao đổi thực hiện được - Nhận biết được một số muối cụ thể.	Tính chất hóa học của muối: td kim loại, td axit, td với muối, tác dụng với ba zơ, phản ứng phân hủy muối - Phản ứng trao đổi trong dung dịch	Trên lớp	Bài tập 6* : Không yêu cầu học sinh làm
	14		Một số muối quan trọng	- Một số tính chất và ứng dụng của muối NaCl - Vận dụng những tính chất của NaCl thực hành và bài tập - Tính khối lượng và thể tích dung dịch muối trong phản ứng.	- Trạng thái TN, cách khai thác và ứng dụng của NaCl	Trên lớp	Mục II: Không dạy
8	15	Phân bón hóa học	- Biết được tên, thành phần hóa học và ứng dụng của một số phân bón hóa học thông dụng - Nhận biết được một số phân bón hóa học thông dụng.	- Phân bón đơn - Phân bón kép - Phân bón vi lượng	Trên lớp	Mục I. Không dạy	
	16	Mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ	- Biết được mối quan hệ giữa oxit, axit, bazơ, muối. - Lập sơ đồ mối quan hệ giữa các loại hợp chất vô cơ. - Viết được các ph/ trình hóa học biểu diễn sơ đồ chuyển hóa. - Phân biệt một số hợp chất vô cơ cụ thể.	- Mối quan hệ giữa các hợp chất vô cơ - Những phản ứng hóa học minh họa	Trên lớp		
9	17	Ôn tập	- Tính chất hoá học của axit, bazơ, muối - Các dạng BT về axit, bazơ, muối.	- Lí thuyết - Bài tập	Trên lớp		
	18	Kiểm tra giữa kì I	- HS làm bài nghiêm túc, đúng qui chế	ND kiểm tra: chương I	Trên lớp		

10	19	Luyện tập chương I: Các loại hợp chất vô cơ	- Học sinh nắm lại sự phân loại hợp chất vô cơ. - Phân biệt các loại hợp chất vô cơ. - Viết phương trình hóa học. - Bài toán tính khối lượng, nồng độ dung dịch, tính phần trăm khối lượng hỗn hợp các chất và xác định công thức của hợp chất.	- Phân loại hợp chất vô cơ - Tính chất hóa học của hợp chất vô cơ	Trên lớp	
	20	Thực hành tính chất hóa học của bazơ và muối	Hiểu mục đích, các bước tiến hành, kỹ thuật thực hiện các thí nghiệm. - Có kỹ năng sử dụng dụng cụ và hóa chất để tiến hành an toàn, thành công các thí nghiệm trên; quan sát, mô tả, giải thích hiện tượng thí nghiệm và viết PTHH.	- Tính chất của oxit - Nhận biết dung dịch bazo và muối	Phòng thực hành Hoá	
11	21	Bài: Tính chất của kim loại - Dãy hoạt động hóa học của kim loại	- Tính chất vật lí của kim loại. Tính dẻo, dẫn điện, dẫn nhiệt, ánh kim. <i>(Không làm TN H2.1 và h2.2)</i> - Tính chất hóa học của kim loại: Tác dụng với phi kim, dung dịch axit, dung dịch muối. - Tính khối lượng của kim loại trong phản ứng thành phần phần trăm về khối lượng của hỗn hợp hai kim loại.	- Tính chất vật lí: Tính dẻo, dẫn điện, dẫn nhiệt, ánh kim - Tính chất hóa học (pư với phi kim, với dd axit, với dd muối)	Trên lớp	- Thí nghiệm tính dẫn điện, tính dẫn nhiệt của kim loại: Không dạy - Bài tập 7* (Bài 16): Không yêu cầu học sinh làm
	22					
12	23		- dãy hoạt động hóa học của kim loại K, Na, Mg, Al, Zn, Fe, Pb, (H) Cu Ag, Au. Ý nghĩa của dãy h/động hóa học của kim loại. - Vận dụng được ý nghĩa dãy hoạt động hóa học của kim loại để dự đoán kết quả phản ứng của kim loại cụ thể với dung dịch axit, nước và với dung dịch muối. - Tính thành phần phần trăm về k/lượng của hỗn hợp 2 kim loại.	- Xây dựng dãy hoạt động hóa học của kim loại - Ý nghĩa dãy hoạt động.	Trên lớp	
	24	Nhôm	- Tính chất hóa học của nhôm: chúng có những tính chất hóa học chung của Kl; nhôm không phản ứng với HNO_3 và H_2SO_4 đặc nguội. Nhôm phản ứng với dung dịch kiềm. - Phương pháp sản xuất nhôm bằng phương	- Tính chất hóa học của muối - Tính chất vật lí - Tính chất hóa học	Trên lớp	Hình 2.14: Sơ đồ bể điện phân nhôm oxit nóng

			pháp điện phân nhôm oxit nóng chảy (không dạy H.2.14).	- Ứng dụng - Sản xuất nhôm		chảy: Không dạy
13	25	Sắt	- Tính chất hóa học của sắt: chúng có những tính chất hóa học chung của KL; sắt không phản ứng với HNO_3 và H_2SO_4 đặc nguội. Sắt là kl có nhiều hóa trị..Viết các phương trình minh họa. - Phân biệt được nhôm và sắt bằng phương pháp hóa học. - Tính thành phần phần trăm về khối lượng của hỗn hợp bột nhôm và Fe tham gia phản	- Tính chất vật lí - Tính chất hóa học	Trên lớp	
	26	Hợp kim sắt: Gang, Thép	- Biết thành phần chính của gang và thép. - Sơ lược về phương pháp sản xuất gang và thép. - Tính khối lượng của Fe tham gia phản ứng hoặc sản xuất theo hiệu suất .	- Hợp kim sắt: Khái niệm Gang và thép. - Sản xuất Gang và thép.	Trên lớp	Các loại lò sản xuất gang, thép: Không dạy
14	27	Ăn mòn kim loại và bảo vệ kim loại không bị ăn mòn.	- Khái niệm về sự ăn mòn kim loại và một số yếu tố ảnh hưởng đến sự ăn mòn kim loại. - Cách bảo vệ kim loại khỏi sự ăn mòn. - Nhận biết được sự ăn mòn trong thực tế. - Vận dụng những kiến thức để bảo vệ một số đồ vật bằng kim loại trong gia đình.	- Khái niệm sự ăn mòn kim loại. - Yếu tố ảnh hưởng đến sự ăn mòn kim loại. - Biện pháp bảo vệ kim loại không bị ăn mòn.	Trên lớp	
	28	Luyện tập chương II: Kim loại	- HS ôn tập hệ thống lại: Dãy hoạt động hoá học của KL. Tính chất hoá học của KL Tính chất giống nhau và khác nhau giữa KL nhôm & sắt. Thành phần, tính chất, sản xuất gang, thép. Sản xuất nhôm. Sự ăn mòn KL là gì? Biện pháp bảo vệ KL. - Rèn kỹ năng hệ thống hoá kiến thức, so sánh để rút ra tính chất hoá học giống nhau và khác nhau giữa nhôm & sắt, vận dụng ý nghĩa của dãy hoạt động hoá học để viết các PTHH, giải bài tập hoá học.	- Kiến thức cần nhớ: tính chất kim loại, so sánh Al và Fe, hợp kim của Fe, sự ăn mòn kim loại. - Bài tập vận dụng về tính chất của KL.	Trên lớp	Bài tập 6* : Không yêu cầu học sinh làm

15	29	TH: Tính chất hóa học của nhôm và sắt		- Hiểu mục đích, các bước tiến hành, kỹ thuật thực hiện các thí nghiệm - Có kỹ năng sử dụng dụng cụ và hóa chất để tiến hành an toàn, thành công các thí nghiệm trên; quan sát, mô tả, giải thích hiện tượng thí nghiệm và viết PTHH.	Tiến hành thí nghiệm: T/d của nhôm với oxi T/d của sắt với lưu huỳnh Nhận biết kim loại nhôm sắt	Phòng thực hành Hoá	
	30	Tính chất chung của phi kim		- Tính chất vật lý của phi kim. - Tính chất hóa học của phi kim: tác dụng với kim loại, với hiđro, và với oxi. - Viết một số ph/ trình hóa học theo sơ đồ chuyển hóa của phi kim. - Tính lượng phi kim và hợp chất của phi kim trong phản ứng	- Tính chất vật lý - Tính chất hóa học	Trên lớp	
16	31	Clo		- Biết tính chất vật lý của clo. - Clo có một số tính chất chung của phi kim (tác dụng với kim loại, với hiđro), clo còn tác dụng với nước và với dung dịch bazơ, clo là phi kim hoạt động hóa học mạnh.	- Tính chất vật lý - Tính chất hóa học	Trên lớp	
	32	Clo (tt)		- Ứng dụng phương pháp điều chế và thu khí clo trong phòng thí nghiệm và trong công nghiệp. - Tính thể tích khí clo tham gia hoặc tạo thành trong phản ứng hóa học ở đktc.	- Ứng dụng - Điều chế	Trên lớp	
17	33	Chủ đề: Cacbon và hợp chất cacbon (3 tiết)	Cacbon	- Các dạng thù hình cacbon: Kim cương, than chì, các bon vô định hình - Tính chất Cacbon: Tính hấp phụ, tính hóa học: (tác dụng O_2; kl, ở nhiệt độ cao khử các oxit kim loại)	- Các dạng thù hình cacbon - Tính chất Cacbon	Trên lớp	Mục III: Tự học có hướng dẫn
	34		Các oxit của cacbon	- CO là oxit không tạo muối, độc, khử được nhiều oxit kim loại ở nhiệt độ cao. - CO_2 có tính chất của oxit axit. - Nhận biết được khí CO_2 - Tính thành phần phần trăm thể tích khí CO,	- Cacbon oxit: tính chất vật lý và hóa học - Cacbon đioxit: tính chất vật lý và	Trên lớp	

				CO ₂ trong hỗn hợp	hóa học		
18	35	Ôn tập học kì I		- Tính chất hoá học của KL và dãy hoạt động hoá học, tính chất hoá học của PK - Các dạng BT về kim loại	- Chương II: Phi kim (đến bài Clo)	Trên lớp	
	36	Kiểm tra học kì I		HS làm bài nghiêm túc đúng qui chế			

HỌC KÌ II
Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)

Tuần	Tiết	Tên chủ đề /Bài học		Yêu cầu cần đạt	Mạch kiến thức	Địa điểm dạy học	Hướng dẫn thực hiện
19	37	Chủ đề: Trên	Axit cacbonic và muối Cacbonat	- Học sinh biết được: axit cacbonic là axit yếu, kém bền; Muối cacbonat có những tính chất của muối như: Tác dụng với axit, với dd muối, với dd kiềm. Ngoài ra muối cacbonat dễ bị nhiệt phân hủy giải phóng khí CO ₂ và H ₂ O; Muối cacbonat có ứng dụng trong đời sống và sản xuất. - Nhận biết một số muối cụ thể.	- Axitcacbonic - Muối cacbonat	Trên lớp	Mục III: Khuyến khích học sinh tự đọc
	38	Silic. Công nghiệp silicat		- Biết silic là phi kim hoạt động hóa học yếu. Silic là chất bán dẫn; Silic đioxit là chất có nhiều trong tự nhiên ở dạng đất sét trắng, cao lanh, thạch anh...Silic đioxit là một oxit axit. - Biết một số ứng dụng q/ trọng của silic, silic đioxit và muối silicat. - Sơ lược về thành phần và các công đoạn chính sản xuất thủy tinh, đồ gốm, xi măng.	- Silic - Silic đioxit - Sơ lược về CN silicat	Trên lớp	Mục III.3.b: Không dạy các phương trình hóa học
20	39	Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học		- Các nguyên tố trong bảng tuần hoàn được sắp xếp theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân nguyên tử. Lấy ví dụ minh họa. - Cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô nguyên tố, chu kì	- Nguyên tắc sắp xếp - Cấu tạo bảng	Trên lớp	

			nhóm,.. lấy ví dụ minh họa. - Quan sát bảng tuần hoàn, ô ng/tổ cụ thể , nhóm I và VII, chu kì 1,2,3 và rút nhận xét ô ng/tổ, về chu kì và nhóm.	TH		
	40	Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (tt)	- Quy luật biến đổi tính kim loại, phi kim trong chu kì và nhóm. Lấy ví dụ minh họa. - Dự đoán tính chất cơ bản của nguyên tố khi biết vị trí của nó trong bảng tuần hoàn. - Biết cấu tạo nguyên tử của nguyên tố suy ra vị trí và tính chất của nó. So sánh tính kim loại hoặc phi kim của một ng/tổ cụ thể với các ng/tổ lân cận (trong 20 ng/tổ đầu tiên)	- Sự biến đổi tính chất của các nguyên tố trong BTH - Ý nghĩa BTH các nguyên tố hóa học	Trên lớp	
21	41	Luyện tập chương III	Giúp HS hệ thống hoá lại các kiến thức đã học trong chương như: - Tính chất của PK, clo, cacbon, silic, oxit cacbon, axit cacbonic, tính chất của muối cacbonat. - Cấu tạo bảng tuần hoàn và sự biến đổi tuần hoàn tính chất của các nguyên tố trong chu kỳ, nhóm và ý nghĩa của nó. - Biết xây dựng dãy chuyển đổi cụ thể và ngược lại. Viết PTHH biểu diễn.	- Kiến thức cần nhớ - Bài tập	Trên lớp	
	42	<i>Thực hành:</i> Tính chất hóa học của phi kim và hợp chất của chúng	- Hiểu mục đích, các bước tiến hành, kĩ thuật thực hiện các thí nghiệm: + Cacbon khử CuO ở nhiệt độ cao. + Nhiệt phân muối NaHCO₃. + Nhận biết muối cacbonat và muối clorua cụ thể. - Có kỹ năng sử dụng dụng cụ và hóa chất để tiến hành an toàn, thành công các thí nghiệm trên; quan sát, mô	- Tiến hành TN + C khử CuO + Nhiệt phân muối NaHCO₃ + Nhận biết muối cacbonat và clorua	Phòng thực hành Hóa	

			tả, giải thích hiện tượng thí nghiệm và viết PTHH.			
22	43	Khái niệm về hợp chất hữu cơ và hóa học hữu cơ	- Nắm khái niệm về hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ; Phân loại các hợp chất hữu cơ; Công thức phân tử, công thức cấu tạo và ý nghĩa của nó. - Tính % các ng/tổ trong một hợp chất hữu cơ; Lập CTPT hợp chất hữu cơ dựa vào thành phần% các ng/tổ.	- Khái niệm về hợp chất hữu cơ - Khái niệm về hóa học hữu cơ	Trên lớp	
	44	Cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ	- Nêu được đặc điểm cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ, công thức cấu tạo hợp chất hữu cơ và ý nghĩa của nó. - Viết được CTCT mạch hở, mạch vòng của 1 số chất đơn giản (< 4C) khi biết công thức phân tử.	- Đặc điểm cấu tạo phân tử HCHC - CTCT	Trên lớp	
23	45	Metan	- Viết công thức cấu tạo, biết đặc điểm cấu tạo của metan. - Tính chất vật lý: Trạng thái, màu sắc, tính tan trong nước, tỉ khối so với không khí. - Tính chất hoá học: Tác dụng được với clo (phản ứng thế), với oxi (phản ứng cháy). - Metan được dùng làm nhiên liệu và nguyên liệu trong đời sống và sản xuất. - Phân biệt khí metan với một vài khí khác.	- Trạng thái tự nhiên , tính chất vật lý - Cấu tạo phân tử - Tính chất hóa học - Ứng dụng	Trên lớp	
	46	Etilen	- Viết được công thức cấu tạo, biết đặc điểm cấu tạo của etilen. - Tính chất vật lý. - Tính chất hoá học: Phản ứng cộng brom trong dung dịch; phản ứng trùng hợp tạo PE, phản ứng cháy. - Ứng dụng: Làm nguyên liệu điều chế nhựa PE, ancol (rượu) etylic, axit axetic.	- Tính chất vật lý - Cấu tạo phân tử - Tính chất hóa học - Ứng dụng	Trên lớp	

			- Phân biệt khí etilen với khí metan bằng phương pháp hóa học. - Tính % thể tích khí etilen trong hỗn hợp khí hoặc thể tích khí đã tham gia phản ứng ở đktc.			
24	47	Axetilen	- Biết công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo. - Tính chất vật lí. - Tính chất hoá học: phản ứng cộng brom trong dung dịch, phản ứng cháy. - Ứng dụng. - Phân biệt khí axetilen với khí metan bằng phương pháp h/ học. - Tính % thể tích axetilen trong hỗn hợp, thể tích khí axetilen tham gia phản ứng. - Các cách điều chế axetilen từ CaC_2 và CH_4.	- Tính chất vật lí - Cấu tạo phân tử - Tính chất hóa học - Ứng dụng - Điều chế	Trên lớp	
	48	Dầu mỏ và khí thiên nhiên	- Nắm khái niệm, thành phần, trạng thái tự nhiên của dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu và phương pháp khai thác chúng; một số sản phẩm chế biến từ dầu mỏ. - Ứng dụng: dầu mỏ và khí thiên nhiên là nguồn nhiên liệu và nguyên liệu quý trong công nghiệp. - Sử dụng có hiệu quả một số sản phẩm dầu mỏ và khí thiên nhiên.	- Dầu mỏ - Khí thiên nhiên	Trên lớp	Mục III: Tự học có hướng dẫn
25	49	Nhiên liệu	- Khái niệm về nhiên liệu, các dạng nhiên liệu phổ biến (rắn, lỏng, khí). - Hiểu được: Cách sử dụng nhiên liệu (gas, dầu hỏa, than...) an toàn có hiệu quả, ít ảnh hưởng tới môi trường. - Tính nhiệt lượng tỏa ra khi đốt cháy than, khí metan và thể tích khí CO_2 tạo thành.	- Nhiên liệu - Phân loại - Sử dụng nhiên liệu hiệu quả	Trên lớp	

	50	Luyện tập chương IV: Hidrocacbon – Nhiên liệu	- củng cố các kiến thức đã học về hidrocacbon. - Hệ thống mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất hoá học của các hidrocacbon. - củng cố các phương pháp giải bài tập nhận biết, xác định CT hợp chất hữu cơ, tính phần trăm các chất trong hỗn hợp...	- Kiến thức cần nhớ - Bài tập	Trên lớp	Mục I; II.3: Không yêu cầu HS ôn tập và làm các bài tập liên quan tới benzen
26	51	Thực hành: Tính chất hóa học của hidroacbon	Làm thí nghiệm điều chế khí axetilen từ canxi cacbua; Thí nghiệm đốt cháy axetilen và cho axetilen tác dụng với dung dịch Br_2	- Thí nghiệm điều chế axetilen - Thí nghiệm tính chất axetilen	Phòng thực hành Hoá	Thí nghiệm 3: Không làm
	52	Ôn tập giữa kì II	- củng cố các phương pháp giải bài tập nhận biết, xác định CT hợp chất hữu cơ, tính phần trăm các chất trong hỗn hợp...	- Kiến thức cần nhớ - Bài tập	Trên lớp	
27	53	Kiểm tra giữa kì II	- Kiểm tra kỹ năng nhận dạng công thức, kỹ năng viết phương trình và kỹ năng giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. Kỹ năng nhận biết các chất khí đặc biệt là các HC.	Nội dung đã học	Trên lớp	
	54	Rượu etylic	- Viết CTPT, CTCT, CTCT thu gọn, đặc điểm cấu tạo. - Tính chất vật lý. - Tính chất hoá học: Phản ứng với Na, với axit axetic, phản ứng cháy. - Viết các PTHH. - Ứng dụng phổ biến của rượu etylic - P/ pháp điều chế rượu từ tinh bột, đường hoặc từ etilen.	- Tính chất vật lý - Cấu tạo phân tử - Tính chất hóa học - Ứng dụng - Điều chế	Trên lớp	

			- Tính khối lượng ancol etylic tham gia trong phản ứng có sử dụng độ rượu và hiệu suất quá trình.			
28	55	Axit axetic	- Biết công thức phân tử, viết công thức cấu tạo, đặc điểm cấu tạo của axit axetic. - Biết tính chất vật lí của axit - Biết tính chất hóa học: là một axit yếu, có tính chất chung của axit; tác dụng với ancol etylic tạo thành este; khái niệm phản ứng este hoá. - Viết được các PTHH minh họa của axit; tác dụng với ancol etylic tạo thành este.	- Tính chất vật lý - Cấu tạo phân tử - Tính chất hóa học	Trên lớp	
	56	Axit axetic	- Biết ứng dụng. - Phương pháp điều chế axit axetic bằng cách lên men ancol etylic (viết PTHH). - Phân biệt axit axetic với ancol etylic và chất lỏng khác.	- Ứng dụng - Điều chế - Bài tập	Trên lớp	
29	57	Mối quan hệ của etilen, rượu etylic và axit axetic	- HS nắm được sơ đồ mối liên hệ, để thực hiện dãy biến hóa, viết được PT biểu diễn của sơ đồ - Giải BT: Xác định CTHH dựa vào phương trình	- Sơ đồ liên hệ giữa etilen, rượu etylic và axit axetic - Bài tập	Trên lớp	
	58	Chất béo	- Khái niệm chất béo, trạng thái thiên nhiên, công thức tổng quát của chất béo đơn giản là $(RCOO)_3C_3H_5$, đặc điểm cấu tạo. - Tính chất vật lí của các chất béo. - Tính chất hóa học: Phản ứng thủy phân trong môi trường axit và trong môi trường kiềm (phản ứng xà phòng hóa). - Ứng dụng của chất béo trong thực tế.	- Chất béo có ở đâu - Tính chất vật lý - Thành phần và cấu tạo - Tính chất hóa học	Trên lớp	

			- Tính khối lượng xà phòng thu được theo hiệu suất.			
30	59	Luyện tập: Rượu etylic, axit axetic và chất béo	- Củng cố các kiến thức cơ bản về rượu etylic, axit axetic và chất béo. - Rèn kĩ năng nhận biết chất, kĩ năng viết phương trình	- Kiến thức cần nhớ - Bài tập	Trên lớp	
	60	Thực hành: Tính chất của rượu và axit	- Thực hiện được thí nghiệm chứng tỏ axit axetic có những tính chất chung của một axit (tác dụng với CuO, CaCO₃, quỳ tím, Zn). - Thực hiện thí nghiệm điều chế este etylaxetat. - Biết quan sát TN, nêu hiện tượng và giải thích hiện tượng, viết PTHH minh họa các thí nghiệm đã thực hiện.	- Thí nghiệm thể hiện tính axit của axit axetic. - Thí nghiệm tạo este etylaxetat.	Phòng thực hành Hoá	
31	61	Glucosơ-Saccarozơ	- Biết công thức phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí (trạng thái, màu sắc, mùi vị, tính tan...) của glucosơ và saccarơ. Viết được các PTHH (dạng CTPT) - Tính chất hóa học: Phản ứng tráng gương, phản ứng lên men rượu (của glucosơ), còn saccarozơ không có phản ứng tráng gương mà chỉ có phản ứng thủy phân	- Trạng thái tự nhiên, tính chất vật lý. - Tính chất hóa học.	Trên lớp	
	62					
32	63	Tinh bột và xenlulozơ	- Trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của tinh bột và xenlulozơ. - Công thức chung của tinh bột và xenlulozơ là (C₆H₁₀O₅)_n. - Tính chất hóa học của tinh bột và xenlulozơ: Phản ứng thủy phân và phản ứng màu của hồ tinh bột. Viết được các PTHH của phản ứng thủy phân, phản ứng quang hợp trong cây xanh. - Biết ứng dụng của tinh bột và xenlulozơ trong đời sống và sản xuất. Sự tạo thành của tinh bột và xenlulozơ trong cây xanh.	- Trạng thái tự nhiên, - Tính chất vật lý - Cấu tạo phân tử - Tính chất hóa học - Ứng dụng	Trên lớp	

			- Phân biệt được tinh bột và xenlulozơ.			
	64	Protein	- Biết khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử và khối lượng phân tử của prôtêin. - Tính chất hóa học: phản ứng thủy phân có xúc tác hoặc bazơ, enzim, bị đông tụ khi có tác dụng của hóa chất hoặc nhiệt độ, dễ bị phân hủy khi đun nóng mạnh. - Viết được sơ đồ phản ứng thủy phân prôtêin. - Phân biệt prôtêin (len lông cừu, tơ tằm) với chất khác (nilon) phân biệt amino axit và axit theo thành phần phân tử.	- Trạng thái tự nhiên - Cấu tạo phân tử - Tính chất - Ứng dụng	Trên lớp	
33	65	Polime	- Nắm được định nghĩa, cấu tạo, cách phân loại, tính chất chung của các polime. - Rèn kĩ năng viết được công thức tổng quát của một số polime từ công thức cấu tạo của chúng, từ đó suy ra công thức của monome và ngược lại.	- Khái niệm	Trên lớp	Mục II: Khuyến khích học sinh tự đọc
	66	Thực hành: THHH của glucit	- Phân biệt glucozơ, saccarozơ và tinh bột. - Thực hiện thành thạo phản ứng tráng gương. - Biết quan sát thí nghiệm, nêu hiện tượng và giải thích hiện tượng, trình bày bài làm nhận biết các d/d nêu trên, viết PTHH minh họa các thí nghiệm đã thực hiện.	Thực hiện thí nghiệm: - T/d của glucozo với bạc nitrat trong amoniac. - Phân biệt glucozơ, saccarozơ, tinh bột.	Phòng thực hành Hoá	
34	67	Ôn tập cuối năm	- Hệ thống lại các kiến thức cơ bản về 4 loại HC vô cơ và các công thức tính cơ bản. - Hệ thống hóa lại các kiến thức hóa vô cơ đã học - các dạng bài tập hóa vô cơ cơ bản đã học.	- Lí thuyết - Bài tập	Trên lớp	

	68	Ôn tập cuối năm (tt)	- Hệ thống lại các kiến thức cơ bản về hữu cơ và các công thức tính cơ bản. - Hệ thống hóa lại các kiến thức hóa hữu cơ đã học. - Các dạng bài tập hóa hữu cơ cơ bản đã học.	- Lí thuyết - Bài tập	Trên lớp	Không yêu cầu HS ôn tập và làm các bài tập liên quan tới benzen.
35	69	Kiểm tra học kì II	- HS làm bài nghiêm túc đúng qui chế.	Nội dung đã học	Trên lớp	
	70	Trả bài	- Giúp HS nhận thấy những ưu điểm, khuyết điểm qua bài làm; rút ra phương hướng khắc phục, rút kinh nghiệm cho lần sau.		Trên lớp	

1.9. MÔN VẬT LÝ 9

HỌC KỲ I (từ tuần 1 đến tuần 18)

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/ BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
1	1	Bài 1 : Sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn	1. Sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn. 2. Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế.	-Vẽ và sử dụng được đồ thị biểu diễn mối quan hệ I, U từ số liệu thực nghiệm. -Nêu được kết luận về sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn -Mắc mạch điện theo sơ đồ. -Sử dụng các dụng cụ đo: Vôn kế, Ampe kế. -Sử dụng một số thuật ngữ khi nói về hiệu điện thế và cường độ dòng điện. -Kỹ năng vẽ và xử lý đồ thị.	Dạy học tại phòng TN.	

	2	Bài 2: Điện trở của dây dẫn - định luật ôm	1. Xác định thương số $\frac{U}{I}$ đối với mỗi dây dẫn. 2. Tìm hiểu khái niệm điện trở. 3. Hệ thức của định luật Ôm.	-Nêu được điện trở của mỗi dây dẫn đặc trưng cho mức độ cản trở dòng điện của dây dẫn đó. -Nêu được điện trở của một dây dẫn được xác định như thế nào và có đơn vị là gì? -Phát biểu được định luật Ôm đối với đoạn mạch có điện trở.	Dạy học trên lớp.	
			4. Phát biểu định luật Ôm.	-Vận dụng được định luật Ôm để giải một số bài tập đơn giản.		
2	3	Bài 3: Thực hành: xác định điện trở của một dây dẫn bằng ampe kế và vôn kế	1. Giới thiệu dụng cụ TH 2. Tìm hiểu nội dung TH 3. Làm TH theo mẫu.	-Nêu cách xác định điện trở từ công thức tính điện trở. -Mô tả được cách bố trí và tiến hành thí nghiệm xác định điện trở của một dây dẫn bằng vôn kế và ampe kế. -Xác định điện trở của đoạn mạch bằng vôn kế và ampe kế.	Dạy học phòng bộ môn.	
	4	Bài 4: Đoạn mạch nối tiếp	1. Xác định Cường độ dòng điện và Hiệu điện thế trong đoạn mạch nối tiếp. 2. Điện trở tương đương. 3. Công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở mắc nối tiếp.	-Viết được công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch nối tiếp gồm nhiều nhất ba điện trở -Xác định được bằng thí nghiệm mối quan hệ giữa điện trở tương đương của đoạn mạch nối tiếp với các điện trở thành phần. -Vận dụng được định luật ôm cho đoạn mạch nối tiếp gồm nhiều nhất ba điện trở thành phần.	Dạy học trên lớp.	
3	5	Bài 5: Đoạn mạch song song	1. Xác định Cường độ dòng điện và Hiệu điện thế trong đoạn mạch song song. 2. Điện trở tương đương.	-Viết được công thức tính điện trở tương đương đối với đoạn mạch song song gồm nhiều nhất ba điện trở. -Xác định được bằng thí nghiệm mối quan hệ giữa điện trở tương đương của đoạn mạch song song với các điện trở	Dạy học trên lớp.	

			3. Công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch gồm hai điện trở mắc song song.	thành phần - Vận dụng định luật Ôm cho đoạn mạch song song gồm nhiều nhất ba điện trở thành phần.		
	6	Bài 6: Bài tập vận dụng định luật Ôm.		- Vận dụng kiến thức đã học để giải được các bài tập đơn giản về đoạn mạch gồm nhiều nhất là 3 điện trở. - Vận dụng được các công thức vào đoạn mạch cụ thể	Dạy học trên lớp.	
4	7	Chủ đề 1: Sự phụ thuộc của điện trở vào chiều dài, tiết diện, vật liệu của Bài 7: Sự phụ thuộc của điện trở vào chiều dài của dây dẫn.	1. Xác định sự phụ thuộc điện trở dây dẫn vào một trong các yếu tố khác nhau. 2. Mỗi quan hệ giữa điện trở dây dẫn với độ dài của dây dẫn.	- Nêu được mối quan hệ giữa điện trở của dây dẫn với độ dài dây dẫn - Xác định được bằng thí nghiệm mối quan hệ giữa điện trở của dây dẫn với độ dài dây dẫn	Dạy học trên lớp.	
	8	Bài 8: Sự phụ thuộc của điện trở vào tiết diện của dây dẫn.	3. Mỗi quan hệ giữa điện trở dây dẫn với tiết diện của dây dẫn.	- Nêu được điện trở của các dây dẫn có cùng chiều dài và làm từ cùng một loại vật liệu thì tỉ lệ nghịch với tiết diện của dây - Xác định được bằng thí nghiệm mối quan hệ giữa điện trở của dây dẫn với tiết diện của dây dẫn. Mắc mạch điện và sử dụng dụng cụ đo để đo điện trở của dây dẫn.	Dạy học trên lớp.	
5	9	Bài 9: Sự phụ thuộc	4. Mỗi quan hệ giữa	- Nêu được các vật liệu khác nhau thì có	Dạy học trên lớp.	

		của điện trở vào vật liệu của dây dẫn.	điện trở vào vật liệu làm dây dẫn. 5. Điện trở suất – Công thức điện trở. 6. Vận dụng	điện trở suất khác nhau. -Nêu được mối quan hệ giữa điện trở của dây dẫn với độ dài, tiết diện và vật liệu làm dây dẫn. -Xác định được bằng thí nghiệm mối quan hệ giữa điện trở của dây dẫn với vật liệu làm dây dẫn. Nêu được mối quan hệ giữa điện trở của dây dẫn với vật liệu làm dây dẫn. -Vận dụng được công thức $R = \rho \frac{l}{S}$ và giải thích được các hiện tượng đơn giản liên quan đến điện trở của dây dẫn		
	10	Bài 10: Biến trở - Điện trở dùng trong kỹ thuật	1. Tìm hiểu cấu tạo và hoạt động của biến trở. 2. Sử dụng biến trở để điều chỉnh cường độ dòng điện. 3. Vận dụng	- Nhận biết được các loại biến trở. - Giải thích được nguyên tắc hoạt động của biến trở con chạy. - Sử dụng được biến trở để điều chỉnh cường độ dòng điện trong mạch. - Vận dụng được định luật ôm và công thức $R = \rho \frac{l}{S}$ để giải bài toán về mạch điện sử dụng với hiệu điện thế không đổi, trong đó có mắc biến trở.	Dạy học trên lớp.	
6	11	Bài 11: Bài tập vận dụng định luật Ôm và công thức tính điện trở của dây dẫn	Bài 1/32/sbk Bài 2/32/sbk Bài 3/33/sbk	-Vận dụng định luật Ôm và công thức tính điện trở của dây dẫn để tính được các đại lượng có liên quan đối với đoạn mạch gồm nhiều nhất là ba điện trở mắc nối tiếp, mắc song song hoặc hỗn hợp. -Biết cách tóm tắt và định hướng phương pháp giải bài tập có mạch điện. - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức tổng hợp một cách sáng tạo	Dạy học trên lớp.	

7	12	Bài 12: Công suất điện	1. Công suất định mức của các dụng cụ điện. 2. công thức tính công suất điện. Vận dụng	- Nêu được ý nghĩa của số oát, số vôn ghi trên dụng cụ điện. -Viết được công thức tính công suất điện - Vận dụng được công thức $P = U.I$ để tính một đại lượng khi biết các đại lượng còn lại	Dạy học trên lớp.	
	13	Bài 13: Điện năng - Công của dòng điện	1. Điện năng 2. Công thức tính công của dòng điện. 3. Vận dụng	-Nêu được một số dấu hiệu chứng tỏ dòng điện mang năng lượng. -Chỉ ra được sự chuyển hoá các dạng năng lượng khi đèn điện, bếp điện, bàn là điện, nam châm điện, động cơ điện hoạt động - Viết được công thức tính điện năng tiêu thụ của một đoạn mạch. -Vận dụng được công thức $A = P \cdot t = U.I.t$ đối với đoạn mạch tiêu thụ điện năng	Dạy học trên lớp.	
	14	Bài 14: Bài tập về công suất điện và điện năng sử dụng	3. Bài 1/40/sbk Bài 2/40/sbk Bài 3/40/sbk	Giải được các bài tập tính công suất điện và điện năng tiêu thụ đối với các dụng cụ điện mắc nối tiếp và mắc song song. -Vận dụng công thức tính điện năng, công suất trong những trường hợp cụ thể - Rèn kỹ phân tích xây dựng chương trình giải -Giải BT vật lý theo đúng các bước giải. Kỹ năng giải bài tập định lượng.	Dạy học trên lớp.	

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/TÊN BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
8	15	Bài 15: Thực hành: Xác định công suất của các dụng cụ điện.	-Xác định công suất của bóng đèn với các hiệu điện thế khác nhau.	-Xác định được công suất của bóng đèn bằng Am pe kế và Vôn kế. -Mắc được mạch điện, biết sử dụng thiết bị đo điện. -Có kỹ năng thực hành và viết báo cáo thực hành.	Phòng bộ môn	
	16	Bài 16: Định luật Jun – Len-xơ	1. Trường hợp điện năng biến đổi thành nhiệt năng. 2. Định luật Jun Len Xơ 3. Vận dụng.	- Phát biểu và viết được hệ thức của định luật Jun- Lenxơ. -Vận dụng được định luật Jun- Lenxơ để giải thích các hiện tượng đơn giản liên quan	Dạy học trên lớp.	
9	17	Bài 17: Bài tập vận dụng định luật Jun - Len - Xô	Bài 1/47/sgk Bài 2/48/sgk Bài 3/48/sgk	- Vận dụng định luật Jun – Len xơ để giải các bài tập về tác dụng nhiệt của dòng điện -Sử dụng được công thức tính nhiệt lượng -Rèn kỹ năng giải BT vật lý theo đúng các bước giải	Dạy học trên lớp.	
	18	Tổng kết chương I: Điện học	1. Ôn tập lý thuyết: HS tự kiểm tra. 2. Vận dụng: Làm các bài tập	-Tự ôn tập và tự kiểm tra được các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng qua các câu hỏi. -Vận dụng được kiến thức và kỹ năng sẵn có để giải các bài bài.	Dạy học trên lớp	

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/TÊN BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			<i>Nội dung/Mạch kiến thức</i>	<i>Yêu cầu cần đạt</i>	<i>Hình thức tổ chức dạy học</i>	<i>Hướng dẫn thực hiện</i>
10	19	Kiểm tra giữa kì 1			Theo phòng thi	
	20	Trả bài kiểm tra giữa kì 1			Dạy học trên lớp	
11	21	Chủ đề: Nam châm – Từ trường <i>Bài 21: Nam châm vĩnh cửu</i>	1. Từ tính của nam châm 2. tương tác giữa hai nam châm. 3. Từ trường.	- Mô tả được các hiện tượng chứng tỏ nam châm vĩnh cửu có từ tính. - Nêu được sự tương tác giữa các từ cực của hai nam châm - Mô tả được cấu tạo và hoạt động của la bàn. - Xác định được các từ cực của kim nam châm. - Xác định được tên các từ cực của một nam châm vĩnh cửu trên cơ sở biết các cực của một nam châm khác - Biết sử dụng được la bàn để tìm hướng địa lí.	Dạy học trên lớp.	
	22	<i>Bài 22: Tác dụng từ của dòng điện - Từ trường</i>	1. Từ trường 2. Vận dụng	- Mô tả được thí nghiệm Ô- xtet để phát hiện dòng điện có tác dụng từ. - Biết dùng nam châm thử để phát hiện sự tồn tại của từ trường.	Dạy học trên lớp.	
12	23	<i>Bài 23. Từ phổ - đường sức từ</i>	1. Từ phổ 2. Đường sức từ 3. Vận dụng	- Biết cách dùng mặt sắt để tạo ra từ phổ của thanh nam châm. - Biết khái niệm đường sức từ , biết các đường sức từ có chiều nhất định - Vẽ đường sức từ và xác định được chiều của nam châm thẳng, nam châm chữ U.	Dạy học trên lớp.	

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/TÊN BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
	24	Bài 24: Từ trường của ống dây có dòng điện chạy qua	1. Từ phổ, đường sức từ của ống dây có dòng điện chạy qua 2. quy tắc nắm tay phải 3. vận dụng	- Phát biểu được quy tắc nắm tay phải về chiều đường sức từ trong lòng ống dây có dòng điện chạy qua - Vẽ được đường sức từ của ống dây có dòng điện đi qua. - Vận dụng quy tắc nắm tay phải để xác định chiều của đường sức từ trong lòng ống dây có dòng điện chạy qua khi biết chiều dòng điện và ngược lại	Dạy học trên lớp.	
13	25	Bài 25: Sự nhiễm từ của sắt, thép- nam châm điện.	1. Sự nhiễm từ của sắt, thép. 2. Nam châm điện 3. Vận dụng	- Mô tả được cấu tạo của nam châm điện và nêu được lõi sắt có vai trò làm tăng tác dụng từ. - Nêu được một số ứng dụng của nam châm điện và chỉ ra tác dụng của nam châm điện trong những ứng dụng này. - Giải thích được hoạt động của nam châm điện.	Dạy học trên lớp.	
	26	Bài 26: Ứng dụng của Nam châm	1. Loa điện. 2. Cấu tạo và hoạt động của Rơ le điện từ. 3. Vận dụng.	-Nêu được nguyên tắc hoạt động của loa điện. -Nêu được một số ứng dụng của nam châm điện. -Giải thích được hoạt động của nam châm điện trong mỗi ứng dụng.	Dạy học trên lớp	
14	27	Bài 27: Lực điện từ	1. Tác dụng của từ trường	-Phát biểu được quy tắc bàn tay trái	Dạy học trên lớp.	

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/TÊN BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
			lên dây dẫn có dòng điện 2. Chiều của lực điện từ, quy tắc bàn tay trái 3. Vận dụng	về chiều của lực của lực từ tác dụng lên dây dẫn thẳng có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường đều -Vận dụng được quy tắc bàn tay trái để xác định một trong ba yếu tố khi biết ba yếu tố kia.		
	28	Bài 28: Động có điện một chiều	Nguyên tắc cấu tạo và hoạt động của động cơ điện một chiều	- Nêu được nguyên tắc cấu tạo và hoạt động của động cơ điện một chiều	Dạy học trên lớp.	
15	29	Bài 30: Bài tập vận dụng qui tắc nắm tay phải và qui tắc bàn tay trái.	Bài 1/82/sgk Bài 2/83/sgk Bài 3/84/sgk	-Vận dụng được quy tắc nắm tay phải xác định đường sức từ của ống dây khi biết chiều dòng điện và ngược lại -Vận dụng được quy tắc bàn tay trái xác định chiều lực điện từ tác dụng lên dây dẫn thẳng có dòng điện chạy qua đặt vuông góc với đường sức từ (hoặc chiều dòng điện) khi biết 2 trong 3 yếu tố trên.	Dạy học trên lớp.	
	30	Bài 31: Hiện tượng cảm ứng điện từ .	1. Cấu tạo và hoạt động của đinamo xe đạp 2. Dùng nam châm để tạo ra dòng điện 3. Hiện tượng cảm ứng điện từ. 4. Vận dụng	- Mô tả được thí nghiệm hoặc nêu được ví dụ về hiện tượng cảm ứng điện từ. - Mô tả được cách làm xuất hiện dòng điện cảm ứng trong cuộn dây dẫn kín bằng nam châm điện hoặc nam châm vĩnh	Trên lớp học.	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Tên bài học	Điều chỉnh theo lớp học			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
				cửu. - Sử dụng được đúng hai thuật ngữ mới, đó là dòng điện cảm ứng và hiện tượng cảm ứng điện từ.		
16		Bài 32: Điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng .	1. Sự biến đổi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây 2. Điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng	-Nêu được dòng điện cảm ứng xuất hiện khi có sự biến thiên của số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây kín.(- Phát biểu được điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng) -Giải được một số bài tập định tính về nguyên nhân gây ra dòng điện cảm ứng. - Vận dụng được điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng để giải thích và dự đoán những trường hợp cụ thể, trong đó xuất hiện hay không xuất hiện dòng điện cảm ứng.	Dạy học trên lớp.	
	31	Ôn tập HK I		-Củng cố và hệ thống kiến thức -Vận dụng kiến thức đã học giải thích các hiện tượng trong thực tế.	Dạy học trên lớp.	
	32	Ôn tập HK I		-Củng cố và hệ thống kiến thức -Vận dụng kiến thức đã học giải thích các hiện tượng trong thực tế.	Dạy học trên lớp.	
17	33	Ôn tập HK I		-Củng cố và hệ thống kiến thức -Vận dụng kiến thức đã học giải thích các hiện tượng trong thực tế.	Dạy học trên lớp.	
	34	Ôn tập HK I		-Củng cố và hệ thống kiến thức -Vận dụng kiến thức đã học giải thích các hiện tượng trong thực tế.	Dạy học trên lớp.	

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/Tên bài học	Điều chỉnh theo lớp học			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
18	35	Kiểm tra HK I			Dạy học trên lớp.	
	36	Trả bài kiểm tra cuối kì 1				
19	37	Bài 33. Dòng điện xoay chiều	1. Chiều của dòng điện cảm ứng 2. Cách tạo ra dòng điện xoay chiều 3. Vận dụng	- Nêu được dấu hiệu chính để phân biệt dòng điện xoay chiều với dòng điện một chiều. - Thấy sự phụ thuộc của chiều dòng điện cảm ứng vào sự biến đổi của số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây. - Quan sát và mô tả chính xác hiện tượng xảy ra.	Dạy học trên lớp.	
	38	34. Máy phát điện xoay chiều	1. Cấu tạo và hoạt động của máy phát điện xoay chiều 2. Vận dụng	- Nêu được nguyên tắc cấu tạo của máy phát điện xoay chiều có khung dây quay hoặc có nam châm quay. - Nêu được các máy phát điện đều biến đổi cơ năng thành điện năng. - Giải thích được nguyên tắc hoạt động của máy phát điện xoay chiều có cuộn dây quay hoặc có nam châm quay.	Dạy học trên lớp.	
20	39	35. Các tác dụng của dòng điện xoay chiều. Đo cường độ và hiệu điện thế xoay chiều	1. Tác dụng của dòng điện xoay chiều 2. Tác dụng từ của dòng điện xoay chiều 3. Đo cường độ và hiệu điện thế của mạch điện	- Nêu được các tác dụng của dòng điện xoay chiều. - Nhận biết được ampe kế và vôn kế dùng cho dòng điện một chiều và xoay chiều qua các kí hiệu ghi trên dụng cụ.	Dạy học trên lớp.	

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/TÊN BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
			xoay chiều 4. vận dụng	- Nêu được các số chỉ của ampe kế và vôn kế xoay chiều cho biết giá trị hiệu dụng của cường độ dòng điện và của điện áp xoay chiều. - Phát hiện dòng điện là dòng điện xoay chiều hay dòng điện một chiều dựa trên tác dụng từ của chúng.		
	40	36.Truyền tải điện năng đi xa	1. Sự hao phí điện năng trên đường dây truyền tải. 2. vận dụng	- Nêu được công suất hao phí trên đường dây tải điện tỉ lệ nghịch với bình phương điện áp hiệu dụng đặt vào hai đầu dây dẫn. - Giải thích được vì sao có sự hao phí điện năng trên đường dây tải điện - Tổng hợp kiến thức đã học để đi đến kiến thức mới.	Dạy học trên lớp.	
21	41	37.Máy biến thế	1. Cấu tạo và hoạt động của Máy biến thế 2. Công thức MBT	- Nêu được nguyên tắc cấu tạo của máy biến áp. - Nêu được điện áp hiệu dụng giữa hai đầu các cuộn dây của máy biến áp tỉ lệ thuận với số vòng dây của mỗi cuộn và nêu được một số ứng dụng của máy biến áp. - Giải thích được nguyên tắc hoạt động của máy biến áp và vận dụng	Dạy học trên lớp.	

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/TÊN BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
				được công thức $\frac{U_1}{U_2} = \frac{n_1}{n_2}$ -Biết vận dụng kiến thức về hiện tượng cảm ứng điện từ để giải thích sự hoạt động của máy biến thế.		
	42	Bài tập về truyền tải điện năng đi xa và máy biến thế.	-Thứ tự các bài tập trong sgk.	- Củng cố cấu tạo và hoạt động của máy biến thế - Vận dụng được công thức tính hao phí điện năng , công thức máy biến thế	Trên lớp học.	
22	43	39.Tổng kết chương II:Điện từ học	1.Tự kiểm tra. 2.Vận dụng.	- Ôn tập và hệ thống hoá những kiến thức về nam châm từ, lực từ, động cơ điện, dòng điện cảm ứng, dòng điện xoay chiều, máy phát điện xoay chiều và máy biến thế. - Luyện tập thêm và vận dụng các kiến thức vào một số trường hợp cụ thể.	Dạy học trên lớp.	
	44	40.Hiện tượng khúc xạ ánh sáng. 41. Quan hệ giữa góc tới và góc khúc xạ.	1. Hiện tượng khúc xạ ánh sáng. 2. sự khúc xạ của tia sáng truyền từ nước sang không khí 3. Vận dụng	- Mô tả được hiện tượng khúc xạ ánh sáng trong trường hợp ánh sáng truyền từ không khí sang nước và ngược lại. - Chỉ ra được tia khúc xạ và tia phản xạ, góc khúc xạ và góc phản xạ. - Phân biệt được hiện tượng khúc	Dạy học trên lớp.	

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/TÊN BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
				xạ và hiện tượng phản xạ ánh sáng - Biết nghiên cứu hiện tượng khúc xạ ánh sáng bằng thí nghiệm. - Biết tìm ra quy luật qua một hiện tượng		
23	45	42.Thấu kính hội tụ	1. Đặc điểm của thấu kính hội tụ. 2. Trục chính, quang tâm, tiêu điểm, tiêu cự của thấu kính hội tụ 3. Vận dụng	- Nhận biết được thấu kính hội tụ. - Nêu được tiêu điểm chính, tiêu cự của thấu kính là gì? - Mô tả được đường truyền của tia sáng đặc biệt qua thấu kính hội tụ. - Xác định được TKHT qua việc quan sát trực tiếp các thấu kính này. - Vẽ được đường truyền đặc biệt của các tia sáng qua TKHT.	Dạy học trên lớp.	
	46	43.Ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ	1. Đặc điểm của ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ 2. Cách dựng ảnh 3. Vận dụng	- Nêu được tính chất ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ. - Dựng được ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ bằng cách sử dụng các tia đặc biệt.	Trên lớp học.	
24	47	Bài tập về khúc xạ ánh sáng.	Các BT trong SBT		Dạy học trên lớp.	
	48	Bài tập về thấu kính hội tụ.	Các BT trong SBT		Dạy học trên lớp.	
25	49	44.Thấu kính phân kỳ	1. Đặc điểm của thấu	- Nhận biết được thấu kính phân	Dạy học trên lớp.	

			kính phân kỳ 2. Trục chính, quang tâm, tiêu điểm, tiêu cự của thấu kính phân kỳ Vận dụng	kỳ. - Mô tả được đường truyền của các tia sáng đặc biệt qua thấu kính phân kỳ. -Vẽ được đường truyền các tia sáng đặc biệt qua thấu kính phân kỳ		
	50	45.Ảnh của một vật tạo bởi thấu kính phân kỳ	1. Đặc điểm của ảnh của một vật tạo bởi thấu kính phân kỳ 2. Độ lớn của ảnh tạo bởi các thấu kính Vận dụng	- Nêu được các đặc điểm về ảnh của một vật tạo bởi TKPK. - Dựng được ảnh của một vật tạo bởi THPK bằng cách sử dụng các tia sáng đặc biệt. - Xác định được thấu kính là thấu kính hội tụ hay phân kỳ qua việc quan sát sát ảnh của một vật tạo bởi thấu kính đó.	Dạy học trên lớp.	
26	51	Bài tập về thấu kính phân kỳ.	Các bài tập trong sbt.	-Biết dựng ảnh của một vật qua TKPK. -Vận dụng kiến thức hình học để giải bài tập về TK.	Dạy học trên lớp.	
	52	48.Mắt	1. Cấu tạo của mắt 2. Sự điều tiết 3.Điểm cực cận và điểm cực viễn Vận dụng	- Nêu được hai bộ phận quan trọng nhất của mắt là thủy tinh thể và màng lưới. - Nêu được sự tương tự giữa cấu tạo của mắt và máy ảnh. - Nêu được mắt phải điều tiết khi muốn nhìn rõ vật ở các vị trí xa, gần khác nhau. -Biết xác định điểm cực cận , điểm cực viễn	Dạy học trên lớp.	
27	53	Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa kì II.		Ôn tập các nội dung đã học	Dạy học trên lớp.	
	54	Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa kì II.		Ôn tập các nội dung đã học	Dạy học trên lớp.	
28	55	Kiểm tra giữa kỳ II		Kiểm tra các nội dung đã học	Phòng thi	
	56	Trả bài kiểm tra giữa kì 2			Dạy học trên lớp	

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/TÊN BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
29	57	49.Mắt cận thị và mắt lão	1. Những biểu hiện và cách khắc phục tật cận thị. 2. Đặc điểm và cách khắc phục tật mắt lão 3. Vận dụng	- Nêu được đặc điểm chính của mắt cận thị, mắt lão và cách sửa. - Biết vận dụng các kiến thức quang học để hiểu được cách khắc phục tật về mắt.	Dạy học trên lớp.	
	58	50.Kính lúp	1. Kính lúp là gì? 2. Vận dụng	- Nêu được kính lúp là thấu kính hội tụ có tiêu cự ngắn và được dùng để quan sát các vật nhỏ. - Nêu được số ghi trên kính lúp là số bội giác của kính lúp và khi dùng kính lúp có số bội giác càng lớn thì quan sát thấy ảnh càng lớn	Dạy học trên lớp.	
30	59	Bài tập quang hình học.	Các bài tập 1, 2, 3 trang 51/sgk	-Vận dụng kiến thức để giải được các bài tập định tính và định lượng về hiện tượng khúc xạ ánh sáng, về thấu kính về các dụng cụ quang học đơn giản. -Thực hiện các phép tính về quang hình học.	Trên lớp học.	
	60	51.Bài tập quang hình học (tt).	Chọn các bài tập trong sbt.	-Giải thích được một số hiện tượng và một số ứng dụng về quang hình học. - Giải các bài tập về quang hình học.	Dạy học trên lớp.	

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/TÊN BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
31	61	53.Sự phân tích ánh sáng trắng	1. Phân tích một chùm ánh sáng trắng bằng lăng kính 2. Phân tích một chùm ánh sáng trắng bằng sự phản xạ trên đĩa CD 3. Vận dụng	-Nêu được chùm ánh sáng trắng có chứa nhiều chùm ánh sáng màu khác nhau và mô tả được cách phân tích ánh sáng trắng thành các ánh sáng màu. -Giải thích được một số hiện tượng bằng cách nêu được nguyên nhân là do có sự phân tích ánh sáng trắng.	Dạy học trên lớp.	
	62	Bài 54: Sự trộn các ánh sáng màu.	1.Thể nào là sự trộn các ánh sáng màu với nhau 2. Trộn hai ánh sáng màu với nhau 3. Trộn ba ánh sáng màu để được ánh sáng trắng.	-Biết được phương pháp trộn các ánh sáng. -Biết trộn hai, ba hay nhiều ánh sáng màu để được ánh sáng trắng.	Dạy học trên lớp.	
32	63	58.Tổng kết chương III: Quang học	1. Hệ thống các kiến thức đã học trong chương. 2. Vận dụng giải các bài tập.	- Trả lời được những câu hỏi tự kiểm tra nêu trong bài. - Hệ thống được kiến thức về quang học	Dạy học trên lớp.	
	64	58.Tổng kết chương III: Quang học (tt)	1.Tự kiểm tra. 2.Vận dụng	Vận dụng được kiến thức để giải một số bài tập về quang hình học.		
33	65	59. Năng lượng và sự chuyển hoá năng lượng	1. Năng lượng 2. Các dạng năng lượng và sự chuyển hóa giữa chúng	-Nêu được một vật có năng lượng khi vật đó có khả năng thực hiện công hoặc làm nóng các vật khác. -Kể tên được những dạng năng lượng đã học. -Nêu được ví dụ hoặc mô tả được hiện tượng trong đó có sự chuyển	Dạy học trên lớp.	

Tuần	TIẾT	TÊN CHỦ ĐỀ/TÊN BÀI HỌC	ĐIỀU CHỈNH THEO LỚP HỌC			
			Nội dung/Mạch kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Hình thức tổ chức dạy học	Hướng dẫn thực hiện
				hoá các dạng năng lượng đã học và chỉ ra được rằng mọi quá trình biến đổi đều kèm theo sự chuyển hoá năng lượng từ dạng này sang dạng khác. -Nhận biết được các dạng năng lượng trực tiếp hoặc gián tiếp		
	66	60. Định luật bảo toàn năng lượng	1. Sự chuyển hóa năng lượng trong các hiện tượng cơ, nhiệt, điện. 2. Định luật bảo toàn năng lượng	-Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng. -Giải thích một số hiện tượng và quá trình thường gặp trên cơ sở vận dụng định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng.	Dạy học trên lớp.	
34	67	Ôn tập chuẩn bị kiểm tra cuối kì II			Trên lớp học.	
	68	Ôn tập chuẩn bị kiểm tra cuối kì II (tt)			Dạy học trên lớp.	
35	69	Kiểm tra học kì II			Dạy học trên lớp.	
	70	Trả bài kiểm tra cuối kì 2				

1.10. MÔN SINH HỌC 9

HỌC KỲ I (từ tuần 1 đến tuần 18)

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)	Điều chỉnh theo lớp			
			Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
1	1	Bài 1. Mendel và di truyền	I. Di truyền học.	- Trình bày được khái niệm,	Dạy học trên	Mục Câu hỏi và

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)		Điều chỉnh theo lớp			
				Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
		học		II. Mendel – người đặt nền móng cho di truyền học. III. Một số thuật ngữ và kí hiệu cơ bản của Di truyền học.	mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ của di truyền học. - Hiểu được công lao to lớn của Mendel và phương pháp nghiên cứu di truyền của Mendel. - Ghi nhớ 1 số thuật ngữ và kí hiệu trong di truyền học	lớp.	bài tập: Câu 4: không thực hiện.
	2		Bài 2	I. Thí nghiệm của Mendel. II. Mendel giải thích kết quả thí nghiệm. III. Lai phân tích. IV. Ý nghĩa của tương quan trội lặn.	- Nêu được thí nghiệm lai 1 cặp tính trạng của Mendel và rút ra nhận xét. - Ghi nhớ các khái niệm kiểu hình, kiểu gen, thể đồng hợp, thể dị hợp và cho VD. - Phát biểu được nội dung quy luật phân li. - Viết được các sơ đồ lai 1 cặp tính trạng ở Đậu Hà Lan đến F3 - Nêu được quy luật di truyền và giải thích hiện tượng thực . Vận dụng được nội dung của quy luật phân li để giải quyết các bài tập. - Nêu được các khái niệm kiểu hình, kiểu gen, thể đồng hợp, thể di hợp,. Cho VD minh hoạ. - Trình bày được khái niệm lai	Dạy học trên lớp.	Bài 2. Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4: không thực hiện. Bài 3. Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 3 : không thực hiện.
2	3	Chủ đề: Lai 1 cặp tính trạng	Bài 3				

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)		Điều chỉnh theo lớp			
				Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
3					phân tích : cho VD, nêu được ý nghĩa. - Nêu được ứng dụng của quy luật phân li trong sản xuất và đời sống.		
	4	Bài 4. Lai hai cặp tính trạng.		I. Thí nghiệm của Mendel. II. Biến dị tổ hợp.	- Học sinh mô tả được thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Mendel. - Biết phân tích kết quả thí nghiệm lai 2 cặp tính trạng của Mendel. - Phát biểu được nội dung quy luật phân li độc lập. - Nhận biết được biến dị tổ hợp xuất hiện trong phép lai 2 cặp tính trạng của Mendel. - Nêu được khái niệm biến dị tổ hợp: Cho VD, nêu ý nghĩa trong chọn giống và tiến hoá, giải thích 1 số hiện tượng thực tế.	Dạy học trên lớp.	
	5	Bài 5. Lai hai cặp tính trạng (tiếp theo).		III. Mendel giải thích kết quả thí nghiệm. IV. Ý nghĩa của quy luật phân li độc lập.	- Hiểu và giải thích được kết quả lai hai cặp tính trạng theo quan điểm của Mendel. - Nêu được ý nghĩa và ứng dụng của quy luật phân li độc lập đối với chọn giống và tiến hoá.	Dạy học trên lớp.	
	6	Bài 7. Bài tập chương 1.		1. Hướng dẫn cách giải bài tập về lai 1 cặp tính	- Củng cố, khắc sâu và mở rộng nhận thức về các quy	Dạy học trên lớp.	Bài tập 3 trang 22 Không thực

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)		Điều chỉnh theo lớp			
				Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
				trạng. 2. Học sinh làm các dạng bài tập.	luật di truyền. - Biết vận dụng kiến thức vào giải các bài tập.		hiện.
4	7	Bài 8. Nhiễm sắc thể.		I. Tính đặc trưng của bộ nhiễm sắc thể. II. Cấu trúc của nhiễm sắc thể. III. Chức năng của nhiễm sắc thể.	- Nêu được tính đặc trưng của bộ NST ở mỗi loài. - Mô tả được cấu trúc hiển vi điển hình của NST ở kì giữa của nguyên phân. - Nêu được chức năng của NST đối với sự di truyền các tính trạng.	Dạy học trên lớp.	
	8	Chủ đề: phân bào	Bài 9	I. Những biến đổi cơ bản của NST trong quá trình nguyên phân. II. Những diễn biến cơ bản của NST trong giảm phân. III. Ý nghĩa của nguyên phân và giảm phân.	- Trình bày được những biến đổi cơ bản của NST qua các kì của nguyên phân. - Trình bày được ý nghĩa sự thay đổi trạng thái (đơn, kép), biến đổi số lượng (ở tế bào mẹ và tế bào con) và sự vận động của NST qua 4 kì của nguyên phân. - Phân tích được ý nghĩa của nguyên phân đối với sự sinh sản và sinh trưởng của cơ thể. - Học sinh trình bày được những diễn biến cơ bản của NST qua các kì của giảm phân I và giảm phân II. - Trình bày được ý nghĩa sự thay đổi trạng thái (đơn, kép),	- Dạy học trên lớp.	Bài 9 Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 1, Bài 10: Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2: không thực hiện.
5	9		Bài 10				

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)		Điều chỉnh theo lớp			
				Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
6					biến đổi số lượng (ở tế bào mẹ và tế bào con) và sự vận động của NST qua các kì của giảm phân. - Nêu được những điểm khác nhau của từng kì ở giảm phân I và II. - Phân tích được những sự kiện quan trọng có liên quan tới các cặp NST tương đồng. - Nêu được ý nghĩa của giảm phân.		
	10	Bài 11. Phát sinh giao tử và thụ tinh.	I. Sự phát sinh giao tử. II. Thụ tinh.	-Trình bày được các quá trình phát sinh giao tử ở động vật. - Mô tả được và so sánh giữa quá trình phát sinh giao tử đực và cái. - Nêu được bản chất của thụ tinh cũng như ý nghĩa của nó và giảm phân đối với sự di truyền và biến dị. - Nêu được ý nghĩa của nguyên phân, giảm phân và thụ tinh với thực tiễn.	- Dạy học trên lớp		
	11	Bài 12. Cơ chế xác định giới tính.	I. Nhiễm sắc thể giới tính. II. Cơ chế xác định giới tính. III. Các yếu tố ảnh	- Mô tả được một số đặc điểm của NST giới tính và vai trò của nó với sự xác định giới tính. - Giải thích được cơ chế xác	- Dạy học trên lớp.		

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)	Điều chỉnh theo lớp			
			Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
			hưởng tới sự phân hoá giới tính.	định NST giới tính ở người và tỉ lệ đực : cái ở mỗi loài là 1 : 1. - Nêu được ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sự phân hoá giới tính.		
	12	Bài 13. Di truyền liên kết.	I. Thí nghiệm của Moocgan. II. ý nghĩa của di truyền liên kết.	- Hiểu được những ưu thế của ruồi giấm đối với nghiên cứu di truyền. - Nêu được thí nghiệm của Moocgan và nhận xét kết quả thí nghiệm. - Nêu được ý nghĩa thực tiễn của di truyền liên kết, đặc biệt trong lĩnh vực chọn giống.	Dạy học trên lớp.	Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2 và câu 4: Không thực hiện.
7	13	Bài 14. Thực hành: Quan sát hình thái nhiễm sắc thể.	I. Quan sát hình thái NST qua các kì nguyên phân. II. viết thu hoạch. III. Đánh giá kết quả của nhóm qua bản thu hoạch.	- Nhận dạng NST ở các kì. - Phát triển kỹ năng sử dụng và quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi.	Thí nghiệm thực hành.	
	14	Bài 15. ADN.	I. Cấu tạo hoá học của phân tử ADN. II. Cấu trúc không gian của phân tử ADN.	-Nêu được thành phần hoá học, tính đặc thù và đa dạng của ADN. - Mô tả được cấu trúc không gian của ADN theo mô hình của J. Oatson và F. Crick và chú ý tới nguyên tắc bổ sung	Dạy học trên lớp.	

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)	Điều chỉnh theo lớp			
			Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
				của các cặp nuclêôtit.		
8	15	Bài 16. ADN và bản chất của gen.	I. ADN tự nhân đôi theo những nguyên tắc nào?. II. Bản chất của gen.	Nêu được cơ chế tự nhân đôi của AND diễn ra theo nguyên tắc: khuôn mẫu, bổ sung, bán bảo toàn. - Nêu được bản chất hoá học của gen. - Phân tích được các chức năng của gen.	Dạy học trên lớp.	
	16	Bài 17. Mối quan hệ giữa gen và ARN.	I. ARN (axit ribônuclêic). II. ARN được tổng hợp theo nguyên tắc nào?.	-Mô tả được cấu tạo sơ bộ và chức năng của ARN và kể được các loại ARN và chức năng của chúng. - Biết xác định những điểm giống và khác nhau cơ bản giữa ARN và ADN. - Trình bày được sơ bộ quá trình tổng hợp ARN dựa trên mạch khuôn của gen đặc biệt là nêu được các nguyên tắc của quá trình này.	- Dạy học trên lớp	
9	17	Ôn tập	1. Lý thuyết kiến thức chương 1 đến chương 3. 2. Bài tập chương 1 đến chương 3.	HS tự hệ thống hóa kiến thức chương 1 đến chương 3.. -Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống. -Trả lời đúng các câu hỏi.	- Dạy học trên lớp	
	18	Kiểm tra giữa kỳ 1.	- Đề - Ma trận - Đáp án	- Kiểm tra kiến thức của HS từ chương I tới chương III, đánh giá năng lực học tập của	- Trên lớp	

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)	Điều chỉnh theo lớp			
			Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
				HS. Thấy ưu, nhược điểm của HS giúp GV tìm nguyên nhân, điều chỉnh và đề ra phương án giải quyết giúp HS học tập tốt.		
10	19	Bài 18. Prôtêin	I. Cấu trúc của prôtêin. II. Chức năng của prôtêin.	-Nêu được thành phần hoá học của prôtêin, phân tích được tính đặc trưng và đa dạng của nó. - Mô tả được các bậc cấu trúc của prôtêin và hiểu được vai trò của nó. - Nắm được các chức năng của prôtêin.	- Dạy học trên lớp.	Mục II. Lệnh ▼ trang 55: Không thực hiện.
	20	Bài 19. Mối quan hệ giữa gen và tính trạng.	I. Mối quan hệ giữa ARN và prôtêin. II. Mối quan hệ giữa gen và tính trạng.	-Biết được mối quan hệ giữa ARN và prôtêin thông qua việc trình bày sự hình thành chuỗi aa. - Nêu được mối quan hệ giữa gen và tính trạng thông qua sơ đồ: gen (1 đoạn phân tử ADN) → ARN → prôtêin → tính trạng.	Dạy học trên lớp.	
11	21	Bài 20. Thực hành: Quan sát và lắp mô hình ADN.	I. Quan sát mô hình cấu trúc không gian của phân tử ADN. II. Lắp ráp mô hình cấu trúc không gian của ADN.	- Cùng cố cho HS kiến thức về cấu trúc phân tử ADN.	Thực hành.	
	22	Bài 21. Đột biến gen.	I. Đột biến gen là gì? II. Nguyên nhân phát	- Nêu được khái niệm biến dị. Phân biệt được 2 loại biến dị:	Dạy học trên lớp.	

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)		Điều chỉnh theo lớp			
				Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
				sinh đột biến gen. III. Vai trò của đột biến gen.	biến dị di truyền và thường biến. - HS viết được sơ đồ các loại biến dị - Phát biểu được khái niệm đột biến gen và kể được các dạng đột biến gen. -Trình bày được nguyên nhân phát sinh đột biến gen, tính chất biểu hiện và vai trò của đột biến gen đối với sinh vật và con người.		
12	23	Chủ đề đột biến NST	Bài 22	I. Đột biến cấu trúc NST là gì?. 1. Khái niệm. 2. Nguyên nhân phát sinh và tính chất của đột biến cấu trúc NST. III. Đột biến số lượng NST. 1.Hiện tượng dị bội thể 2. Sự phát sinh thể dị bội. 3. Hiện tượng đa bội thể.	- Trình bày khái niệm và các dạng đột biến cấu trúc NST: mất đoạn, lặp đoạn, đảo đoạn, chuyển đoạn. - Nêu được nguyên nhân phát sinh và vai trò của đột biến cấu trúc NST. -Hiểu được các biến đổi số lượng thường thấy ở một cặp NST qua 1 vài ví dụ cụ thể. - Liệt kê được các dạng dị bội thể gồm $2n + 1$, $2n - 1$, $2n - 2$. - Giải thích được cơ chế hình thành thể $(2n + 1)$ và thể $(2n - 1)$. - Nêu được hậu quả của biến đổi số lượng ở từng cặp NST. - Nhận biết được hiện tượng	Dạy học trên lớp.	- Mục I. Lệnh ▼ trang 67 Không thực hiện. - Bài 24: + Mục IV. Sự hình thành thể đa bội: Khuyến khích học sinh tự đọc + Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2 Không thực hiện.
	24		Bài 23				
13	25		Bài 24				
	26		Bài 26				

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)		Điều chỉnh theo lớp			
				Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
					đa bội thể và thể đa bội. - Nhận biết được một số thể đa bội bằng mắt thường qua tranh ảnh và có được các ý niệm sử dụng các đặc điểm của thể đa bội trong chọn giống.		
14	27	Bài 25. Thường biến.		I. Sự biến đổi kiểu hình do tác động của môi trường. II. Mối quan hệ giữa kiểu gen – môi trường và kiểu hình. III. Mức phản ứng.	-Trình bày được khái niệm thường biến. - Phân biệt sự khác nhau giữa thường biến với đột biến về các phương diện: khái niệm, khả năng di truyền, sự biểu hiện thành kiểu hình và ý nghĩa. - Trình bày được khái niệm mức phản ứng và ý nghĩa của nó trong chăn nuôi và trồng trọt. - Nêu được mối quan hệ giữa kiểu gen, môi trường và kiểu hình ; nêu được 1 số ứng dụng của mối quan hệ đó. - Nêu được ảnh hưởng của môi trường đối với tính trạng số lượng và mức phản ứng của chúng để ứng dụng trong việc nâng cao năng suất vật nuôi và cây trồng.	Dạy học trên lớp	
	28	Bài 27. Thực hành : Quan sát		I. Nhận biết một số	-Nhận biết một số thường biến	Thực hành.	

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)	Điều chỉnh theo lớp			
			Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
		thường biến.	thường biến. II. Phân biệt thường biến và đột biến. III. Nhận biết ảnh hưởng của môi trường đối với tính trạng số lượng và tính trạng chất lượng.	phát sinh ở một số đối tượng thường gặp do phản ứng kiểu hình khác nhau của cơ thể hoặc sự tác động của những môi trường khác nhau lên kiểu gen giống nhau qua tranh, ảnh và mẫu vật sống. - Qua tranh, ảnh HS phân biệt sự khác nhau giữa thường biến và đột biến. - Qua tranh ảnh và mẫu vật sống rút ra được: Tính trạng chất lượng phụ thuộc chủ yếu vào kiểu gen, tính trạng số lượng thường chịu ảnh hưởng nhiều của môi trường.		
15	29	Bài 28. Phương pháp nghiên cứu di truyền người.	I. Nghiên cứu phả hệ. II. Nghiên cứu trẻ đồng sinh.	-Nêu được 2 khó khăn khi nghiên cứu di truyền học người. - Sử dụng được phương pháp nghiên cứu phả hệ để phân tích sự di truyền 1 vài tính trạng ở người: + Biết cách viết phả hệ + Biết cách đọc phả hệ - Phân biệt được 2 trường hợp: sinh đôi cùng trứng và sinh đôi khác trứng. - Hiểu được ý nghĩa của phương pháp giảng dạy:	Dạy học trên lớp.	

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)	Điều chỉnh theo lớp			
			Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
16				ngiên cứu trẻ đồng sinh trong nghiên cứu di truyền từ đó giải thích được 1 số trường hợp thường gặp.		
	30	Bài 29. Bệnh và tật di truyền ở người.	I. Một vài bệnh di truyền ở người. II. Một số tật di truyền ở người	- phân biệt được bệnh và tật di truyền. - Nhận biết được bệnh Đào và bệnh Tơcnơ qua các đặc điểm hình thái. - Trình bày được đặc điểm di truyền của bệnh bạch tạng, bệnh câm điếc bẩm sinh và tật 6 ngón tay. - Nêu được nguyên nhân của các tật, bệnh di truyền và đề xuất được 1 số biện pháp hạn chế phát sinh chúng.	Dạy học trên lớp	
	31	Bài 30. Di truyền học với con người.	I. Di truyền y học tư vấn. II. Di truyền học với hôn nhân và kế hoạch hoá gia đình. III. Hậu quả di truyền do ô nhiễm môi trường.	-Hiểu được di truyền học tư vấn là gì và nội dung của lĩnh vực khoa học này. - Giải thích được cơ sở khoa học của việc kết hôn “ 1 vợ, 1 chồng” và cấm kết hôn gần trong vòng 3 đời. - Giải thích được tại sao phụ nữ không nên sinh con ở tuổi ngoài 35 và thấy được tác hại của ô nhiễm môi trường đối với cơ sở vật chất của tính di truyền con người.	Dạy học trên lớp.	Bảng 30.1: Không dạy.

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)	Điều chỉnh theo lớp			
			Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
17	32	Bài 31. Công nghệ tế bào.	I. Khái niệm công nghệ tế bào. II. Ứng dụng công nghệ tế bào.	- Hiểu được khái niệm công nghệ tế bào, nắm được những giai đoạn chủ yếu của công nghệ tế bào và hiểu được tại sao cần thực hiện các công nghệ đó. - Thấy được những ưu điểm của nhân giống vô tính trong ống nghiệm và phương hướng ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô và tế bào trong chọn giống.	Dạy học trên lớp.	- Mục I. Lệnh ▼ trang 89, ý 2 (Để nhận được mô non...): không dạy. - Mục II. Ứng dụng công nghệ tế bào: Không dạy chi tiết về cơ chế, chỉ giới thiệu các ứng dụng.
	33	Bài 32. Công nghệ gen.	I. Khái niệm kĩ thuật gen và công nghệ gen. II. Ứng dụng công nghệ gen.	- Hiểu được khái niệm kĩ thuật gen, nắm được các khâu trong kĩ thuật gen. - Nắm được công nghệ gen, công nghệ sinh học. - Từ kiến thức về khái niệm kĩ thuật gen, công nghệ gen, công nghệ sinh học HS biết ứng dụng của kĩ thuật gen, các lĩnh vực của công nghệ sinh học hiện đại và vai trò của từng lĩnh vực trong sản xuất và đời sống.	Dạy học trên lớp.	- Mục I: Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài. - Mục II: Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các ứng dụng
	34	Ôn tập chương I, II, III.	- Ôn tập kiến thức trọng tâm: + Quá trình tự nhân đôi của AND. + Quá trình tổng hợp	- HS tự hệ thống hóa kiến thức cơ bản chung III. - Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống.	Dạy học trên lớp.	

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)	Điều chỉnh theo lớp			
			Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Hướng dẫn thực hiện (7)
			ARN. + Quá trình tổng hợp chuỗi axit amin. - Bài tập vận dụng.			
18	35	Ôn tập HKI.	-Lý thuyết chương I đến chương VI.	HS tự hệ thống hóa kiến thức HK1. -Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống. -Trả lời đúng các câu hỏi.	Dạy học trên lớp.	
	36	Kiểm tra học kì I.	- Đề - Ma trận - Đáp án	- Cùng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kĩ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.		

HỌC KỲ II
Từ tuần 19 đến tuần 35

Tuần (1)	Tiết (2)	Tên chủ đề /Bài học (3)	Điều chỉnh theo lớp			
			Nội dung/Mạch kiến thức (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)	Ghi chú (7)

19	37	Bài 34. Thoái hoá do tự thụ phấn và do giao phối gần.	I. Hiện tượng thoái hoá. II. Nguyên nhân của hiện tượng thoái hoá. III. vai trò của phương pháp tự thụ phấn và giao phối cận huyết trong chọn giống.	- Định nghĩa được hiện tượng thoái hóa giống, trình bày được nguyên nhân thoái hóa của tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật, vai trò của 2 trường hợp trên trong chọn giống. - Trình bày được : tạo dòng thuần ở cây giao phấn.	Dạy học trên lớp.	
	38	Bài 35. Ưu thế lai	I. Hiện tượng ưu thế lai. II. Nguyên nhân của hiện tượng ưu thế lai. III. Các phương pháp tạo ưu thế lai.	- Hiểu và trình bày được khái niệm ưu thế lai, cơ sở di truyền của hiện tượng ưu thế lai, lí do không dùng cơ thể lai để nhân giống, các biện pháp duy trì ưu thế lai. - Nêu được các phương pháp thường dùng để tạo ưu thế lai. - Hiểu và trình bày được khái niệm lai kinh tế và phương pháp thường dùng để tạo cơ thể lai kinh tế ở nước ta..	Dạy học trên lớp	Mục III: Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài.
20	39	Bài 39. Thực hành: Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng	I. Học sinh sắp xếp tranh ảnh đã chuẩn bị theo chủ đề. II. Quan sát, so sánh với các kiến thức lý thuyết và ghi nhận xét vào bảng 39 đã kẻ sẵn trước. III. Nhận xét đánh giá	- Biết cách sưu tầm tư liệu - .Biết cách trình bày tư liệu theo các chủ đề. -Biết cách phân tích, so sánh và báo cáo những điều rút ra từ tư liệu (tranh ảnh minh hoạ).	Thực hành	

	40	Bài 40. Ôn tập phần di truyền và biến dị	Mục I. Hệ thống hóa kiến thức. Mục II. Câu hỏi ôn tập.	- Củng cố, khắc sâu và mở rộng nhận thức về phần di truyền và biến dị. - Biết vận dụng kiến thức vào giải các bài tập.	Dạy học trên lớp.	- Bảng 40.1: Không thực hiện. - Mục II.Câu hỏi ôn tập (Câu 7 và câu 10 Không thực hiện cột “Giải thích”).
21	41	Bài 41. Môi trường và các nhân tố sinh thái	I.Môi trường sống của sinh vật. II. Các nhân tố sinh thái của môi trường. III. Giới hạn sinh thái.	- Nêu được khái niệm: môi trường, nhân tố sinh thái, giới hạn sinh thái, VD. - Phát biểu được khái niệm chung về môi trường sống, nêu được các loại môi trường sống của sinh vật, cho VD về sinh vật sống trong môi trường đó. - Phân biệt được các nhân tố sinh thái. Nêu các nhóm nhân tố sinh thái: vô sinh, hữu sinh, con người.	Dạy học trên lớp.	Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 4: Không thực hiện.
	42	Bài 42. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật.	I. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống thực vật. II. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống động vật.	- Nêu được những ảnh hưởng của nhân tố sinh thái ánh sáng đến các đặc điểm hình thái, giải phẫu, sinh lí và tập tính của sinh vật. - Giải thích được sự thích nghi của sinh vật với môi trường	Dạy học trên lớp.	Mục I. Lệnh ▼ trang 122-123: Không thực hiện.

22	43	Bài 43. Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật.	I. Ảnh hưởng của nhiệt độ lên đời sống sinh vật. II. Ảnh hưởng của độ ẩm lên đời sống sinh vật.	- Nêu được ảnh hưởng của nhân tố sinh thái nhiệt độ và độ ẩm của môi trường đến các đặc điểm và hình thái, sinh lí (một cách sơ lược) và tập tính của sinh vật. - Giải thích được sự thích nghi của sinh vật với môi trường -	Dạy học trên lớp	
	44	Bài 44. Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật.	I. Quan hệ cùng loài. II. Quan hệ khác loài.	- Nêu được những mối quan hệ giữa các sinh vật cùng loài và các sinh vật khác loài. - Thấy rõ được lợi ích giữa mối quan hệ giữa các sinh vật. - Phân biệt được điểm khác nhau cơ bản của mối quan hệ hỗ trợ và quan hệ đối địch.	Dạy học trên lớp.	
23	45	Bài 45. Thực hành: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.	<i>I. Xem băng hình</i> tìm hiểu môi trường sống của sinh vật và môi trường sống của động vật. 1. Môi trường sống của sinh vật. 2. môi trường sống của động vật. II. Thu hoạch. III. Kiểm tra 15p.	- Tìm được dẫn chứng về ảnh hưởng của nhân tố ánh sáng và độ ẩm lên đời sống sinh vật.	Dạy học trên lớp	
	46	Bài 46. Thực hành: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.	I. Xem băng hình về hình thái lá cây và ảnh hưởng của ánh sáng đến hình thái lá cây và quan sát mẫu lá cây thật do GV và HS mang đến. 1. Ảnh hưởng của ánh sáng đến hình thái lá cây. 2. Viết thu hoạch.	- Học sinh tìm được những dẫn chứng về ảnh hưởng của nhân tố sinh thái ánh sáng và độ ẩm lên đời sống sinh vật ở môi trường đã quan sát.	Dạy học trên lớp.	

24	47	Bài 47. Quần thể sinh vật.	I. Thế nào là một quần thể sinh vật ?. II. Những đặc trưng cơ bản của quần thể. III. Ảnh hưởng của môi trường tới quần thể sinh vật.	- Nêu được khái niệm quần thể sinh vật, lấy được thí dụ minh họa cho các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật. - Nêu được một số đặc trưng của quần thể: Mật độ, tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi - Thấy được ý nghĩa thực tiễn của nó.	Dạy học trên lớp	
	48	Bài 48. Quần thể người.	I. Sự khác nhau giữa quần thể người với quần thể sinh vật. II. Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi. III. Tăng dân số và phát triển xã hội.	- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản của quần thể người liên quan tới vấn đề dân số. - Từ đó thay đổi nhận thức về dân số và phát triển xã hội, để sau này các em cùng với mọi người dân thực hiện tốt phát lệnh dân số.	Dạy học trên lớp.	
25	49	Bài 49. Quần xã sinh vật.	I. Thế nào là một quần xã sinh vật ?. II. Những dấu hiệu điển hình của một quần xã. III. Quan hệ ngoại cảnh và quần xã.	- Trình bày được khái niệm quần xã, phân biệt quần xã với quần thể. - Lấy được thí dụ minh họa các mối quan hệ sinh thái trong quần xã. - Mô tả được một số biến đổi phổ biến của quần xã. Trong tự nhiên biến đổi quần xã thường dẫn tới sự ổn định. -	Dạy học trên lớp.	
	50	Bài 50. Hệ sinh thái.	I. Thế nào là một hệ sinh thái?. II. Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn.	- Trình bày được thế nào là một hệ sinh thái, lấy được thí dụ minh họa các kiểu hệ sinh thái, chuỗi và lưới thức ăn. - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp nông nghiệp nâng cao năng suất cây trồng.	Dạy học trên lớp.	

26	51	Bài 51. Thực hành: Hệ sinh thái.	I. Giáo viên giới thiệu nội dung , yêu cầu của bài thực hành. II. Cách tiến hành. III. Thu hoạch.	- HS nêu được thành phần của hệ sinh thái và một chuỗi thức ăn. - Thêm yêu thiên nhiên.	Dạy học ngoài lớp.	
	52	Bài 52. Thực hành: Hệ sinh thái.	I. Xem băng hình về chuỗi thức ăn. II. Hoàn thành chuỗi thức ăn. III. Nhận xét, đánh giá.	- Học sinh nêu được các thành phần của hệ sinh thái và 1 chuỗi thức ăn. - Thấy được mối quan hệ giữa các sinh vật trong quần xã khá phức tạp và đa dạng, nhưng trọng tâm về mối quan hệ về dinh dưỡng thông qua lưới và chuỗi thức ăn. - HS nhận biết được các thành phần của hệ sinh thái ngoài thiên nhiên và xây dựng được những chuỗi thức ăn đơn giản.	Dạy học trên lớp.	
27	53	Ôn tập	kiến thức của các chương I và chương II.	- Nắm được kiến thức của các chương đã học.	Dạy học trên lớp.	
	54	Kiểm tra giữa kỳ 2.	Kiến thức các chương đã học.	- củng cố, bổ sung, chính xác hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kỹ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.	Dạy học trên lớp.	

28	55	Bài 53. Tác động của con người đối với môi trường	I. Tác động của con người tới môi trường qua các thời kì phát triển của xã hội II. Tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên III. Vai trò của con người trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên.	- Nhân thức rõ được con người là một nhân tố sinh thái đặc biệt - Nêu được tác động của con người tới môi trường ở mỗi giai đoạn đặc biệt là nhiều hoạt động của con người làm suy giảm hệ sinh thái, gây mất cân bằng sinh thái. - Chỉ ra được những hậu quả phá rừng của con người. - Nêu được các biện pháp của con người nhằm khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, từ đó có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường sống cho chính mình và cho các thế hệ sau.	Dạy học trên lớp	
	56	Bài 54. Ô nhiễm môi trường.	I. Ô nhiễm môi trường là gì?. II. Các tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm.	- Nêu được các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Từ đó có ý thức bảo vệ môi trường sống. - Hiểu được hiệu quả của việc phát triển môi trường bền vững, qua đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống.		
29	57	Bài 55. Ô nhiễm môi trường (tiếp theo).	III. Hạn chế ô nhiễm môi trường.	- Nêu được các biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường. Từ đó có ý thức bảo vệ môi trường sống. - Hiểu được hiệu quả của việc phát triển môi trường bền vững, qua đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống.	Dạy học trên lớp.	

	58	Bài 56. Thực hành: Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương.	I. Điều tra tình hình ô nhiễm môi trường.	- Chỉ ra được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở địa phương và từ đó đề xuất được các biện pháp khắc phục. - Nâng cao nhận thức của hs đối với công tác chống ô nhiễm môi trường.	Dạy học ngoài lớp.	
30	59	Bài 57. Thực hành: Tìm hiểu tình hình môi trường ở địa phương.	II. Điều tra tác động của con người tới môi trường. III. Hoàn thành bài thu hoạch. IV. Nhận xét, đánh giá.	-	Dạy học ngoài lớp.	
	60	Bài 58. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.	I. Các dạng tài nguyên thiên nhiên chủ yếu. II. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. 1. Sử dụng hợp lý tài nguyên đất. 2. Sử dụng hợp lý tài nguyên nước. 3. Sử dụng hợp lý tài nguyên rừng.	- Phân biệt và lấy thí dụ minh họa các dạng tài nguyên. - Trình bày được tầm quan trọng và tác dụng của việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.	Dạy học trên lớp.	
31	61	Bài 59. Khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã.	I. Ý nghĩa của việc khôi phục môi trường và giữ gìn thiên nhiên hoang dã. II. Các biện pháp bảo vệ thiên nhiên. 1. Bảo vệ tài nguyên sinh vật. 2. Cải tạo các hệ sinh thái bị thoái hoá. III. Vai trò của học sinh trong việc bảo vệ thiên nhiên hoang dã.	- Giải thích được vì sao cần khôi phục môi trường và giữ gìn thiên nhiên hoang dã - Nêu được ý nghĩa của các biện pháp bảo vệ thiên nhiên hoang dã.	Dạy học trên lớp.	

	62	Bài 60 + Bài 61. Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái - Luật bảo vệ môi trường.	I. Sự đa dạng của các hệ sinh thái. II. Bảo vệ các hệ sinh thái rừng. III. Bảo vệ sinh thái biển. IV. Bảo vệ các hệ sinh thái nông nghiệp. V. Sự cần thiết ban hành luật. VI. Một số nội dung cơ bản của Luật Bảo vệ môi trường. VII. Trách nhiệm của mỗi người trong việc chấp hành Luật Bảo vệ môi trường.	- Nêu được vai trò của hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển, hệ sinh thái nông nghiệp và đề xuất các biện pháp bảo vệ các hệ sinh thái này. - Nêu được sự cần thiết ban hành luật và hiểu được một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường.	Dạy học trên lớp	
32	63	Bài 62. Thực hành: Vận dụng luật bảo vệ môi trường vào việc bảo vệ môi trường ở địa phương.	I. Điều tra tình hình ô nhiễm môi trường ở địa phương. II. Báo cáo kết quả điều tra. III. Nhận xét, đánh giá của giáo viên.	- Chỉ ra được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở địa phương và từ đó đề xuất được các biện pháp khắc phục. - Nâng cao nhận thức đối với việc chống ô nhiễm môi trường. - Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích làm việc theo nhóm.	Dạy học ngoài lớp.	
	64	Bài 64. Tổng kết chương trình toàn cấp.	I. Đa dạng sinh học II. Tiến hóa của thực vật và động vật III. Sinh học cơ thể	- Hệ thống hóa các kiến thức sinh học cơ bản đã học.	Dạy học trên lớp.	
33	65	Bài 65. Tổng kết chương trình toàn cấp.	IV. Sinh học tế bào V. Di truyền và biến dị	- Hệ thống hóa các kiến thức sinh học cơ bản đã học.	Dạy học trên lớp.	
	66	Bài 65. Tổng kết chương trình toàn cấp.	VI. Sinh vật và môi trường.	- Hệ thống hóa các kiến thức sinh học cơ bản đã học.		

34	67	Ôn tập cuối học kỳ II.	Kiến thức các chương đã học ở học kỳ 2.	- Hệ thống hoá kiến thức và vận dụng giải một số bài tập. - Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất.	Dạy học trên lớp.	
	68	Ôn tập cuối học kỳ II.	Kiến thức các chương đã học ở học kỳ 2.	- Hệ thống hoá kiến thức và vận dụng giải một số bài tập. - Biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất.	Dạy học trên lớp.	
35	69	Kiểm tra cuối kỳ II.	- Đề - Ma trận - Đáp án	- Củng cố, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học. - Rèn cho hs 1 số kỹ năng điều chỉnh phương pháp học tập, xây dựng ý thức trách nhiệm trong học tập.	Trên lớp	
	70	Trả bài kiểm tra cuối kỳ II.	Đề - Ma trận - Đáp án	Đánh giá kết quả học tập của HS . Bổ sung, chính xác hóa hóa kiến thức đã học.	Trên lớp	

1.11. MÔN TOÁN HỌC 6

Phân môn	Tiết (PPCT)	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
HỌC KỲ 1				
Số-Đại số	1	Chương I. Tập hợp các số tự nhiên <i>Bài 1. Tập hợp</i>	1	- Nhận biết tập hợp và các phần tử của nó. - Mô tả một tập hợp (cho một tập hợp). - Sử dụng kí hiệu và cách diễn đạt toán học nhờ tập hợp.
Số-Đại số	2	<i>Bài 2. Cách ghi số tự nhiên</i>	1	- Nhận biết giá trị các chữ số của một số tự nhiên viết trong

				hệ thập phân. - Biểu diễn mỗi số tự nhiên thành tổng giá trị các chữ số của nó. - Đọc và viết số La Mã từ 1 đến 30.
Số-Đại số	3	Bài 3. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	1	- Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên. - So sánh hai số tự nhiên.
Hình	4	Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 1)	3	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
Số-Đại số	5	Bài 4. Phép cộng và phép trừ số tự nhiên	1	- Thực hiện phép cộng và phép trừ số tự nhiên. - Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lý. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng và phép trừ.
Số-Đại số	6-7	Bài 5. Phép nhân và phép chia số tự nhiên-Luyện tập chung	2	- Thực hiện phép nhân hai số tự nhiên. - Thực hiện phép chia hai số tự nhiên (chia hết và chia có dư). - Áp dụng tính chất của phép nhân và phép chia trong tính toán (tính nhẩm, tính hợp lý). - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép nhân và phép chia số tự nhiên. - củng cố kiến thức từ bài 1 đến bài 5, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của các bài học lại với nhau.
Hình	8	Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 2)	3	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.

Số-Đại số	9-10	Bài 6. Lũy thừa với số mũ tự nhiên	2	- Thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa với số mũ tự nhiên. - Nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.
Số-Đại số	11	Bài 7. Thứ tự thực hiện các phép tính	1	- Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính. - Tính giá trị của một biểu thức.
Hình	12	Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 3)	3	- Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều. - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.
Số-Đại số	13	Luyện tập chung	1	- củng cố kiến thức và chữa các bài tập của hai bài Lũy thừa với số mũ tự nhiên và Thứ tự thực hiện các phép tính, bổ sung các bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết kiến thức nhiều bài học.
Số-Đại số	14	ôn tập chương I	1	- Củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả chương. - Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.
Số-Đại số	15	Chương II. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên Bài 8. Quan hệ chia hết và tính chất(tiết 1)	2	- Nhận biết quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. - Tìm các ước và bội của một số tự nhiên. - Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số.
Hình	16	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 1)	3	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
Số-Đại số	17	Chương II. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên Bài 8. Quan hệ chia hết và tính chất(tiết	2	- Nhận biết quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. - Tìm các ước và bội của một số tự nhiên. - Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số.

		2)		
Số-Đại số	18-19	Bài 9. Dấu hiệu chia hết	2	- Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không.
Hình	20	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 2)	3	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
Số-Đại số	21-22	Bài 10. Số nguyên tố	2	- Nhận biết khái niệm số nguyên tố và hợp số. - Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.
Số-Đại số	23	Luyện tập chung	1	Củng cố, rèn luyện kĩ năng: - Tìm các ước và bội. - Vận dụng tính chất chia hết của một tổng. - Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3. - Phân tích một số tự nhiên lớn nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột
Hình	24	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân (Tiết 3)	3	- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.
Số-Đại số	25-26	Bài 11. Ước chung. Ước chung lớn nhất	2	- Xác định ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho. - Nhận biết phân số tối giản.
Số-Đại số	27	Bài 12. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất (Tiết 1)	2	- Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên. - Sử dụng bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số.
Hình	28	Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 1)	3	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.
Số-Đại số	29	Bài 12. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất (Tiết 2)	2	- Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên. - Sử dụng bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số

				và cộng, trừ phân số.
Số-Đại số	30	Luyện tập chung	1	Củng cố, rèn luyện kỹ năng: - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - Tìm ƯCLN và BCNN. - Vận dụng ƯCLN và BCNN trong một số bài toán thực tiễn.
	31	Ôn tập chương II	1	- Củng cố kiến thức chương 2, tổng hợp có hệ thống về tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên, số nguyên tố, hợp số, ước và bội, ước chung và ƯCLN, bội chung và BCNN. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.
Hình	32	Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 2)	3	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.
Số-Đại số	33-34	Chương III. Số nguyên Bài 13. Tập hợp các số nguyên	2	- Nhận biết, đọc và viết số nguyên. - Nhận biết tập hợp số nguyên. - Nhận biết ý nghĩa của số nguyên âm trong một số tình huống thực tế. - Biểu diễn số nguyên trên trục số. - So sánh hai số nguyên.
Số-Đại số	35	Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 1)	3	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lý. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.
Hình	36	Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (Tiết 3)	3	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.
	37	Ôn tập giữa học kỳ 1	1	Hệ thống được các nội dung trong giữa học kỳ 1. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
	38-39	Kiểm tra giữa kỳ 1		Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 1, được quy định

				trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
	40	Trả bài kiểm tra giữa kỳ 1	1	
Số-Đại số	41-42	Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 2,3)	3	- Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên.
Số-Đại số	43	Bài 15. Quy tắc dấu ngoặc	1	- Nhận biết và áp dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán, nhất là để tính nhẩm hay tính hợp lí.
Hình	44	Luyện tập chung	1	- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học. - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang.
Số-Đại số	45	Luyện tập chung	1	- củng cố kiến thức, chữa các bài tập của các bài từ 13 đến 15, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau.
Số-Đại số	46-47	Bài 16. Phép nhân số nguyên	2	- Thực hiện phép nhân hai số nguyên. - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí. - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên.
Hình	48	Ôn tập chương IV	1	- Ôn tập, tổng kết được toàn bộ các bài học trong chương và luyện tập được kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gắn với các bài tập thực tế.
Số-Đại số	49	Bài 17. Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên	1	- Thực hiện phép chia hết đối với số nguyên. - Nhận biết quan hệ chia hết trong tập số nguyên. - Nhận biết, tìm ước và bội của một số nguyên.

Số-Đại số	50-51	Luyện tập chung (Tiết 1)	2	- Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết).
Hình	52	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 1)	2	- Nhận biết hình có trục đối xứng. - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy. - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản
Số-Đại số	53	Ôn tập chương III	1	- củng cố kiến thức toàn toàn chương 3. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.
Số-Đại số	54	Sử dụng máy tính cầm tay	1	- Sử dụng máy tính cầm tay để thực hành các phép tính đã học với số tự nhiên, số nguyên, số thập phân.
TH-TN	55	Tám thiệp và phòng học của em(Tiết 1)	2	- Ứng dụng các kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống như mỹ thuật, thủ công, xác định phòng học đạt mức chuẩn về ánh sáng, ...
Hình	56	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 2)	2	- Nhận biết hình có trục đối xứng. - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy. - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản
TH-TN	57	Tám thiệp và phòng học của em(Tiết 2)	2	- Ứng dụng các kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống như mỹ thuật, thủ công, xác định phòng học đạt mức chuẩn về ánh sáng, ...
TH-TN	58	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	2	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản như điểm, đoạn thẳng, góc, ... đến các hình đẹp như tam giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, ... và đặc biệt là các hình có tính chất đối xứng.
Hình	59-60	Bài 22. Hình có tâm đối xứng	2	- Nhận biết hình có tâm đối xứng. - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản. - Gấp giấy để cắt được một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản.
TH-TN	61	Vẽ hình đơn giản với phần mềm	2	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản

		GEOGEBRA		nếu điểm, đoạn thẳng, góc, ... đến các hình đẹp như tam giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, ... và đặc biệt là các hình có tính chất đối xứng.
Số-Đại số	62	Chương VI. Phân số <i>Bài 23. Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau(tiết 1)</i>	2	- Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên. - Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số. - Rút gọn phân số.
Hình	63-64	Luyện tập chung	2	- Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng. - Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản. - Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng (đơn giản) từ một phần cho trước.
Số-Đại số	65	Chương VI. Phân số <i>Bài 23. Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau(tiết 2)</i>	2	- Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên. - Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số. - Rút gọn phân số.
Hình	66	Ôn tập chương V	1	- củng cố lại kiến thức toàn chương. - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài tập, kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán cụ thể. - Linh hoạt với các hoạt động trải nghiệm đơn giản để tạo hứng khởi cho học sinh
	67-68	Ôn tập cuối HKI	2	Hệ thống được các nội dung trong học kỳ 1. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
	69-70	Kiểm tra cuối HK1		Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
	71-72	Trả bài kiểm tra cuối học kỳ 1		
HỌC KỲ 2				

Số-Đại số	73-74	Bài 24. So sánh phân số. Hỗn số dương	2	- Nhận biết được cách quy đồng mẫu nhiều phân số. - Nhận biết được hỗn số dương. - Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số. - So sánh được hai phân số cùng mẫu và khác mẫu. - Vận dụng giải các bài toán thực tiễn có liên quan.
Số-Đại số	75	Luyện tập chung (Tiết 1)	2	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về: - Quy tắc bằng nhau của hai phân số, tính chất cơ bản của phân số - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số
Hình	76	Chương VIII. Những hình hình học cơ bản Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 1)	3	- Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt
Số-Đại số	77	Luyện tập chung (Tiết 2)	2	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về: - Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số; hỗn số dương; - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.
Số-Đại số	78-79	Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số	2	- Nhận biết được quy tắc cộng phân số. - Nhận biết số đối của một phân số - Thực hiện được phép cộng phân số. - Nhận biết được quy tắc trừ phân số. - Thực hiện được phép trừ phân số. - Nhận biết được các tính chất của phép cộng phân số - Vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc trong tính toán. - Vận dụng giải quyết các bài toán thực tiễn có liên quan.
Hình	80	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 2)	3	- Nhận biết được ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng. - Biết dùng thước thẳng để kiểm tra ba điểm thẳng hàng.
Số-Đại số	81-82	Bài 26. Phép nhân và phép chia phân số	2	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số. - Thực hiện được phép nhân và chia phân số. - Nhận biết được các tính chất của phép nhân phân số - Vận dụng được các tính chất phân phối của phép nhân đối

				với phép cộng trong tính toán. - Vận dụng giải quyết các bài toán có liên quan.
Số-Đại số	83	Bài 27. Hai bài toán về phân số	1	- Tìm giá trị phân số của một số cho trước. - Tìm một số khi biết giá trị phân số của nó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hai bài toán về phân số.
Hình	84	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 3)	3	- Nhận biết hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau, trùng nhau. - Giải các bài toán thực tiễn có liên quan
Số-Đại số	85-86	Luyện tập chung	2	Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về: - Phép cộng và phép trừ phân số. - Phép nhân và phép chia phân số. - Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính. - Tính giá trị của biểu thức có chứa chữ. - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.
Số-Đại số	87	Ôn tập chương VI	1	- Ôn tập kiến thức toàn chương. - Vận dụng kiến thức của chương để chữa và làm các bài tập tổng hợp cuối chương.
Hình	88	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (Tiết 1)	2	Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm.
Số-Đại số	89	Chương VII. Số thập phân Bài 28. Số thập phân		- Nhận biết số thập phân âm, số đối của một số thập phân. - So sánh hai số thập phân. - Sử dụng số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.
Số-Đại số	90-91	Bài 29. Tính toán với số thập phân (tiết 1;2)	4	- Nhận biết được quy tắc cộng và trừ số thập phân. - Thực hiện được các phép tính cộng và trừ số thập phân.
Hình	92	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia (Tiết 2)	2	- Nhận biết được khái niệm tia, hai tia đối nhau. - Giải các bài toán thực tế có liên quan.
Số-Đại số	93-94	Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 3,4)	4	- Nhận biết được quy tắc nhân và chia số thập phân. - Thực hiện được các phép tính nhân và chia số thập phân. - Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân.

Số-Đại số	95	Bài 30. Làm tròn và ước lượng	1	- Làm tròn số thập phân. - Ước lượng kết quả phép đo, phép tính. - Vận dụng làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn.
Hình	96	Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 1)	2	- Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng. - Đọc được tên đoạn thẳng
Số-Đại số	97-98	Bài 31. Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm	2	- Tìm tỉ số hay tỉ số phần trăm của hai số, hai đại lượng. - Tính giá trị phần trăm của một số cho trước; tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tỉ số phần trăm.
Số-Đại số	99	Luyện tập chung	1	- Chữa các bài tập của các bài học từ 28 đến 3. - Giải các bài tập luyện tập bổ sung, nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của các bài học lại với nhau.
Hình	100	Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 2)	2	- Nhận biết được đơn vị đo độ dài, độ dài đoạn thẳng. - Biết đo độ dài của đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng khi biết độ dài. - Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng. - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài của đoạn thẳng.
Số-Đại số	101	Luyện tập chung	1	- Chữa các bài tập của các bài học từ 28 đến 3. - Giải các bài tập luyện tập bổ sung, nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của các bài học lại với nhau.
Số-Đại số	102	Ôn tập chương VII	1	- Hệ thống được các kiến thức đã học trong chương và cung cấp một số nội dung có tính chất tổng hợp, liên kết các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau.
Hình	103	Bài 35. Trung điểm của đoạn thẳng	1	- Nhận biết được trung điểm đoạn thẳng. - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng.
Hình	104	Luyện tập chung	1	- Nắm vững được kiến thức về các quan hệ: điểm thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm,

				hai điểm cùng phía hoặc khác phía đối với một điểm, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau, về các khái niệm: tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. - Nhận biết được và mô tả được bằng lời nói hoặc kí hiệu: điểm thuộc hay không thuộc đường thẳng, hai đường thẳng song song hoặc cắt nhau. - Nhận biết được điểm nằm giữa hai điểm, hai điểm nằm cùng phía hay khác phía đối với một điểm. - Đọc đúng tên đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng. - Đo được độ dài các đoạn thẳng cho trước.
TK-XS	105-106	Chương IX. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm <i>Bài 38. Dữ liệu và thu thập dữ liệu</i>	2	- Nhận biết các loại dữ liệu, nhận biết tính hợp lí của dữ liệu. - Thu thập dữ liệu.
TK-XS	107	<i>Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 1)</i>	2	- Hiểu được, đọc và phân tích được bảng thống kê. - Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê.
Hình	108	<i>Bài 36. Góc (Tiết 1)</i>	2	- Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc. - Nhận biết góc bẹt.
	109	Ôn tập giữa học kỳ 2	1	Hệ thống được các nội dung trong giữa học kỳ 2. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
	110-111	Kiểm tra giữa học kỳ 2		Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 2, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
	112	Trả bài kiểm tra học kỳ 2		
TK-XS	113	<i>Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 2)</i>	2	- Hiểu được, đọc và phân tích được được biểu đồ tranh. - Biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh.
TK-XS	114-115	<i>Bài 40. Biểu đồ cột</i>	2	- Vẽ được biểu đồ cột từ bảng thống kê cho trước. - Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột. - Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ cột.
Hình	116	<i>Bài 36. Góc (Tiết 2)</i>	2	- Nhận biết điểm nằm trong của một góc.

TK-XS	117-118	Bài 41. Biểu đồ cột kép	2	- Vẽ biểu đồ cột kép; đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột kép. - Nhận ra quy luật đơn giản từ biểu đồ cột kép.
TK-XS	119	Luyện tập chung (Tiết 1)	2	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.
Hình	120	Bài 37. Số đo góc (Tiết 1)	2	- Nhận biết được khái niệm số đo góc. - Biết dùng thước đo độ để xác định số đo của một góc cho trước. - So sánh hai góc.
TK-XS	121	Luyện tập chung (Tiết 2)	2	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.
TK-XS	122-123	Bài 42. Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm	2	- Nhận biết tính không đoán trước về kết quả của một số trò chơi thí nghiệm. - Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản. - Nhận biết một sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm có xảy ra hay không.
Hình	124	Bài 37. Số đo góc (Tiết 2)	2	Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù.
TK-XS	125	Bài 43. Xác suất thực nghiệm	1	Biểu diễn khả năng xảy ra một sự kiện theo xác suất thực nghiệm.
TK-XS	126	Luyện tập chung	1	HS được làm thí nghiệm, thu thập dữ liệu (kết quả của thí nghiệm), tính xác suất thực nghiệm của một số sự kiện dựa trên kết quả thu.
TK-XS	127-128	Ôn tập chương IX	2	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
TH-TN	129	Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	1	- Giúp HS làm quen với việc xây dựng một kế hoạch đơn giản về tài chính. - Áp dụng được các kiến thức về tỉ số phần trăm vào những

				vấn đề cụ thể trong đời sống.
Hình	130	Luyện tập chung	1	Nắm vững kiến thức về góc, điểm nằm trong của góc; số đo góc; các góc đặc biệt.
TH-TN	131-132	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	2	- Hiểu được tính năng của các hộp công cụ trên giao diện của phần mềm GeoGebra. - Vẽ được các hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng bằng phần mềm GeoGebra.
TH-TN	133	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè	1	- Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường (địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới. Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lý dữ liệu và phân tích dữ liệu.
Hình	134	Ôn tập chương VIII	1	Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
	135-136	Ôn tập cuối học kỳ 2	2	Hệ thống được các nội dung trong học kỳ 2. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
	137-138	Kiểm tra cuối học kỳ 2		Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 2 và cả năm học, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
	139-140	Trả bài kiểm tra cuối học kỳ 2		

1.12. MÔN TOÁN 7

Học kì I (18 tuần ´ 4 tiết = 72 tiết)						
Học kì II (17 tuần ´ 4 tiết = 68 tiết)						
HỌC KÌ I						
Tuần	Tiết	Đại số - Xác suất thống kê		Tiết	Hình học	
		Bài học	Yêu cầu cần đạt			Yêu cầu cần đạt

1	1	CHƯƠNG I. SỐ HỮU TỈ Bài 1: Tập hợp Q các số hữu tỉ (t 1)	- Nhận biết số hữu tỉ, tập hợp các số hữu tỉ Q, số đối của số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ. - Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số. - So sánh hai số hữu tỉ.	1	CHƯƠNG III. GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG Bài 8: Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc. (t1)	- Nhận biết hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh. - Nhận biết tia phân giác của 1 góc.
	2	Bài 1: Tập hợp Q các số hữu tỉ (t 2)			Bài 8: Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc. (t 2)	
2	3	Bài 2: Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ (t1)	- Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong Q. - Vận dụng các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý	3	Bài 9: Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết (t1)	+ Nhận biết các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng. + Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong. + Nhận biết cách vẽ hai đường thẳng song song.
	4	Bài 2: Cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ (t2)		4	Bài 9: Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết (t2)	
3	5	Luyện tập chung	+ củng cố các kiến thức về tập hợp số hữu tỉ và các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ. + Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	5	Luyện tập chung	+ củng cố các kiến thức về góc, tia phân giác của góc, hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết. + Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
	6	Luyện tập chung		6	Luyện tập chung	

4	7	Bài 3: Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ (t1)	+ Mô tả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. + Thực hiện tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa.	7	Bài 10: Tiên đề Euclid. Tính chất hai đường thẳng song song (Mục 1)	Nhận biết tiên đề Euclid về đường thẳng song song.
	8	Bài 3: Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ (t2)		8	Bài 10: Tiên đề Euclid. Tính chất hai đường thẳng song song (Mục 2)	Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song`
5	9	Bài 3: Lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ (t3)		9	Bài 11: Định lí và chứng minh định lí	Nhận biết định lí, giả thiết, kết luận của định lí. Làm quen với chứng minh định lí
	10	Bài 4: Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc chuyển vế. (t 1)	+ Mô tả thứ tự thực hiện các phép tính + Mô tả quy tắc chuyển vế + Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn liền với các phép tính về số hữu tỉ.	10	Luyện tập chung	Củng cố các kiến thức định lí và chứng minh định lí.
6	11	Bài 4: Thứ tự thực hiện các phép tính. Quy tắc chuyển vế. (t 2)		11	Bài tập cuối chương III	Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
	12	Luyện tập chung	+ Củng cố các kiến thức về lũy thừa với số mũ tự nhiên, thứ tự thực hiện các phép tính và các phép toán trên tập hợp số hữu tỉ	12	CHƯƠNG IV. TAM GIÁC BẰNG NHAU Bài 12: Tổng các góc trong một tam giác	Giải thích tổng các góc trong một tam giác bằng 180 độ
7	13	Luyện tập chung		13	Bài 13: Hai tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của	Nhận biết hai tam giác bằng nhau.

					tam giác. (Mục 1)	Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản.
	14	Bài tập cuối chương I	+ Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn..	14	Bài 13: Hai tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác. (Mục 2)	
8	15	CHƯƠNG II. SỐ THỰC Bài 5: Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn (số thập phân vô hạn tuần hoàn)	+ Nhận biết số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. + Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.	15	Luyện tập chung	+ củng cố các kiến thức về tìm số đo góc, các trường hợp bằng nhau của tam giác + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
	16	Bài 5: Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn (Làm tròn số thập phân căn cứ vào độ chính xác cho trước)		16	Bài 14: Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác. (t1)	Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c-g-c và g-c-g.
9	17	Bài 6: Số vô tỉ. Căn bậc hai số học (t 1)	Nhận biết số vô tỉ Nhận biết căn bậc hai số học của 1 số không âm Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.	17	Bài 14: Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác. (t 2)	Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản .

	18	Ôn tập giữa học kì I	Củng cố các kiến thức giữa học kì 1	18	Ôn tập giữa học kì I	Củng cố các kiến thức giữa học kì 1
10	19	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	Kiểm tra các kiến thức giữa học kì 1	19	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	Kiểm tra các kiến thức giữa học kì 1
	20	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	Sửa bài kiểm tra giữa HK1	20	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	Sửa bài kiểm tra giữa HK1
11	21	Bài 6: Số vô tỉ. Căn bậc hai số học (Mục 2.3)	Nhận biết căn bậc hai số học của 1 số không âm Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.	21	Luyện tập chung	Củng cố các kiến thức các trường hợp bằng nhau của tam giác
	22	Bài 7: Tập hợp các số thực (t 1)	Nhận biết số thực, số đối và giá trị tuyệt đối của số thực. Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi.	22	Bài 15: Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông (t 1)	Giải thích các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông
12	23	Bài 7: Tập hợp các số thực (t 2)	Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực	23	Bài 15: Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông (t 2)	
	24	Bài 7: Tập hợp các số thực (t3)		24	Bài 16: Tam giác cân. Đường trung trực của một đoạn thẳng. (t1)	
13	25	Luyện tập chung	+ Củng cố các kiến thức về số thực và các phép toán trên tập hợp số thực.			+ Nhận biết tam giác cân, giải thích tính chất của tam giác cân. + Nhận biết khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các
	26	Luyện tập chung				

						tính chất cơ bản của đường trung trực.
	27	Bài tập cuối chương II	Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	25	Bài 16: Tam giác cân. Đường trung trực của một đoạn thẳng. (Mục 2)	+ Vẽ đường trung trực của một đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập
14	28	CHƯƠNG V THU THẬP VÀ BIỂU DIỄN DỮ LIỆU Bài 17: Thu thập và phân loại dữ liệu	Phân loại dữ liệu. Nhận biết tính đại diện của dữ liệu.			
	29	Bài 17: Thu thập và phân loại dữ liệu				
	30	Bài 18: Biểu đồ hình quạt tròn	+ Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ hình quạt tròn + Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn)	26	Luyện tập chung	Vận dụng kiến thức để giải các bài tập
15	31	Bài 18: Biểu đồ hình quạt tròn	+ Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ hình quạt tròn			
	32	Bài 19: Biểu đồ đoạn thẳng	+ Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng. + Vẽ biểu đồ đoạn thẳng.	27	Luyện tập chung	
	33	Bài 19: Biểu đồ đoạn thẳng	+ Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng			
16	34	Luyện tập chung	+ Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập liên quan.	28	Bài tập cuối chương IV	Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập

						và các vấn đề thực tiễn.	
	35	Bài tập cuối chương V	Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn				
	36	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM HĐTN: vẽ hình bằng phần mềm GeoGebra	- Nhớ được các khái niệm đường thẳng song song, đường trung trực của đoạn thẳng, tia phân giác của một góc. - Nhớ được cách vẽ các tam giác bằng dụng cụ học tập khi biết các yếu tố về độ dài các cạnh và số đo các góc.				
17	37	HĐTN: Dân số và cơ cấu dân số VN	Tìm hiểu về dân số Việt Nam và cơ cấu dân số Việt Nam.				
	38, 39	Ôn tập học kì I	Củng cố các kiến thức học kì 1	29	Ôn tập học kì I	Củng cố các kiến thức học kì 1	
18	40	KIỂM TRA HỌC KÌ I	Kiểm tra các kiến thức học kì 1	30	KIỂM TRA HỌC KÌ I	Kiểm tra các kiến thức học kì 1	
	41	TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I	Sửa bài kiểm tra HK1	31	TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I	Sửa bài kiểm tra HK1	

HỌC KÌ 2

Tuần	Tiết	Đại số - Xác suất thống kê		Tiết	Hình học	
		Bài học	Yêu cầu cần đạt		Bài học	Yêu cầu cần đạt

19	42	CHƯƠNG VI. TỈ LỆ THỨC VÀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ Bài 20: Tỉ lệ thức (t1)		32	CHƯƠNG IX. QUAN HỆ GIỮA CÁC YẾU TỐ TRONG MỘT TAM GIÁC Bài 31: Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác. (t 1)	Nhận biết hai định lý về cạnh và góc đối diện trong tam giác. Vận dụng vào tam giác vuông để biết được cạnh lớn nhất trong tam giác vuông.
	43	Bài 20: Tỉ lệ thức (12)	Nhận biết tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức để tính toán	33	Bài 31: Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác. (t 2)	
20	44	Bài 21: Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	Nhận biết tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán	34	Bài 32. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	Nhận biết khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ 1 điểm đến 1 đường thẳng. Biết quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên
	45	Luyện tập chung	+ Hiểu rõ định nghĩa, tính chất để lập được tỉ lệ thức + Vận dụng hai tính chất để làm các bài toán liên quan	35	Bài 33. Quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác.	Nhận biết liên hệ về độ dài giữa 3 cạnh trong một tam giác
21	46	Luyện tập chung		36	Luyện tập chung	+ củng cố các kiến thức quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết
	47	Bài 22: Đại lượng tỉ lệ thuận (t 1)	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận	37	Luyện tập chung	

						các bài tập và các vấn đề thực tiễn.
22	48	Bài 22: Đại lượng tỉ lệ thuận (t2)	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ nghịch Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch	38	Bài 34. Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác (t 1)	Nhận biết đường trung tuyến của tam giác. Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác
	49	Bài 23: Đại lượng tỉ lệ nghịch. (t 1)		39	Bài 34. Sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác (t2)	
23	50	Bài 23: Đại lượng tỉ lệ nghịch (t2)	+ Vận dụng được tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để tìm giá trị của một đại lượng và toán chia tỉ lệ.	40	Bài 35. Sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác (Mục 1)	+ Nhận biết đường trung trực của tam giác. + Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung trực trong một tam giác.
	51	Luyện tập chung		41	Bài 35. Sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác (Mục 2)	
24	52	Bài tập cuối chương VI	+ Chỉ ra được hệ số tỉ lệ khi biết công thức. + Vận dụng tính chất để lập được tỉ lệ thức	42	Luyện tập chung	+ Rèn luyện kiến thức về sự đồng quy của ba đường

		+ Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận, nghịch..			<i>trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyết các bài tập liên quan.</i>
53	CHƯƠNG VII. BIỂU THỨC ĐẠI SỐ VÀ ĐA THỨC MỘT BIẾN Bài 24: Biểu thức đại số	+ Nhận biết biểu thức số và biểu thức đại số. + Tính giá trị của biểu thức đại số.	43	Bài tập cuối chương IX	+ Củng cố và vận dụng kiến thức về quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác, quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác, sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyết các bài tập liên quan.

25	54	Bài 25: Đa thức một biến (t1)	+ Nhận biết đơn thức (một biến) và bậc của đơn thức. + Nhận biết đa thức (một biến) và các hạng tử của nó. + Thu gọn và sắp xếp đa thức. + Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức. + Tính giá trị của một đa thức khi biết giá trị của biến + Nhận biết nghiệm của một đa thức.	44	CHƯƠNG X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t1)	+ Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. + Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
	55	Bài 25: Đa thức một biến (t2)	+ Nhận biết đơn thức (một biến) và bậc của đơn thức. + Nhận biết đa thức (một biến) và các hạng tử của nó. + Thu gọn và sắp xếp đa thức. + Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức. + Tính giá trị của một đa thức khi biết giá trị của biến + Nhận biết nghiệm của một đa thức.	45	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t2)	+ Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. + Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
26	56	Bài 25: Đa thức một biến (t3)	+ Thu gọn và sắp xếp đa thức. + Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức. + Tính giá trị của một đa thức khi biết giá trị của biến + Nhận biết nghiệm của một đa thức.	46	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t3)	+ Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
	57	Bài 26: Phép cộng và phép trừ đa thức một biến (t 1)	Thực hiện các phép tính cộng, trừ hai đa thức. Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức. Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.	47	Luyện tập	+ củng cố các kiến thức của hình hộp chữ nhật, hình lập phương + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết

						các bài tập và các vấn đề thực tiễn	
27	58	Bài 26: Phép cộng và phép trừ đa thức một biến (t 2)		48	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (t1) DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ STEM	+ Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. + Tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. + Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.	
	59	Ôn tập giữa học kì II	Củng cố các kiến thức giữa học kì 2	49	Ôn tập giữa học kì II	Củng cố các kiến thức giữa học kì 2	
28	60	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	Kiểm tra các kiến thức giữa học kì 2	50	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	Kiểm tra các kiến thức giữa học kì 2	
	61	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	Sửa bài kiểm tra giữa HKII	51	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	Sửa bài kiểm tra giữa HKII	
29	62	Luyện tập chung	+ Vận dụng tính giá trị của biểu				

	63	Luyện tập chung	thức + Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.				
	64	Bài 27: Phép nhân đa thức một biến (t 1)	+ Thực hiện phép nhân hai đa thức cùng biến.				
	65	Bài 27: Phép nhân đa thức một biến (t2)	+ Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.				
30	66	Bài 28: Phép chia đa thức một biến (t1)	+ Thực hiện các phép tính chia hai đa thức 1 biến.				
	67	Bài 28: Phép chia đa thức một biến (t 2)	+ Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.				
	68	Bài 28: Phép chia đa thức một biến (t 3)	.	52	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (t2) DAY HỌC THEO CHỦ ĐỀ STEM	+ Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. + Tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. + Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng	

						tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.	
31	69	Luyện tập chung	+ Thực hiện các phép tính nhân, chia hai đa thức một biến				
	70	Luyện tập chung	+ Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.				
	71	Bài tập cuối chương VII	+ Vận dụng tính giá trị của biểu thức + Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán. + Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán	53	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (t3) DAY HỌC THEO CHỦ ĐỀ STEM	+ Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. + Tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. + Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.	
32	72	CHƯƠNG VIII. LÀM QUEN VỚI BIẾN CỐ VÀ XÁC SUẤT BIẾN CỐ Bài 29: Làm quen với biến cố (tìm hiểu về	Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn,				

		biến cố)	biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản				
	73	Bài 29: Làm quen với biến cố (Ví dụ về cách xác định biến cố ngẫu nhiên, chắc chắn, không thể)					
	74	Bài 30: Làm quen với xác suất của biến cố (t 1)	+ Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản	54	Bài tập cuối chương X	+ củng cố các kiến thức của hình hộp chữ nhật, hình lập phương + củng cố các kiến thức của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác. + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn.	
33	75	Bài 30: Làm quen với xác suất của biến cố (t 2)					
	76	Luyện tập chung	Vận dụng kiến thức vào giải bài toán liên quan.				

	77	Bài tập cuối chương VIII	+ Nhận biết bài toán về biến cố, xác suất của biến cố; + Giải các bài tập liên quan.				
	78	HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM HĐTN: Đại lượng tỉ lệ thuận trong cuộc sống	+ <i>Biết chuyển đổi một số đơn vị đo chiều dài và khối lượng thông dụng.</i> + <i>Thực hành tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng</i> + <i>Thực hành tính lãi suất tiết kiệm và làm quen với Quy tắc 72 trong tài chính.</i>				
34	79	HĐTN: Vòng quay may mắn	- Làm quen với các biến cố và nhận ra được biến cố có xảy ra hay không ứng với một kết quả có thể của trò chơi, thí nghiệm. - So sánh được khả năng xảy ra hai biến cố bằng cảm nhận và kiểm chứng lại bằng kết quả thực nghiệm.				
	80	HĐTN: Hộp quà và chân đế lịch để bàn	- Năng lực thủ công: Cắt, dán các hình, .. - Năng lực mỹ thuật: Tô màu, vẽ				

			thêm các hình, ... - Ứng dụng kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào thủ công, mỹ thuật,... - Ứng dụng kiến thức về diện tích, chu vi các hình học để giải quyết một số vấn đề đơn giản trong thực tế.				
	81	ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II	Củng cố các kiến thức học kì 2	55	ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II	Củng cố các kiểm thức học kì 2	
35	82	KIỂM TRA HỌC KÌ II	Kiểm tra các kiến thức học kì 2	56	KIỂM TRA HỌC KÌ II	Kiểm tra các kiến thức học kì 2	
	83	TRẢ BÀI KT HKII	Sửa bài kiểm tra HK2	57	TRẢ BÀI KT HKII	Sửa bài kiểm tra HK2	

1.13. MÔN TOÁN HỌC 8

Tuần	Tiết	Đại số - XSTK	Yêu cầu cần đạt	Tiết	Hình học	Yêu cầu cần đạt
1	1	Chương I. ĐA THỨC Bài 1. Đơn thức (tiết 1) Mục 1. Đơn thức và đơn thức thu gọn	- Nhận biết đơn thức, đơn thức thu gọn, hệ số, phân biến và bậc của đơn thức - Thu gọn đơn thức.	1	Chương III. TỨ GIÁC Bài 10. Tứ giác	- Mô tả khái niệm tứ giác, tứ giác lồi. - Giải thích định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi
	2	Bài 1. Đơn thức (tiết 2)	- Nhận biết đơn thức đồng dạng.	2	Bài 11. Hình thang cân (tiết 1)	- Mô tả khái niệm

		Mục 2. Đơn thức đồng dạng	- Cộng và trừ hai đơn thức đồng dạng		Mục 1. Hình thang, hình thang cân	hình thang, hình thang cân và các yếu tố của chúng.
2	3	Bài 2. Đa thức (tiết 1) Mục 1. Khái niệm đa thức.	- Nhận biết các khái niệm: đa thức, hạng tử của đa thức, đa thức thu gọn và bậc của đa thức.	3	Bài 11. Hình thang cân (tiết 2) Mục 2. Tính chất hình thang cân	- Giải thích các tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên và đường chéo của hình thang cân.
	4	Bài 2. Đa thức (tiết 2) Mục 2. Đa thức thu gọn	- Thu gọn đa thức. - Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến	4	Bài 11. Hình thang cân (tiết 3) Mục 3. Dấu hiệu nhận biết hình thang cân	- Nhận biết dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân.
3	5	Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức	- Nắm được cách cộng, trừ hai đa thức - Thực hiện các phép tính cộng, trừ đa thức	5	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 11 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
	6	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 3. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	6	Bài 12. Hình bình hành (tiết 1) Mục 1. Hình bình hành và tính chất	Mô tả khái niệm hình bình hành. - Giải thích các tính chất của hình bình hành.
4	7	Bài 4. Phép nhân đa thức (tiết 1) Mục 1. Nhân đơn thức với đa thức	- Thực hiện phép tính nhân đơn thức với đa thức và nhân đa thức với đa thức.	7	Bài 12. Hình bình hành (tiết 2) Mục 2. Dấu hiệu nhận biết	- Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành
	8	Bài 4. Phép nhân đa thức	- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng	8	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học

		(tiết 2) Mục 2. Nhân đa thức với đa thức	phép nhân đa thức			trong bài 12 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
5	9	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức (tiết 1) Mục 1. Chia đơn thức cho đơn thức	- Nắm được cách chia đơn thức cho đơn thức (trường hợp chia hết), chia đa thức cho đơn thức (trường hợp chia hết)	9	Bài 13. Hình chữ nhật	- Mô tả khái niệm hình chữ nhật. - Giải thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật. - Nhận biết dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật
	10	Bài 5. Phép chia đa thức cho đơn thức (tiết 2) Mục 2. Chia đa thức cho đơn thức	- Thực hiện được các phép tính trên đa thức	10	Bài 14. Hình thoi và hình vuông (tiết 1) Mục 1. Hình thoi	- Mô tả khái niệm hình thoi và hình vuông. - Giải thích các tính chất của hình thoi và hình vuông. - Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình thoi, hình vuông
6	11	Luyện tập chung (tiết 1)	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 4 đến bài 5. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	11	Bài 14. Hình thoi và hình vuông (tiết 2) Mục 2. Hình vuông	
	12	Luyện tập chung (tiết 2)		12	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 13 đến bài 14 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn

7	13	Ôn tập chương I (tiết 1)	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.	13	Bài tập cuối chương III (tiết 1)	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.
	14	Ôn tập chương I (tiết 2)	- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	14	Bài tập cuối chương III (tiết 2)	- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
8	15	Chương II. HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ VÀ ỨNG DỤNG Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu (tiết 1)	- Nhận biết hằng đẳng thức. - Mô tả hằng đẳng thức hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu. - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu thức	15	CHƯƠNG IV. ĐỊNH LÍ THALES Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (tiết 1)	- Định lí Thalès trong tam giác (thuận và đảo). - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thalès
	16	Bài 6. Hiệu hai bình phương. Bình phương của một tổng hay một hiệu (tiết 2) Mục 3. Bình phương của một tổng Mục 4. Bình phương của một hiệu.		16	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (tiết 2) Mục 2. Định lí Thales trong tam giác (Định lí thuận)	- Định lí Thalès trong tam giác (thuận và đảo). - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng

9	17	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu (tiết 1) Mục 1. Lập phương của một tổng	- Mô tả các hằng đẳng thức: lập phương của một tổng và lập phương của một hiệu. - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức	17	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (tiết 3) Mục 2. Định lí Thales trong tam giác (Định lí đảo)	Định lí Thalès
	18	Ôn tập giữa học kì I	Củng cố các kiến thức giữa học kì 1	18	Ôn tập giữa học kì I	Củng cố các kiến thức giữa học kì 1
10	19	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	Kiểm tra các kiến thức giữa học kì 1	19	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	Kiểm tra các kiến thức giữa học kì 1
	20	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	Sửa bài kiểm tra giữa HK1	20	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I	Sửa bài kiểm tra giữa HK1
11	21	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu (tiết 2) Mục 2. Lập phương của một hiệu	- Mô tả các hằng đẳng thức: lập phương của một tổng và lập phương của một hiệu. - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức	21	Bài 16. Đường trung bình của tam giác (tiết 1) Mục 1. Định nghĩa đường trung bình của tam giác	- Mô tả định nghĩa đường trung bình của tam giác.
	22	Bài 8. Tổng và hiệu hai lập phương	- Mô tả các hằng đẳng thức: tổng, hiệu hai lập phương. - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng	22	Bài 16. Đường trung bình của tam giác (tiết 2) Mục 2. Tính chất đường trung bình của tam giác	- Giải thích tính chất đường trung bình của tam giác

			tích.			
12	23	Luyện tập chung (tiết 1)	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 6 đến bài 8. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	23	Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác	- Mô tả định nghĩa đường trung bình của tam giác. - Giải thích tính chất đường trung bình của tam giác
	24	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử (tiết 1) Mục 1. PTĐT thành nhân tử bằng cách đặt nhân tử chung	- Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử. - Mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức - Vận dụng các cách này để khai triển, giải toán tìm x, rút gọn biểu thức	24	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 15 đến bài 17 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
13	25	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử (tiết 2) Mục 2. PTĐT thành nhân tử bằng cách nhóm hạng tử	- Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử. - Mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức	25	Bài tập cuối chương IV (tiết 1)	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
	26	Bài 9. Phân tích đa thức thành nhân tử (tiết 3) Mục 3. PTĐT thành nhân tử bằng cách sử dụng HĐT	- Vận dụng các cách này để khai triển, giải toán tìm x, rút gọn biểu thức			

	27	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 9. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn			
14	28	Ôn tập chương II	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	26	Bài tập cuối chương IV (tiết 2)	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
	29	Chương V. DỮ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu (tiết 1) Mục 1. Thu thập dữ liệu	- Thực hiện và lí giải việc thu thập dữ liệu. - Phân loại số liệu rời rạc, số liệu liên tục			
	30	Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu (tiết 2) Mục 2. Phân loại dữ liệu				
15	31	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (tiết 1) Mục 1. Lựa chọn biểu đồ tranh hay biểu đồ cột Mục 2. Lựa chọn biểu	- Chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. - Lựa chọn biểu đồ phù hợp với dữ liệu cho	27	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 1) Chủ đề: Công thức tính lãi kép	- Hiểu công thức tính lãi suất kép. - Sử dụng công thức lãi kép để tính số tiền thu được (cả vốn lẫn

		đồ cột hay biểu đồ đoạn thẳng	trước.			lãi) sau N kì gửi tiết kiệm.
	32	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (tiết 2) Mục 3. Lựa chọn biểu đồ cột kép hay biểu đồ hình quạt tròn				
	33	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (tiết 1) Mục 1. Cần lưu ý khi đọc và diễn giải biểu đồ				
16	34	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (tiết 2) Mục 2. Đọc và phân tích số liệu biểu đồ	- Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu. - Nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn. - Nhận biết mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8.	28	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 2) <i>Chủ đề: Phân tích đặc điểm khí hậu VN</i>	- Minh họa được một số đặc điểm của khí hậu Việt Nam, Thông qua hoạt động trải nghiệm, HS luyện tập được một số kĩ năng như: + Kĩ năng thu thập dữ liệu từ nguồn có sẵn như sách, báo, mạng Internet... + Kĩ năng tổ chức và biểu diễn dữ liệu, + Kĩ năng phân tích dữ liệu để trả lời các

						câu hỏi đặt ra.
	35	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 18 đến bài 20 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn			
	36	Bài tập cuối chương V	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn			
17	37	Ôn tập học kì I (phần đại số)	Củng cố các kiến thức học kì 1	29	Ôn tập học kì I (phần hình học)	Củng cố các kiến thức học kì 1
	38	Ôn tập học kì I (phần đại số)				
	39	Ôn tập học kì I (phần Thống kê và xác suất)				
18	40	KIỂM TRA HỌC KÌ I	Kiểm tra các kiến thức học kì 1	30	KIỂM TRA HỌC KÌ I	Kiểm tra các kiến thức học kì 1
	41	Trả bài kiểm tra học kì I	Sửa bài kiểm tra HK1	31	Trả bài kiểm tra học kì I	Sửa bài kiểm tra HK1

HỌC KỲ 2

Tuần	Tiết	Đại số	TBDH	Tiết	Hình học	TBDH
19	42	Chương VI. PHÂN THỨC ĐẠI SỐ Bài 21. Phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Phân thức đại số	- Nhận biết phân thức đại số, tử thức và mẫu thức của một phân thức. - Viết điều kiện xác định của phân thức và tính giá trị của phân thức tại giá trị của biến thoả mãn điều kiện xác định. - Nhận biết hai phân thức bằng nhau	32	Chương IX. TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG Bài 33. Hai tam giác đồng dạng (tiết 1) Mục 1. Định nghĩa	- Nhận biết hai tam giác đồng dạng và giải thích các tính chất của chúng. - Giải thích định lý về trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác.
	43	Bài 21. Phân thức đại số (tiết 2) Mục 2. Hai phân thức bằng nhau		33	Bài 33. Hai tam giác đồng dạng (tiết 2) Mục 2. Định lý	
20	44	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Tính chất cơ bản của phân thức	- Mô tả tính chất cơ bản của phân thức đại số. - Rút gọn phân thức đại số. - Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức trong trường hợp thuận lợi	34	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (tiết 1) Mục 1. Trường hợp đồng dạng thứ nhất	- Nhận biết và giải thích hai tam giác đồng dạng dựa trên ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác. - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn
	45	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (tiết 2) Mục 2. Vận dụng (rút gọn phân thức)		35	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (tiết 2) Mục 2. Trường hợp đồng dạng thứ hai	
21	46	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (tiết 3) Mục 3. Vận dụng		36	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (tiết 3) Mục 3. Trường hợp	

		(quy đồng mẫu nhiều phân thức)			đồng dạng thứ ba	
	47	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 21 đến bài 22 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	37	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 33 đến bài 34 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
22	48	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Cộng hai phân thức cùng mẫu Mục 2. Cộng hai phân thức khác mẫu	- Thực hiện phép cộng và phép trừ phân thức đại số. - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức và quy tắc dấu ngoặc với phân thức trong tính toán.	38	Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng (tiết 1) Mục 1. Định lí Pythagore	- Giải thích định lí Pythagore. - Tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Pythagore
	49	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (tiết 2) Mục 3. Trừ hai phân thức.		39	Bài 35. Định lí Pythagore và ứng dụng (tiết 2) Mục 2. Ứng dụng của định lí Pythagore	
23	50	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (tiết 3) Mục 4. Cộng, trừ nhiều phân thức đại số.		40	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông (tiết 1) Mục 1. Áp dụng các trường hợp đồng dạng của tam giác vào tam giác vuông	- Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng.

	51	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (tiết 1) Mục 1. Nhân hai phân thức		41	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông (tiết 2) Mục 2. Trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác vuông	
24	52	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (tiết 2) Mục 2. Chia hai phân thức	- Thực hiện phép nhân và phép chia hai phân thức đại số. - Vận dụng tính chất của phép nhân phân thức trong tính toán	42	Bài 37. Hình đồng dạng	- Nhận biết hai hình đồng dạng. - Nhận biết hai hình đồng dạng phối cảnh. - Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo, ... biểu hiện qua hình đồng dạng.
	53	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 23 đến bài 24 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	43	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 35 đến bài 37 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
25	54	Bài tập cuối chương VI	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	44	Bài tập cuối chương IX	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn

	55	Chương VII. PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT VÀ HÀM SỐ BẬC NHẤT Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn (tiết 1) Mục 1. Phương trình một ẩn	- Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất			
	56	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn (tiết 2) Mục 2. Phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải				
26	57	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn (tiết 3) Mục 3. Phương trình đưa được về dạng $ax + b = 0$		45	Chương X. MỘT SỐ HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN Bài 38. Hình chóp tam giác đều (tiết 1) Mục 1. Hình chóp tam giác đều	- Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều. - Tạo lập hình chóp tam giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều.
	58	Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất	46	Bài 38. Hình chóp tam giác đều (tiết 2) Mục 2. Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều	- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều

27	59	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 25 đến bài 26 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	47	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều (tiết 1) Mục 1. Hình chóp tứ giác đều	- Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều. - Tạo lập hình chóp tứ giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều.
	60	Ôn tập giữa học kì II	Củng cố các kiến thức giữa học kì 2	48	Ôn tập giữa học kì II	Củng cố các kiến thức giữa học kì 2
28	61	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	Kiểm tra các kiến thức giữa học kì 2	49	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	Kiểm tra các kiến thức giữa học kì 2
	62	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	Sửa bài kiểm tra giữa HKII	50	TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II	Sửa bài kiểm tra giữa HKII

29	63	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số (tiết 1) Mục 1. Khái niệm hàm số			
	64	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số (tiết 2) Mục 2. Mặt phẳng tọa độ	- Nhận biết những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số. - Tính giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức. - Xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ; xác định một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó.		
	65	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số (tiết 3) Mục 3. Đồ thị của hàm số	- Nhận biết đồ thị hàm số	51	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều (tiết 2) Mục 2. Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều
30	66	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất (tiết 1) Mục 1. Khái niệm hàm số bậc nhất	- Thiết lập bảng giá trị của hàm số bậc nhất. - Vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất. - Vận dụng hàm số bậc		- Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều. - Tạo lập hình chóp tứ giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều. - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều.

	67	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất (tiết 2) Mục 2. Đồ thị của hàm số bậc nhất	nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất vào giải quyết một số bài toán thực tiễn			
	68	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng (tiết 1) Mục 1. Hệ số góc của đường thẳng	- Nhận biết khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$). - Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước	52	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 38 đến bài 39 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
31	69	Bài 29. Hệ số góc của đường thẳng (tiết 2) Mục 2. Đường thẳng song song, đường thẳng cắt nhau	biết và giải thích sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước			
	70	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 27 đến bài 29 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn			
	71	Bài tập cuối chương VII	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	53	Bài tập cuối chương X	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn

32	72	Chương VIII. MỞ ĐẦU VỀ TÍNH XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi (tiết 1) Mục 1. Kết quả có thể của hành động, thực nghiệm	- Xác định các kết quả có thể của hành động, thực nghiệm. - Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm			
	73	Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi (tiết 2) Mục 2. Kết quả thuận lợi cho một biến cố				
	74	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số	Tính xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng	54	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 1) Chủ đề: Ứng dụng định lí Thales, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao	Vận dụng kiến thức về tam giác đồng dạng và định lí Pythagore trong thực tiễn (ví dụ: đo khoảng cách giữa hai vị trí mà giữa chúng có vật cản hoặc chỉ đến được một trong hai vị trí).
33	75	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (tiết 1) Mục 1. Xác suất thực nghiệm của một biến	- Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ có tình huống thực tế. - Ước lượng xác suất của một biến cố bằng			

		cố	xác suất thực nghiệm. - Ứng dụng trong một số bài toán đơn giản			
	76	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (tiết 2) Mục 2. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất				
	77	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (tiết 3) Mục 3. Ứng dụng		55	Hoạt động thực hành trải nghiệm (tiết 2) <i>Chủ đề: Ứng dụng định lý Thales, định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo khoảng cách</i>	Vận dụng kiến thức về tam giác đồng dạng và định lý Pythagore trong thực tiễn (ví dụ: đo khoảng cách giữa hai vị trí mà giữa chúng có vật cản hoặc chỉ đến được một trong hai vị trí).
34	78	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 30 đến bài 32 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn			
	79	Bài tập cuối chương VIII	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	56	Ôn tập học kì II (phần hình học)	Củng cố các kiến thức học kì 2

	80	Ôn tập học kì II (phần đại số)	Củng cố các kiến thức học kì 2			
35	81	KIỂM TRA HỌC KÌ II	Kiểm tra các kiến thức học kì 2	57	KIỂM TRA HỌC KÌ II	Kiểm tra các kiến thức học kì 2
	82	Trả bài kiểm tra học kì II	Sửa bài kiểm tra HK2	58	Trả bài kiểm tra học kì II	Sửa bài kiểm tra HK2

1.14. MÔN TOÁN HỌC 9

HỌC KỲ I

Từ tuần 1 đến tuần 18

(Trong cột “Tiết”, ô nền trắng chỉ tiết của đại số, ô nền xanh chỉ tiết của hình học)

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt
1	1	§1. Căn bậc hai	- Nhận biết được khái niệm về căn bậc hai của số thực không âm - Hiểu định nghĩa căn bậc hai số học. - Tính được căn bậc hai của một số là bình phương của một số hữu tỉ
1	2	§2. Căn thức bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A $	- Nhận biết được khái niệm về căn thức bậc hai của một biểu thức đại số. - Biết điều kiện xác định của $\sqrt{A}$ là $A \geq 0$ - Hiểu và biến đổi được $\sqrt{A^2} = A$
1	3	Luyện tập (§2)	- Tính được biểu thức chứa căn bậc hai của các số không âm - Tìm được điều kiện xác định của $\sqrt{A}$ - Vận dụng được $\sqrt{A^2} = A$ giải các bài tập liên quan.
1	1	§1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.	- Nắm được các hệ thức: $b^2 = a.b'$; $c^2 = a.c'$; $h^2 = b'.c'$; và hiểu được cách chứng minh; - Vận dụng được các hệ thức được học vào giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế.
2	4	§3. Liên hệ giữa phép nhân	Thực hiện được việc khai phương của một tích và nhân các căn bậc hai.

		và phép khai phương	
2	5	Luyện tập	-Vận dụng việc khai phương của một tích và nhân các căn bậc hai vào giải bài tập
2	6	§4. Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương	-Thực hiện được việc khai phương của một thương và chia các căn bậc hai.
2	2	Luyện tập (§1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông).	-Vận dụng được các hệ thức được học vào giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế.
3	7	Luyện tập.	-Vận dụng việc khai phương của một thương và chia các căn bậc hai vào giải bài tập (Có hướng dẫn và thực hành sử dụng máy tính bỏ túi)
3	3	§1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông (tt)	-Nắm được các hệ thức $bc=ah$; $\frac{1}{h^2} = \frac{1}{b^2} + \frac{1}{c^2}$ và hiểu được cách chứng minh; -Vận dụng được các hệ thức được học vào giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế.
3	4	Luyện tập (§1. Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.)	-Vận dụng được các hệ thức được học vào giải toán và giải quyết một số trường hợp thực tế.
3	5	§2. Tỉ số lượng giác của góc nhọn	- Hiểu các định nghĩa sin, cos, tan, cot của một góc nhọn α – Giải thích được tỉ số lượng giác của các góc nhọn đặc biệt (góc 30^0 , 45^0 , 60^0)
4	8	§5. Luyện tập.	Có hỗ trợ MTBT tính các căn bậc hai (đúng hoặc gần đúng) của một số số hữu tỉ không âm cho trước
4	6	§2. Tỉ số lượng giác của góc nhọn (tt)	- Nắm được tỉ số lượng giác của hai góc nhọn phụ nhau
4	7	Luyện tập (§2. Tỉ số lượng giác của góc nhọn)	Vận dụng được các công thức biến đổi tỉ số lượng giác của góc nhọn vào giải bài tập thực tế
4	8	Tìm tỷ số lượng giác và góc bằng máy tính bỏ túi	Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) tỉ số lượng giác của góc nhọn bằng máy tính cầm tay.

5; 5	9, 10,	Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai (§6. §7).	- Thực hiện được các biến đổi: Đưa thừa số ra ngoài, đưa thừa số vào trong dấu căn
5	9	§4. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông	– Biết các hệ thức và giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông -Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với tỉ số lượng giác của góc nhọn
5	10	§4. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông (tt)	- Giải được tam giác vuông khi biết độ dài hai cạnh góc vuông của tam giác đó.
6; 6	11, 12	Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai (§6. §7).	- Thực hiện được các biến đổi: khử mẫu của biểu thức lấy căn và trục căn thức ở mẫu
6	11	§4. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông (tt)	- Giải được tam giác vuông khi biết độ dài một cạnh huyền hoặc cạnh góc vuông và biết độ lớn một góc nhọn của tam giác đó.
6	12	Luyện tập	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với tỉ số lượng giác của góc nhọn (ví dụ: Tính độ dài đoạn thẳng, độ lớn góc và áp dụng giải tam giác vuông.
7	13	§8. Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai	Rút gọn được biểu thức chứa căn thức bậc hai không quá phức tạp ở các dạng tương tự như các ví dụ.
7	14	Luyện tập	– Thực hiện được một số phép biến đổi đơn giản, rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai
7	13	§5. Ứng dụng thực tế tỉ số lượng giác của góc nhọn (Thực hành)	-Các nhóm học sinh phối hợp thực hiện được việc đo gián tiếp chiều cao của một vật
7	14	§5. Ứng dụng thực tế tỉ số lượng giác của góc nhọn (Thực hành) (tt)	-Các nhóm học sinh phối hợp thực hiện được việc đo gián tiếp khoảng cách hai địa điểm
8	15	§9. Căn bậc ba	-Hiểu khái niệm căn bậc ba của một số thực. -Biết được tính chất của căn bậc ba -Tính được căn bậc ba của một số biểu diễn được thành lập phương của

			một số khác
8	16	Ôn tập Chương I	- Trả lời được các câu hỏi 1 đến 5 SGK - Tái hiện và vận dụng được 9 công thức biến đổi, rút gọn căn thức bậc hai vào giải bài tập
8	15	§1. Sự xác định đường tròn. Tính chất đối xứng của đường tròn -	- Hiểu khái niệm đường tròn, cách xác định đường tròn, tâm đối xứng, trục đối xứng của một đường tròn
8	16	Luyện tập	- Nhận biết được các biểu báo giao thông dạng hình tròn hình nào có tâm đối xứng, có trục đối xứng - Phân biệt được các khái niệm hình tròn và đường tròn - Nhận biết được các chi tiết tròn trong đời sống thực tế
9	17	§1. Nhắc lại, bổ sung các khái niệm về hàm số	- Hiểu các khái niệm về: Hàm số, đồ thị của hàm số, hàm số đồng biến, nghịch biến.
9	18	Luyện tập	Tính được các giá trị tương ứng của x và f(x), vẽ được đồ thị hàm số $y = ax$ ($a \neq 0$); biết xác định tọa độ giao điểm của hai đồ thị trong các trường hợp đơn giản.
9	17	Ôn tập chương I và giữa kỳ 1	- Trả lời được các câu hỏi 1.2.3.4 SGK - Tái hiện các hệ thức lượng trong tam giác vuông, các tỉ số lượng giác của góc nhọn và tính chất
9	18	Ôn tập chương I và giữa kỳ 1	- Vận dụng các hệ thức lượng trong tam giác vuông, các tỉ số lượng giác của góc nhọn và tính chất giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan
10	19	Kiểm tra giữa kỳ 1	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan
10	19	Kiểm tra giữa kỳ 1	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan
10	20	Trả bài KT GK	HS biết điều chỉnh sai sót qua bài KT
10	20	Trả bài KT GK	HS biết điều chỉnh sai sót qua bài KT
11	21	Hàm số bậc nhất	Hiểu khái niệm hàm số bậc nhất; tính chất của hàm số bậc nhất. Hiểu đồ thị của hàm số bậc nhất là một đường thẳng và vẽ được đồ thị với các hệ số hữu tỉ
11	22		

		(§2. §3).	Đồ thị của hàm số bậc nhất.	(Không yêu cầu HS vẽ đồ thị hàm bậc nhất với các hệ số vô tỉ; không CM tính chất hàm số bậc nhất)
11	21	§2. Đường kính và dây của đường tròn		- Hiểu được trong các dây của một đường tròn, đường kính là dây lớn nhất; - Biết được quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây và cách chứng minh
11	22	§3. Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây		- Hiểu được sự không đổi về tổng của bình phương khoảng cách từ tâm đến dây và bình phương của nửa dây tương ứng trong một đường tròn; - Hiểu được sự liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây trong một đường tròn.
12	23	Luyện tập		- Tìm được các giá trị tương ứng của x, y và vẽ được đồ thị hàm số của hàm số bậc nhất $y = ax + b$; - Vận dụng vào giải quyết các bài toán thực tiễn liên quan
12	24	§4. Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau		- Hiểu các đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau và điều kiện để hai đường thẳng dạng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) song song, cắt nhau, trùng nhau. - Tìm được các hệ số a, b để đồ thị của hai hàm số dạng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) song song, cắt nhau, trùng nhau.
12	23	Luyện tập (§3)		- Vận dụng được sự liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây trong một đường tròn để giải bài tập và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
12	24	§4. Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn		- Hiểu được ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn; - Hiểu và lập được hệ thức giữa khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính của đường tròn
13	25	Luyện tập (§4)		- Tính được các giá trị của a, b, x hoặc y khi cho biết trực tiếp hoặc gián tiếp giá trị ba đại lượng trong công thức $y = ax + b$ ($a \neq 0$) - Xác định được a hoặc b trong hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) để hai đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau.

13	26	§5. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$)	- Hiểu khái niệm góc tạo bởi đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và trục Ox và hệ số góc - Tính được góc của đường thẳng dạng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) với trục Ox.
13	25	§5. Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn	- Biết các dấu hiệu để một đường thẳng là tiếp tuyến của đường tròn; - Biết dựng tiếp tuyến của đường tròn qua một điểm nằm ngoài đường tròn đó.
13	26	Luyện tập (§5)	- Vận dụng được về tiếp tuyến của đường tròn để giải bài tập và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
14	27	Luyện tập (§5)	-Xác định được hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) khi biết được các giá trị của a hoặc b và giá trị của x bằng cách cho biết trực tiếp hoặc gián tiếp giá trị ba đại lượng trong công thức
14	28	Ôn tập chương II	- Tái hiện các khái niệm: Hàm số, đồ thị của hàm số, hàm số bậc nhất, hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) - Tái hiện được khi nào thì hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) đồng biến, nghịch biến; điều kiện để hai đường thẳng dạng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) song song, cắt nhau, trùng nhau;
14	29	Ôn tập chương II (tt)	- Tìm được hoặc giải tích được khi nào thì hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$) đồng biến, nghịch biến; điều kiện để hai đường thẳng dạng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) song song, cắt nhau, trùng nhau; - Tìm được các hệ số của hai đường thẳng dạng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) để chúng, song song, cắt nhau hoặc trùng nhau.
14	27	§6. Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau	- Hiểu định lý về hai tiếp tuyến cắt nhau; -Biết các khái niệm về đường tròn nội tiếp tam giác, đường tròn bàng tiếp tam giác; biết tâm và cách tìm tâm đường tròn trong các khái niệm nêu trên.
15	30	§1. Phương trình bậc nhất hai ẩn	-Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm và cách giải phương trình bậc nhất hai ẩn;
15	31	§2. Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn	- Hiểu khái niệm hệ phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm, hệ phương trình tương đương - Biết minh họa hình học tập nghiệm của hệ PT bậc nhất hai ẩn

			(Lấy kết quả của bài tập 2 trang 25 đưa vào cuối trang 10 và được sử dụng để làm các bài tập khác.)
15	32	Luyện tập §1, 2	- Củng cố các khái niệm về phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ phương trình - Nhận biết nghiệm, minh họa hình học tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ phương trình
15	28	Luyện tập	- Vận dụng định lý về hai tiếp tuyến cắt nhau, về các khái niệm đường tròn nội tiếp, đường tròn bàng tiếp tam giác để giải bài tập và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
16	33	§3. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế	- Hiểu quy tắc thế - Giải được hệ phương trình bằng phương pháp thế
16	34	Luyện tập (§3)	- Rèn luyện kỹ năng giải hệ phương trình bằng phương pháp thế
16	35	§4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số	- Hiểu quy tắc cộng đại số - Giải được hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số
16	29	Ôn tập HKI	- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải toán và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
17	36	Luyện tập (§4)	- Rèn luyện kỹ năng giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số
17	37	Ôn tập học kỳ I	- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải toán và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
17	38	Ôn tập học kỳ I	- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải toán và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
17	30	Ôn tập HKI	- Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải toán và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
18	39	Kiểm tra cuối học kỳ I	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan
18	31	Kiểm tra cuối học kỳ I	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan
18	40	Trả bài KT HK1	HS biết điều chỉnh sai sót qua bài KT
18	32	Trả bài KT HK1	HS biết điều chỉnh sai sót qua bài KT

HỌC KỲ II (từ tuần 19 đến tuần 35)

Tuần	Tiết	Tên chủ đề/ bài học	Yêu cầu cần đạt
19	41	Luyện tập	Hỗ trợ luyện tập: Giải hệ phương trình bằng máy tính CASIO

19	42	Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (§5)	- Nắm được các bước giải bài toán bằng cách lập hệ PT (mục 5 trang 26 SGK) - Giải được bài toán bằng cách lập hệ PT . Chú ý các bài toán thực tế.
19	33	Vị trí tương đối của hai đường tròn (§7)	– Mô tả được ba vị trí tương đối của hai đường tròn (hai đường tròn cắt nhau, hai đường tròn tiếp xúc nhau, hai đường tròn không giao nhau).
19	34	Vị trí tương đối của hai đường tròn (§8)	- Hiểu và lập được hệ thức giữa đoạn nối tâm đường tròn và bán kính của đường tròn - Hiểu khái niệm: Tiếp tuyến chung (chung trong, chung ngoài) của hai đường tròn
20	43	Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (§6)	Hiểu thêm về các thể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế.
20	44	Luyện tập (§5, §6)	Có kỹ năng giải tương đối đầy đủ về các thể loại toán. Vận dụng giải quyết được các bài toán thực tế.
20	35	Luyện tập (§7 § 8)	- Giải thích được các vị trí của hai đường tròn theo hệ thức giữa đoạn nối tâm đường tròn và bán kính của đường tròn -Vận dụng giải quyết được các bài toán thực tế
20	36	<i>Ôn tập chương II</i>	- Trả lời được các câu hỏi (sgk) -Tái hiện các kiến thức cần nhớ (HS tự đọc phần tóm tắt ở sgk) - Giải được nhiều dạng toán về dây cung, tiếp tuyến và các vị trí của hai đường tròn
21	45	<i>Ôn tập chương III</i>	- Trả lời được các câu hỏi 1,2,3. - Tái hiện các kiến thức cần nhớ (HS tự đọc các mục 1, 2, 3, 4, 5) -Nâng cao kỹ năng giải hệ PT và giải toán bằng cách lập hệ PT. (Kết quả của bài tập 2 đưa vào cuối trang 10 và được sử dụng để làm các bài tập khác).
21	46	Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) (§1)	- Biết Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) có liên quan thực tiễn -Nhận biết các tính chất của hàm số hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) nhờ đồ thị; (không chứng minh t/c)
21	37	§1. Góc ở tâm	– Nhận biết được góc ở tâm; – Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc ở tâm,
21	38	Luyện tập	– Có kỹ năng giải thích mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc ở tâm,

22	47	Luyện tập (§1)	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn Vật Lý gắn với hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)
22	48	Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) (§2)	– Thiết lập được bảng giá trị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) – Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) – Vẽ được đồ thị với $a \in \mathbb{Q}$
22	39	§2. Liên hệ giữa cung và dây	– Giải thích được mối liên hệ giữa cung và dây trong một đường tròn hoặc hai đường tròn bằng nhau.
22	40	§3. Góc nội tiếp	– Nhận biết được góc nội tiếp. – Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc nội tiếp. – Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc ở tâm cùng chắn một cung.
23	49	Luyện tập (§ 2)	– Nâng cao các kỹ năng giải các bài toán về hàm số, đồ thị hàm số và giải quyết một số bài toán thực tiễn liên quan hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)
23	50	§3. Phương trình bậc hai một ẩn số	– Nhận biết được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn. Giải được phương trình bậc hai một ẩn.
23	41	Luyện tập (§3)	- Vận dụng được về góc nội tiếp để giải nhiều dạng bài tập và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
23	42	§4. Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung	- Hiểu khái niệm góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung; – Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung;
24	51	Luyện tập	- Có kỹ năng xác định các hệ số của phương trình bậc hai một ẩn - Có kỹ năng giải một số phương trình bậc hai khuyết b hoặc c
24	52	Công thức nghiệm của phương trình bậc hai (§4)	- Hiểu được công thức nghiệm của phương trình bậc hai một ẩn. - Giải được phương trình bậc hai một ẩn.
24	43	Luyện tập (§4)	- Vận dụng được về góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung góc nội tiếp để giải nhiều dạng bài tập và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
24	44	§5. Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn. Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn -	- Hiểu khái niệm góc có đỉnh ở bên trong đường tròn, góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn – Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo các góc nêu trên
25	53	Công thức nghiệm của	- Hiểu được công thức nghiệm thu gọn của phương trình bậc hai một ẩn.

		phương trình bậc hai (§5).	- <i>Giải được và có kỹ năng giải phương trình bậc hai một ẩn bằng công thức nghiệm thu gọn</i>
25	54	Luyện tập(§4, 5)	- <i>Giải được và có kỹ năng giải phương trình bậc hai một ẩn.</i>
25	45	§6. Cung chứa góc	- Biết “cung chứa góc” thông qua mô hình, hình vẽ; -Biết các bước giải bài toán quỹ tích.
25	46	Luyện tập (§5)	- Vận dụng được về góc đỉnh ở bên trong đường tròn, góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn để giải nhiều dạng bài tập và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
26	55	Luyện tập	- <i>Giải được và có kỹ năng giải phương trình bậc hai một ẩn</i> – Tính được nghiệm phương trình bậc hai một ẩn bằng máy tính cầm tay.
26	56	§6. Hệ thức Vi-ét và ứng dụng	– Giải thích được định lý Viète và ứng dụng (ví dụ: tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai, tìm hai số biết tổng và tích của chúng,...). – Vận dụng được phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán thực tiễn.
26	47	Luyện tập (§6)	- Vận dụng được về “cung chứa góc” để giải nhiều dạng bài tập và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
26	48	§7. Tứ giác nội tiếp	– Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn và giải thích được định lý về tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp bằng 180^0 - Biết điều kiện cần và đủ để một tứ giác nội tiếp.
27	57	Luyện tập	– Vận dụng được phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán thực tiễn. (BT 33 khuyến khích HS tự làm)
27	58	§7. Phương trình quy về phương trình bậc hai-Ôn tập giữa học kỳ 2	- Nắm được dạng của PT trùng phương và cách giải - Giải được PT chứa ẩn ở mẫu và PT tích không quá khó.
27	49	Luyện tập (§7)	– Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp hình chữ nhật,hình vuông. - Vận dụng được về tứ giác nội tiếp để giải nhiều dạng bài tập và giải quyết các tình huống thực tế liên quan
27	50	§8. Đường tròn ngoại tiếp. Đường tròn nội tiếp-Ôn tập giữa học kỳ 2	– Nhận biết được định nghĩa đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp đa giác. – Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp tam giác vuông, tam giác đều, hình vuông.

28	59	Kiểm tra giữa học kỳ II	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan
28	51	Kiểm tra giữa học kỳ II	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan
28	60	Trả bài KTGK	HS biết điều chỉnh sai sót qua bài KT
28	52	Trả bài KTGK	HS biết điều chỉnh sai sót qua bài KT
29	61	Luyện tập (§7)	- Giải được và có kỹ năng giải nhiều dạng phương trình quy về bậc hai - Vận dụng vào giải quyết bài toán thực tiễn.
29	62	§8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	- Nắm được các bước giải bài toán bằng cách lập PT - Giải được bài toán bằng cách lập PT. Chú ý các bài toán thực tế.
29	53	§9. Độ dài đường tròn, cung tròn	- Tính được độ dài đường tròn, cung tròn
29	54	Luyện tập (§ 9)	- Có kỹ năng tính diện tích độ dài cung tròn - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với độ dài cung tròn
30	63	Luyện tập	- Giải được và có kỹ năng giải nhiều dạng bài toán - Vận dụng vào giải quyết bài toán thực tiễn.
30	64	Ôn tập chương IV	- Trả lời được các câu hỏi từ 1 đến 5 - Tái hiện các kiến thức cơ bản cần nhớ (HS tự đọc ở SGK) - Giải được và có kỹ năng giải các bài tập về hàm số, đồ thị $y = ax^2$ ($a \neq 0$)
30	55	§10. Diện tích hình tròn, hình quạt tròn	- Tính được diện tích hình tròn, hình quạt tròn,
30	56	Luyện tập (§10)	- Có kỹ năng tính diện tích quạt tròn, hình vành khăn - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường tròn như tính diện tích hình viên phân
31	65	Ôn tập chương IV	- Giải được và có kỹ năng giải các bài tập về PT bậc hai, về ứng dụng của định lý Vi - et
31	57	Ôn tập chương III	- Trả lời được các câu hỏi 1 đến 19 sgk - Tái hiện các kiến thức cần nhớ (HS tự đọc ở SGK) - Giải được một số dạng bài tập, chú ý các bài tập gắn với thực tiễn
31	58	§1. Hình trụ. Diện tích xung quanh và thể tích trụ	- Hiểu khái niệm về hình trụ, mặt cắt hình trụ;

31	59	§1. Hình trụ. Diện tích xung quanh và thể tích trụ	-Tính được diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ
32	66	Ôn tập cuối năm	- <i>Giải được và có kỹ năng giải nhiều dạng toán</i>
32	60	Luyện tập (§1)	Vận dụng cách tính diện tích, thể tích hình trụ vào giải quyết một số bài toán thực tiễn
32	61	§2. Hình nón. Hình nón cụt. Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt	- Hiểu các khái niệm về hình nón, nón cụt; Tính được diện tích, thể tích hình nón, nón cụt.
32	62	§2. Hình nón. Hình nón cụt. Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt	- Hiểu các khái niệm về hình nón, nón cụt; Tính được diện tích, thể tích hình nón, nón cụt.
33	67	Ôn tập cuối năm	- <i>Giải được và có kỹ năng giải nhiều dạng toán; vận dụng vào giải quyết thực tiễn liên quan</i>
33	63	Luyện tập (§2)	Vận dụng cách tính diện tích, thể tích hình nón, nón cụt vào giải quyết một số bài toán thực tiễn
33	64	§3. Hình cầu. Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu	- Biết các khái niệm về hình cầu, mặt cầu -Tính được diện tích mặt cầu, thể tích hình cầu
33	65	§3. Hình cầu. Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu	- Biết các khái niệm về hình cầu, mặt cầu -Tính được diện tích mặt cầu, thể tích hình cầu
34	68	Ôn tập cuối năm	- <i>Giải được và có kỹ năng giải nhiều dạng toán; vận dụng vào giải quyết thực tiễn liên quan</i>
34	66	Ôn tập chương IV và HK2	- Trả lời được các câu hỏi 1, 2 -Tái hiện các kiến thức cơ bản cần nhớ (HS tự đọc ở SGK) - <i>Giải được và có kỹ năng giải nhiều dạng toán; vận dụng vào giải quyết thực tiễn liên quan</i>
34	67	Luyện tập (§3)	- Nhận diện hình cầu, mặt cầu trong thực tiễn -Vận dụng diện tích mặt cầu, thể tích hình cầu vào giải quyết một số bài toán thực tiễn

34	68	Ôn tập cuối năm	- Giải được và có kỹ năng giải nhiều dạng toán; vận dụng vào giải quyết thực tiễn liên quan
35	69	Kiểm tra cuối học kỳ II	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan
35	69	Kiểm tra cuối học kỳ II	Trả lời các câu hỏi, giải bài tập và giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan
35	70	Trả bài KTHK2	HS biết điều chỉnh sai sót qua bài KT
35	70	Trả bài KTHK2	HS biết điều chỉnh sai sót qua bài KT

1.15. MÔN GDTC 6

TT	Phần	Chủ Đề		Số tiết	
		Tên chủ đề	Số bài		
1	Kiến Thức Chung	Chế độ dinh dưỡng trong luyện tập TDTT	0	0 (Lồng ghép vào các tiết học)	
2	Vận Động Cơ Bản	Chủ đề 1: Chạy cự ly ngắn (60m) (CCLN)	4	10	
		Chủ đề 2: Ném bóng	3	14	
		Chủ đề 3: Chạy cự ly trung bình (CCLTB)	3	8	
		Chủ đề 4: Bài Tập Thể Dục (BTDD)	3	7	
3	Thể Thao Tự Chọn (TTTC)	Chủ đề : Bơi lội	3	24	
Kiểm tra đánh giá				7	
Tổng cộng				70	
Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
HỌC KỲ 1					
	1	Ném Bóng	Các động tác bổ trợ kỹ thuật ném bóng	Cách cầm bóng, tung và bắt bóng bằng một tay, hai tay.	Nhận biết được các động tác bổ trợ và cách luyện tập: cầm bóng và bắt bóng

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
1					bằng hai tay. Biết cách giữ an toàn trong luyện tập.
	2	Chạy cự li trung bình	<i>Các động tác hỗ trợ kỹ thuật chạy cự li trung bình</i>	- Các động tác hỗ trợ: Đi, chạy thở sâu theo nhịp đơn, nhịp kép; chạy theo đường hình số tám. - Trò chơi phát triển sức bền (do GV chọn)	- Nhận biết được các động tác hỗ trợ và biết cách luyện tập: Đi, chạy thở sâu theo nhịp đơn, nhịp kép; chạy theo đường hình số tám. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
2	3	Ném Bóng	<i>Các động tác hỗ trợ kỹ thuật ném bóng</i>	- Hai tay phối hợp tung và bắt bóng. - Ôn tung và bắt bóng bằng một tay, hai tay - Trò chơi phát triển sức mạnh tay-ngực.	- Nhận biết được các động tác KT hỗ trợ và cách luyện tập: Hai tay phối hợp tung và bắt bóng. - Thực hiện được động tác tung và bắt bóng bằng một tay, hai tay. - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	4	Chạy cự li trung bình	<i>Các động tác hỗ trợ kỹ thuật chạy cự li trung bình</i>	- Các động tác hỗ trợ: Chạy theo đường đích dắc, chạy luân cộc. - Trò chơi chuyển bóng nhanh qua 2 chân.	- Nhận biết được các động tác hỗ trợ và biết cách luyện tập: Chạy theo đường đích dắc, chạy luân cộc. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
3	5	Ném Bóng	<i>Các động tác hỗ trợ kỹ thuật ném bóng</i>	- Ném bóng bằng một tay trên cao. - Ôn động tác hai tay phối hợp tung và bắt bóng. - Trò chơi đội nào ném bóng xa hơn.	- Nhận biết được các động tác hỗ trợ và biết cách luyện tập: Ném bóng bằng một tay trên cao. - Thực hiện được động tác hai tay phối hợp tung và bắt bóng. - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	6	Chạy cự li trung bình	<i>Chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng</i>	- KT chạy giữa quãng trên đường thẳng. - Trò chơi phát triển sức bền (do Gv chọn).	- Nhận biết và thực hiện được KT chạy giữa quãng trên đường thẳng. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
4	7	Ném Bóng	<i>Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng</i>	- Kỹ thuật ra sức cuối cùng. - Ôn kỹ thuật ném bóng bằng một tay trên cao. - Trò chơi con sâu đo.	- Nhận biết được KT và cách luyện tập ra sức cuối cùng, biết cách giữ an toàn cho bản thân và người tập. - Thực hiện được kỹ thuật ném bóng bằng một tay trên cao. - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
		Chạy cự li trung bình	<i>Chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng</i>	- KT chạy giữa quãng trên đường vòng. - Ôn KT chạy giữa quãng trên	- Nhận biết và thực hiện được KT chạy giữa quãng trên đường vòng. - Biết cách thực hiện KT chạy giữa quãng

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	8			đường thẳng. - Trò chơi ai nhảy dây nhiều hơn.	trên đường thẳng. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
5	9	Ném Bóng	<i>Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng</i>	Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng.	- Thực hiện được kĩ thuật ra sức cuối cùng - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.
	10	Chạy cự li trung bình	<i>Chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng</i>	- Ôn KT chạy giữa quãng trên đường thẳng, vòng. - Một số điều luật cơ bản trong thi đấu Điền Kinh.	- Thực hiện được KT chạy giữa quãng trên đường thẳng, vòng. - Biết được một số điều luật cơ bản trong thi đấu Điền Kinh.
6	11	Ném Bóng	<i>Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng</i>	- Kĩ thuật giữ thăng bằng. - Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng. - Trò chơi phát triển sức mạnh tay-ngực.	- Nhận biết được KT và cách luyện tập KT giữ thăng bằng. - Thực hiện được kĩ thuật ra sức cuối cùng - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	12	Chạy cự li trung bình	<i>Xuất phát, tăng tốc độ sau xuất phát và chạy về đích</i>	- KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát. - Trò chơi phát triển sức bền (do	- Có nhận biết ban đầu về hình thái, cách thực hiện KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				GV chọn)	
7	13	Ném Bóng	<i>Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng</i>	Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng.	Thực hiện được kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng. Biết cách giữ an toàn cho bản thân và người tập.
	14	Chạy cự li trung bình	<i>Xuất phát, tăng tốc độ sau xuất phát và chạy về đích</i>	- KT chạy về đích. - Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình. - Ôn KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát. - Một số điều luật cơ bản trong thi đấu điền kinh.	- Nhận biết và thực hiện được KT chạy về đích. Biết cách phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình. - Thực hiện được KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát. - Biết được một số điều luật cơ bản trong thi đấu điền kinh.
8	15	Ném Bóng	<i>Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng</i>	- Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng. - Trò chơi phát triển sức mạnh tay-ngực.	- Thực hiện được kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng. Biết cách giữ an toàn cho bản thân và người tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	16	Chạy cự li trung bình	<i>Xuất phát, tăng tốc độ sau xuất phát và chạy về đích</i>	- Ôn KT các giai đoạn chạy cự li trung bình. - Trò chơi nhảy bao bố.	- Thực hiện được KT cách phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	17	Ném Bóng	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	- Kĩ thuật tư thế chuẩn bị chạy và chạy đà. - Trò chơi đẩy gậy.	- Nhận biết được KT và biết cách luyện tập tư thế chuẩn bị chạy và chạy đà. - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
9					dẫn của giáo viên.
	18	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (CCLTB)			
10	19	Ném Bóng	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	- Ôn kĩ thuật bị chạy và chạy đà.	- Thực hiện được kĩ thuật tư thế chuẩn bị chạy và chạy đà - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.
	20	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 11.	Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 1-11.
11	21	Ném Bóng	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	- Ôn kĩ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà. - Ôn các giai đoạn trong ném bóng	- Thực hiện được kĩ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà. - Biết cách phối hợp các giai đoạn ném bóng. - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.
	22	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 11. - Trò chơi đi qua dây.	- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
12	23	Ném Bóng	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	- Ôn kĩ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà. - Ôn các giai đoạn trong ném bóng	- Thực hiện được kĩ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà. - Phối hợp được các giai đoạn ném bóng. - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					tập.
	24	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	- Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 12 đến nhịp 23. - Ôn bài thể dục liên hoàn các nhịp đã học.	- Nhận biết được động tác từ nhịp 12- 23 và biết cách thực hiện từ nhịp 1- 23. - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu
13	25	Ném Bóng	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	- Ôn các giai đoạn ném bóng. - Một số luật cơ bản trong thi đấu ném bóng.	- Phối hợp được các giai đoạn ném bóng. - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập. - Biết được một số luật cơ bản trong thi đấu ném bóng.
	26	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 23. - Trò chơi chuyển vòng.	- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1- 23. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
14	27	Ném Bóng	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	Ôn các giai đoạn ném bóng	- Thực hiện được kĩ thuật các giai đoạn ném bóng. - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.
	28	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	- Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 24 đến nhịp 30. - Ôn BTĐ liên hoàn các nhịp đã học.	- Nhận biết được KT các động tác từ nhịp 24- 30 và cách thực hiện từ nhịp 1- 30. - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
15	29	TTTC (Võ cổ truyền)	Tám thế tấn cơ bản	+ Lập tấn + Trung bình tấn + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tá + Tạ qui tấn	- Biết tên và thực hiện được động tác: + Lập tấn + Trung bình tấn + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tấn + Tạ qui tấn
	30	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến 30.	Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1- 30. Tích cực hợp tác, học hỏi trong học tập và rèn luyện hằng ngày.
16	31	TTTC (Võ cổ truyền)	Tám thế tấn cơ bản	+ Lập tấn + Trung bình tấn + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tấn + Tạ qui tấn	- Thực hiện thuần thực: + Lập tấn + Trung bình tấn + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tấn + Tạ qui tấn
	32	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	Hoàn thiện bài TD liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 30.	Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1- 30.
17	33	TTTC (Võ cổ truyền)	Tám thế tấn cơ bản	+ Lập tấn + Trung bình tấn + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tấn + Tạ qui tấn	- Thực hiện thuần thực: + Lập tấn + Trung bình tấn + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tấn + Tạ qui tấn
	34	Chạy cự li	<i>Các động tác bổ trợ</i>	Các động tác bổ trợ kỹ thuật chạy	Nhận biết được động tác bổ trợ và biết

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
		ngắn (60m)	<i>kĩ thuật chạy cự li ngắn.</i>	cự li ngắn: Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi.	cách thực hiện KT chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi và biết cách luyện tập.
18	35	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn: Tám thế tấn cơ bản Học: Từ động tác 1 đến động tác 8	1 Lập tấn; 2. Bái tổ; 3. Trung bình tấn - Tay phải nắm thẳng; 4.Trung bình tấn - Tay trái nắm thẳng; 5. Trảo mã tấn phải – Tay phải nắm lên; 6. Đinh tấn phải - Tay trái nắm thẳng; 7. Trảo mã tấn phải – Tay phải đập lưng nắm tay xuống đất; 8. Trung bình tấn – Tay trái nắm móc vòng vào trước ngực	- Thực hiện thuần thục: Tám thế tấn cơ bản -Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 1 đến động tác 8 bài võ cổ truyền
	36	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I (Bài Thể Dục Liên Hoàn)			Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp độ.
HỌC KÌ II					
19	37	Chạy cự li ngắn (60m)	<i>Các động tác bổ trợ kĩ thuật chạy cự li ngắn.</i>	- Kĩ thuật chạy đạp sau. - Trò chơi chạy tiếp sức.	- Nhận biết được động tác bổ trợ và biết cách thực hiện KT chạy đạp sau. - Biết tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	38	TTTC (Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 8 Học từ động tác 9 đến động tác 17	9. Trảo mã tấn trái – Tay trái nắm lên 10. Đinh tấn trái – tay phải nắm thẳng 11. Trảo mã tấn trái – Tay trái đập lưng nắm tay xuống đất	- Thực hiện thuần thục: Từ động tác 1 đến động tác 8 -Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 9 đến động tác 17 bài võ cổ truyền

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				12. Trung bình tấn – Tay phải đâm móc vòng vào trước ngực 13. Đinh tấn phải – Tay phải đập lưng nắm tay phải về trước 14. Đinh tấn trái – Tay trái đập lưng nắm tay phải về trước 15. Xà tấn phải - Xoay thành trung bình tấn hai nắm tay kéo về hông 16. Trung bình tấn – Hai tay đâm thẳng về trước 17. Trảo mã tấn phải – Chỏ phải đánh ngang, chỏ trái đánh ngang (từ ngoài vào trong)	
20	39	Chạy cự li ngắn (60m)	Chạy giữa quãng	- Kỹ thuật chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập chạy cự li ngắn. - Ôn KT chạy đạp sau	- Nhận thức được KT động tác và bước đầu biết cách luyện tập Kỹ thuật chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập. - Thực hiện được KT chạy đạp sau.
	40	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 9 đến động tác 17 Học: từ động tác 18 đến động tác 24	18. Quy tấn trái – Chỏ phải cắm thẳng xuống 19. Đinh tấn trái – Chỏ trái đánh lên 20. Trảo mã tấn phải - Chỏ phải đánh ngược lên ra sau	- Thực hiện thuần thục: Từ động tác 9 đến động tác 17 -Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 18 đến động tác 24 bài võ cổ truyền

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				21. Xà tấn chỗ trái giật ngang 22. Trảo mã tấn phải – Chỗ phải đánh bật vào (căng tay đứng) 23. Đinh tấn phải – Chỗ trái đánh ngang vào 24. Trảo mã tấn trái – Chỗ trái đánh vòng cầu xuống ra sau lưng	
21	41	Chạy cự li ngắn (60m)	Chạy giữa quãng	- Ôn kĩ thuật chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập chạy cự li ngắn. - Trò chơi người thừa thứ ba.	- Thực hiện được KT chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập chạy cự li ngắn. - Biết tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	42	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 18 đến động tác 24 Học từ động tác 25 đến động tác 30	25. Chân phải đá tổng về trước 26. Chân trái đá vòng cầu vào 27. Chân phải đá tổng ngang bằng cạnh bàn Chân thành 28. Đinh tấn phải – Tay phải chém cạnh bàn thẳng xuống 29. Trảo mã tấn trái – Tay trái chém cạnh bàn vào (căng tay t/ góc với mặt đất) 30. Trảo mã tấn phải- Hai tay chém cùng lúc từ trái qua phải (bàn tay phải úp, bàn tay trái ngửa, 2 tay song song mặt đất)	- Thực hiện thuần thực: Từ động tác 18 đến động tác 24 -Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 25 đến động tác 30 bài võ cổ truyền

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
22	43	Chạy cự li ngắn (60m)	Xuất phát và chạy lao sau xuất phát	Kỹ thuật xuất phát cao.	Nhận biết được khẩu lệnh xuất phát, thứ tự thực hiện thực hiện, biết cách luyện tập.
	44	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 25 đến động tác 30 Học từ động tác 31 đến động tác 36	31. Đinh tấn trái – Hai tay nắm thẳng tới trước bằng mũi bàn tay (bàn tay trái trên, bàn tay phải dưới cách nhau 20cm) 32. Đinh tấn phải – Hai cạnh bàn tay đỡ ngang cùng lúc ra 2 bên ngang mặt (2 lòng bàn tay xoay ra ngoài, 2 cẳng tay thẳng đứng) 33. Đinh tấn trái – Hai cạnh bàn tay đánh ép cùng lúc ngang mặt (Hai lòng bàn tay xoay vào trong, 2 cẳng tay thẳng đứng) 34. Đinh tấn phải – Hai cạnh bàn tay đánh ép cùng lúc vào (trên đầu gối phải, lòng bàn tay ngửa, 2 cẳng tay song song nhau) 35. Quy tấn trái – Tay phải chém bằng cạnh bàn tay vào trên đầu gối trái (bàn tay trái ngửa, cẳng tay song song mặt đất) 36. Bái tổ lập tấn./.	- Thực hiện thuần thục: Từ động tác 25 đến động tác 30 -Biết tên và thực hiện được động tác: Từ động tác 31 đến động tác 36 bài võ cổ truyền
	45	Chạy cự li ngắn (60m)	Xuất phát và chạy lao sau xuất phát	- Kỹ thuật chạy lao sau xuất phát.	- Nhận biết được kỹ thuật và biết cách thực hiện giai đoạn chạy lao sau xuất

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
23				- Ôn kĩ thuật xuất phát cao. - Trò chơi phát triển sức nhanh.	phát. - Thực hiện được kĩ thuật xuất phát cao. - Tích cực tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	46	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Ôn từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
24	47	Chạy cự li ngắn (60m)	<i>Xuất phát và chạy lao sau xuất phát</i>	- Ôn KT xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát. - Một số điều luật cơ bản trong thi đấu ĐK.	- Thực hiện được KT xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát. - Biết được một số điều luật cơ bản nhất trong thi đấu ĐK.
	48	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Ôn từ nhịp 1 đến nhịp 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
25	49	Chạy cự li ngắn (60m)	<i>Chạy về đích</i>	- Kỹ thuật chạy về đích (chạy băng qua đích). - Trò chơi phát triển sức nhanh.	- Nhận biết được kĩ thuật của giai đoạn chạy về đích và biết cách luyện tập. - Tích cực tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	50	Chạy cự li ngắn (60m)	<i>Chạy về đích</i>	- Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn. - Trò chơi đổi bóng nhanh trên đường đích dắc.	- Biết cách phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li ngắn theo hướng dẫn. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
		Chạy cự li	<i>Chạy về đích</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn chạy	- Thực hiện được phối hợp các giai đoạn

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
26	51	ngắn (60m)		cự li ngắn. - Một số điều luật cơ bản trong thi đấu ĐK.	trong chạy cự li ngắn năng cao thành tích. - Biết được một số điều luật cơ bản nhất trong thi đấu ĐK.
	52	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Ôn từ nhịp 1 đến nhịp 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
27	53	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
	54	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (NỘI DUNG CCLN 60m)			
28	55	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
	56	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
	57	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
	58	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
29				- Trò chơi vận động (do GV chọn	
30	59	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
	60	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn)
31	61	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn)
	62	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn)
32	63	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn)
	64	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn)
	65	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
33				- Trò chơi vận động (do GV chọn	- Trò chơi vận động (do GV chọn)
	66	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn)
34	67	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (TTTC VÕ CỔ TRUYỀN)			
	68	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 1&2</i>	- Bật xa tại chỗ - Nằm ngửa gập bụng	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
35	69	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 3</i>	Chạy 30m xuất phát cao	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
	70	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 4</i>	Chạy tủy sức 5 phút	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008

1.16. MÔN GDTC 7

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
HỌC KỲ 1					
1	1	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp trong giai đoạn chạy giữa quãng</i>	- Phối hợp trong giai đoạn chạy giữa quãng. - Trò chơi phát triển sức bền	- Nhận biết được nội dung, yêu cầu trong phối hợp các hoạt động chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng. - Phối hợp được các hoạt động chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
		Nhảy xa	<i>Kĩ thuật giậm</i>	Giậm nhảy và bước bộ.	- Nhận biết được mục đích, nội dung, yêu

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	2	kiểu ngồi	<i>nhảy và bước bộ.</i>		cầu và cách luyện tập kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ. - Tích cực, chủ động trong luyện tập và giúp đỡ bạn.
2	3	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp trong giai đoạn chạy giữa quãng</i>	- Hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình và cách khắc phục. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Nhận biết được hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình và cách khắc phục. - Phối hợp được các hoạt động chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng và cách khắc phục hiện tượng “cực điểm” xảy ra khi chạy CLTB. - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	4	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.</i>	- Ôn kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Thực hiện được kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ. - Tích cực, chủ động trong luyện tập và giúp đỡ bạn. - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
3	5	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp trong giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát</i>	- Phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Nhận biết được nội dung, yêu cầu phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát; biết cách luyện tập. - Phối hợp được giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát. - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	6	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ</i>	- Ôn kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ - Một số điều luật trong thi đấu điền kinh.	- Thực hiện được kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ. - Biết được số điều luật trong thi đấu điền kinh.
4	7	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp trong giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát</i>	Phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát.	- Phối hợp được giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát. - Chủ động lựa chọn các bài tập phù hợp với bản thân để RLTT.
	8	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật chạy đà và giậm nhảy.</i>	- Cách đo đà và chạy đà - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được cách đo, chạy đà trong nhảy xa kiểu ngồi. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
5	9	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp trong giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát</i>	- Ôn phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát. - Một số điều luật trong thi đấu điền kinh.	- Phối hợp được giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát. - Biết được một số điều luật trong thi đấu điền kinh.
	10	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật chạy đà và giậm nhảy.</i>	- Ôn cách đo đà và chạy đà - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Biết cách thực hiện kỹ thuật đo và chạy đà trong nhảy xa kiểu ngồi. Nỗ lực hoàn thành các bài tập vận động, tích cực hợp tác trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
6	11	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.</i>	- Phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Nhận biết được nội dung, yêu cầu về phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	12	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật chạy đà và giậm nhảy.</i>	Ôn cách đo đà và chạy đà.	- Thực hiện được kỹ thuật đo đà chạy đà, phối hợp giậm nhảy và bước bộ. - Tích cực, tự giác trong luyện tập.
7	13	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.</i>	- Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình.	- Thực hiện được các yêu cầu về phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích; phối hợp được các giai đoạn chạy cự li trung bình. - Chủ động, kiên trì, tích cực, tự giác trong luyện tập.
	14	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.</i>	- Kỹ thuật bay trên không. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được kỹ thuật và cách luyện tập giai đoạn bay trên không. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
8	15	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	16	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.</i>	- Ôn kỹ thuật bay trên không. - Kỹ thuật rơi xuống cát.	- Thực hiện và phối hợp được kỹ thuật giai đoạn bay trên không và rơi xuống đất. - Tích cực, chủ động trong luyện tập. - Chủ động, nghiêm túc giữ gìn an toàn trong luyện tập.
	17	Chạy cự li trung	<i>Phối hợp các giai đoạn trong chạy</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình.	- Thực hiện được các yêu cầu về phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích;

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
9		bình	<i>cự li trung bình.</i>		phối hợp được các giai đoạn chạy cự li trung bình. - Chủ động, kiên trì, tích cực, tự giác trong luyện tập.
	18	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.</i>	- Ôn kỹ thuật rơi xuống cát. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Thực hiện và phối hợp được kỹ thuật giai đoạn bay trên không và rơi xuống đất. - Chủ động, nghiêm túc giữ gìn an toàn trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
10	19	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.</i>	- Ôn kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Thực hiện và phối hợp được kỹ thuật giai đoạn bay trên không và rơi xuống đất. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	20	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (CCLTB)			
11	21	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi</i>	- Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được nội dung và cách luyện tập phối hợp các giai đoạn của kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	22	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 1 đến nhịp 10)</i>	- Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 10. - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 1- 10. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
		Nhảy xa	<i>Phối hợp các giai</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn	- Biết cách phối hợp các giai đoạn của kỹ

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
12	23	kiểu ngồi	<i>đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi</i>	kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.	thuật nhảy xa kiểu ngồi. - Tích cực, chủ động trong luyện tập
	24	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 1 đến nhịp 10)</i>	- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 10. - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh. - Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
13	25	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Phối hợp được các giai đoạn của kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	26	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 11 đến nhịp 20)</i>	Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 11 đến nhịp 20.	- Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 11- 20. - Tích cực, tự giác trong luyện tập.
14	27	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi. - Một số điều luật trong thi đấu điền kinh.	- Phối hợp được các giai đoạn của kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi. - Tích cực, chủ động trong luyện tập - Biết được một số điều luật trong thi đấu điền kinh.
	28	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 11 đến nhịp 20).</i>	- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 20. - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh. - Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					cầu của giáo viên.
15	29	TTTC (Bóng chuyên)	<i>Kĩ thuật đệm bóng bằng hai tay</i>	Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân	Thực hiện được đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân
	30	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 21 đến nhịp 30).</i>	- Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 21 đến nhịp 30. - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 21- 30. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
16	31	TTTC (Bóng chuyên)	<i>Kĩ thuật đệm bóng bằng hai tay</i>	Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân	Thực hiện được đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân
	32	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 21 đến nhịp 30).</i>	- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 30. - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh. - Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
17	33	TTTC (Bóng chuyên)	<i>Kĩ thuật đệm bóng bằng hai tay</i>	Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân	Thực hiện được đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân
	34	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 1 đến nhịp 30).</i>	- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 30.	- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1 đến 30. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				- Trò chơi phát triển khéo léo.	tranh ảnh. - Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
18	35	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	- Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
	36	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I (Bài Thể Dục Liên Hoàn)			Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp độ.
19	37	Chạy cự ly ngắn	<i>Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.</i>	- Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được nội dung, yêu cầu hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	38	TTTC (Bóng	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay</i>	- Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay(Một người

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
		chuyên)	. Phát bóng thấp tay chính diện	đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
20	39	Chạy cự ly ngắn	Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.	- Một số điểm lưu ý về kỹ thuật trong xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được nội dung và biết cách thực hiện về kỹ thuật trong xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	40	TTTC (Bóng chuyên)	Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện	- Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
		Chạy cự	Phối hợp trong	- Phối hợp chạy lao sau xuất	- Nhận biết được nội dung yêu cầu phối

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
21	41	ly ngắn	<i>giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	phát và chạy giữa quãng. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	hợp giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	42	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	- Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
22	43	Chạy cự ly ngắn	<i>Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	- Một số điểm lưu ý về kỹ thuật trong phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Biết cách thực hiện kỹ thuật trong phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	44	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	- Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
23	45	Chạy cự ly ngắn	<i>Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	- Ôn phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Một số điều luật trong thi đấu điền kinh.	- Biết cách phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Biết được số điều luật trong thi đấu điền kinh.
	46	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	- Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
24	47	Chạy cự ly ngắn	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)</i>	- Phối hợp chạy giữa quãng và về đích. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được nội dung, yêu cầu luyện tập phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	48	TTTC (Bóng chuyên)	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	- Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
25	49	Chạy cự ly ngắn	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)</i>	- Phối hợp các giai đoạn chạy cự ly ngắn (60m). - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Thực hiện và phối hợp được các giai đoạn của chạy cự li ngắn (60m). - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	50	TTTC (Bóng chuyên)	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	- Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay(Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
26	51	Kiểm tra giữa kì II	Chạy cự ly ngắn 60m	- Chạy tốc độ nhanh cự ly ngắn 60m	- Biết cách phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự ly ngắn (60m). - Chạy hết cự ly quy định
	52	TTTC (Bóng chuyền)	Ôn kĩ thuật di chuyển, kĩ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	- Thực hiện được và thuần thục: Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.
27	53	TTTC (Bóng chuyền)	Ôn kĩ thuật di chuyển, kĩ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	- Thực hiện được và thuần thục: Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.
	54	TTTC (Bóng chuyền)	Ôn kĩ thuật di chuyển, kĩ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	- Thực hiện được và thuần thục: Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.
28					
	55, 56	TTTC (Bóng chuyền)	Ôn kĩ thuật di chuyển, kĩ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	- Thực hiện được và thuần thục: Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.
	57	TTTC (Bóng chuyền)	Ôn kĩ thuật di chuyển, kĩ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	- Thực hiện được và thuần thục: Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.
		TTTC	Ôn kĩ thuật di	Kĩ thuật di chuyển, chuyền	- Thực hiện được và thuần thục:

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
29	58	(Bóng chuyền)	<i>chuyển, kĩ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</i>	bóng cao tay bằng hai tay.	Kĩ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.
30	59	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
	60	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
31	61	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
	62	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
32	63	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
	64	TTTC (Bóng	<i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát</i>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
		chuyên)	<i>bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	thấp tay nghiêng mình.	bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
33	65	TTTC (Bóng chuyên)	<i>Chuyên bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	Chuyên bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyên bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
	66	TTTC (Bóng chuyên)	<i>Chuyên bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	Chuyên bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyên bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
34	67	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (TTTC Bóng Chuyên)			
	68	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 1&2</i>	- Bật xa tại chỗ - Nằm ngửa gập bụng	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
35	69	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 3</i>	Chạy 30m xuất phát cao	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
	70	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 4</i>	Chạy tuỷ sức 5 phút	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008

1.17. MÔN GDTC 8

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
HỌC KỲ 1					
	1	Chạy cự li trung bình	<i>Bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng.</i>	- Bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng.	- Nhận biết được mục đích, tác dụng và thực hiện được các bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng và cách tập luyện.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
1				- Trò chơi phát triển sức bền	- Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	2	Nhảy cao kiểu bước qua.	Kỹ thuật giậm nhảy đá lăng.	- Giậm nhảy đá lăng. - Một số động tác hỗ trợ giậm nhảy đá lăng.	- Nhận biết được mục đích, nội dung, yêu cầu trong luyện tập kỹ thuật giậm nhảy đá lăng. - Thực hiện được các động tác hỗ trợ giậm nhảy đá lăng.
2	3	Chạy cự li trung bình	Bài tập hỗ trợ trong chạy giữa quãng.	- Khắc phục hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Biết cách khắc phục hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình. - Kiên trì, nỗ lực khắc phục mệt mỏi trong luyện tập. - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	4	Nhảy cao kiểu bước qua.	Kỹ thuật giậm nhảy đá lăng.	- Ôn kỹ thuật giậm nhảy đá lăng. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Thực hiện được kỹ thuật giậm nhảy đá lăng. - Chủ động trong học tập và đảm bảo an toàn luyện tập. - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
3	5	Chạy cự li trung bình	Bài tập hỗ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.	- Bài tập hỗ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Hiểu được mục đích, tác dụng của bài tập hỗ trợ xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát. - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	6	Nhảy cao kiểu bước qua.	Kỹ thuật giậm nhảy đá lăng.	- Ôn kỹ thuật giậm nhảy đá lăng. - Một số điều luật trong thi đấu nhảy cao. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Biết tự sửa sai cho nhau khi thực hiện kỹ thuật giậm nhảy đá lăng. - Biết được số điều luật trong thi đấu nhảy cao. - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					của giáo viên.
4	7	Chạy cự li trung bình	<i>Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.</i>	- Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Biết cách luyện tập các bài tập bổ trợ xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát. - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	8	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kỹ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.</i>	- Cách xác định hướng chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được hướng chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
5	9	Chạy cự li trung bình	<i>Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.</i>	- Một số điều luật thi đấu chạy cự li trung bình. - Trò chơi phát triển sức bền	- Biết một số điều luật thi đấu chạy cự ly trung bình, vận dụng trong luyện tập và thi đấu. Chủ động học hỏi và giúp đỡ bạn. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	10	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kỹ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.</i>	- Ôn hướng chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà. - Kỹ thuật chạy đà và kết hợp với giậm nhảy.	- Biết cách luyện tập chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà. - Nhận biết kỹ thuật chạy đà và kết hợp với giậm nhảy.
6	11	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.</i>	- Phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập các bài tập phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	12	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kỹ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.</i>	- Ôn kỹ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.	- Thực hiện được kỹ thuật chạy đà, kết hợp giậm nhảy. Hoàn thành LVD - Sẵn sàng giúp đỡ và chia sẻ kinh nghiệm học tập với các bạn.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				- Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
7	13	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.</i>	- Phối hợp các giai đoạn của kĩ thuật chạy cự ly trung bình. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập các bài tập phối hợp các giai đoạn chạy cự ly trung bình. - Hoàn thành được LVD của các bài tập trong quá trình luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	14	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).</i>	- Kĩ thuật trên không. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được kĩ thuật trên không trong nhảy cao kiểu bước qua. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
8	15	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn chạy cự ly trung bình. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	16	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).</i>	- Ôn kĩ thuật trên không. Kĩ thuật rơi xuống cát (đệm). - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được kĩ thuật rơi xuống cát (đệm). Biết cách phối hợp kĩ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm). - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
9	17	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Biết cách phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình. - Chủ động, tích cực, rèn luyện sức bền để nâng cao sức khỏe. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					giáo viên.
	18	Nhảy cao kiểu bước qua.	Kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).	- Ôn kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm). - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Thực hiện và phối hợp được kỹ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống cát (đệm). - Có sự phát triển về năng lực phối hợp vận động và nhịp điệu. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
10	19	Nhảy cao kiểu bước qua.	Kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).	- Ôn kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm). - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Thực hiện và phối hợp được kỹ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống cát (đệm). Thường xuyên tự học và RLTT. - Tích cực, chủ động trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	20	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (CCLTB)			
11	21	Nhảy cao kiểu bước qua.	Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua.	- Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được nội dung và cách luyện tập phối hợp các giai đoạn của kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	22	Bài Tập Thể Dục	Bài thể dục nhịp điệu (động tác chạy tại chỗ, tay ngực, vươn người, bật tách chụm chân).	- Động tác chạy tại chỗ - Động tác tay ngực - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện động tác chạy tại chỗ và tay ngực. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	23	Nhảy cao kiểu bước qua.	Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua.	- Ôn phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua.	- Biết cách tự luyện tập phối hợp các giai đoạn của kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua. - Tích cực, chủ động trong luyện tập.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
12				- Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	24	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác chạy tại chỗ, tay ngực, vươn người, bật tách chụm chân).</i>	- Ôn động tác chạy tại chỗ và tay ngực. - Động tác vươn người, động tác bật tách chụm chân. - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. - Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác vươn người, động tác bật tách chụm chân. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
13	25	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Biết cách tự luyện tập phối hợp các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua. Có sự phát triển về sức mạnh bật phát, năng lực phối hợp vận động và nhịp điệu. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	26	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác chạy tại chỗ, tay ngực, vươn người, bật tách chụm chân).</i>	- Ôn động tác chạy tại chỗ và tay ngực, vươn người và động tác bật tách chụm chân. - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được động tác chạy tại chỗ và tay ngực, vươn người và động tác bật tách chụm chân. Biết điều khiển và nhận xét được kết quả luyện tập của các nhóm. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
14	27	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua. - Một số điều luật trong thi đấu nhảy cao.	- Biết cách tự luyện tập phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua. - Chủ động tìm kiếm, tra cứu thông tin môn học. - Biết được một số điều luật trong nhảy cao để luyện tập và thi đấu.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	28	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).</i>	- Động tác lườn, bật nhảy co gối - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác lườn, bật nhảy co gối. Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
15	29	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật dẫn bóng</i>	- Luân phiên dẫn bóng cao, thấp tay. - Trò chơi vận động	- Biết được mục đích, tác dụng và cách luyện tập các kỹ thuật dẫn bóng cao, thấp tay. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	30	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).</i>	- Ôn động tác đã học - Động tác di chuyển chéo, bật nhảy- tay cao. - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện động tác đã học. Biết điều khiển và nhận xét được kết quả luyện tập của các nhóm. - Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác di chuyển chéo, bật nhảy- tay cao. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
16	31	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật dẫn bóng</i>	- Ôn luân phiên dẫn bóng cao, thấp tay. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kỹ thuật dẫn bóng cao, thấp tay. Tích cực, tự giác trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	32	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).</i>	- Ôn các động tác đã học - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được các động tác đã học. Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
		TTTC	<i>Kỹ thuật dẫn bóng</i>	- Dẫn bóng quay trước sang phải,	- Biết được mục đích, tác dụng và cách luyện

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
17	33	(Bóng rổ)		sang trái. - Trò chơi vận động.	tập các kĩ thuật dẫn bóng quay trước sang phải, sang trái. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	34	Bài Tập Thể Dục	Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).	- Ôn các động tác đã học - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được các động tác đã học. Có sự phát triển về năng lực liên kết vận động, năng lực nhịp điệu - Chủ động, tích cực sử dụng Bài tập thể dục nhịp điệu để RLSK. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
18	35	TTTC (Bóng rổ)	Kĩ thuật dẫn bóng	- Ôn dẫn bóng quay trước sang phải, sang trái. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kĩ thuật dẫn bóng quay trước sang phải, sang trái. Tích cực, tự giác trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	36	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I (Bài Thể Dục nhịp điệu)			Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp độ.
19	37	Chạy cự ly ngắn (100m)	Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.	- Bố trí bàn đạp và cách đóng bàn đạp. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được, yêu cầu vị trí và cách đóng bàn đạp. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	38	TTTC (Bóng rổ)	Kĩ thuật dẫn bóng	- Dẫn bóng quay sau sang phải, sang trái. - Trò chơi vận động	- Biết được mục đích, tác dụng và cách luyện tập các kĩ thuật dẫn bóng quay sau sang phải, sang trái. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					giáo viên.
20	39	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.</i>	- Kỹ thuật xuất phát thấp. - Trò chơi phát triển sức nhanh.	- Nhận biết được nội dung và biết cách luyện tập kỹ thuật xuất phát thấp. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	40	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật dẫn bóng</i>	- Ôn dẫn bóng quay sau sang phải, sang trái. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kỹ thuật quay sau sang phải, sang trái. Tích cực, tự giác trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
21	41	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.</i>	- Kỹ thuật chạy lao sau xuất phát. -- Trò chơi phát triển sức nhanh.	- Nhận biết được nội dung và biết cách luyện tập kỹ thuật chạy lao sau xuất phát. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	42	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật dẫn bóng</i>	- Ôn: Dẫn bóng cao, thấp tay; dẫn bóng quay trước, sau sang phải sang trái. - Trò chơi vận động.	- Thực hiện được các kỹ thuật dẫn bóng. Tích cực, tự giác trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
22	43	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	- Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Trò chơi phát triển sức nhanh	- Biết cách phối kỹ thuật chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. Có sự phát triển về sức mạnh tốc độ. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	44	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật dẫn bóng</i>	- Ôn các kỹ thuật đã học	- Thực hiện được các kỹ thuật dẫn bóng. Tích cực chủ động trong phối hợp nhóm, tổ. - Biết được một số điều luật thi đấu bóng rổ

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				- Một số điều luật trong thi đấu bóng rổ.	
23	45	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	- Ôn phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Trò chơi phát triển sức nhanh	- Thực hiện được kĩ thuật phối chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. Có sự phát triển về sức mạnh tốc độ và năng lực phối hợp vận động. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	46	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.</i>	- Kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng hai tay trên đầu. - Trò chơi vận động.	- Hiểu được mục đích tác dụng và cách luyện tập kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng hai tay trên đầu và cách luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
24	47	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	- Ôn phối hợp xuất phát, chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Một số điều luật trong thi đấu chạy cự li ngắn. - Trò chơi phát triển sức nhanh	- Thực hiện được kĩ thuật phối chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. Chủ động và nỗ lực hoàn thành nội dung học tập. - Biết được số điều luật trong thi đấu chạy cự li ngắn. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	48	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kĩ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.</i>	- Ôn kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng hai tay trên đầu. - Trò chơi vận động	- Thực hiện được kĩ thuật tại chỗ chuyền bóng hai tay trên đầu và cách luyện tập. - Tích cực, chủ động hợp tác với bạn bè. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	49	Chạy cự ly ngắn	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li</i>	- Phối hợp giữa chạy giữa quãng và chạy về đích.	- Biết cách luyện tập phối hợp giữa chạy giữa quãng và chạy về đích.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
25		(100m)	<i>ngắn.</i>	- Trò chơi phát triển sức nhanh	- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	50	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.</i>	- Kỹ thuật tại chỗ bắt bóng hai tay trên đầu. - Trò chơi vận động	- Hiểu được mục đích tác dụng và cách luyện tập kỹ thuật tại chỗ bắt bóng hai tay trên đầu và cách luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
26	51	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.</i>	- Phối hợp các giai đoạn chạy cự ly ngắn. - Trò chơi phát triển sức nhanh.	- Biết cách luyện tập phối hợp các giai đoạn cự ly ngắn. Biết điều khiển tổ, nhóm luyện tập và nhận xét kết quả. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	52	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.</i>	- Ôn kỹ thuật tại chỗ bắt bóng hai tay trên đầu. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kỹ thuật tại chỗ bắt bóng hai tay trên đầu. - Tích cực, chủ động hợp tác với bạn bè. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
27	53	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (100m) - Trò chơi phát triển sức nhanh.	- Phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự li ngắn. Có sự phát triển về thể lực, sức mạnh tốc độ, khả năng duy trì các bước chạy. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	54	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.</i>	- Ôn kỹ thuật tại chỗ chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu. - Trò chơi vận động	- Thực hiện được kỹ thuật tại chỗ chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu. Biết điều khiển tổ, nhóm và nhận xét kết quả luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
28	55	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (NỘI DUNG CCLN 100m)			
	56	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.</i>	- Bài tập phối hợp đồng đội - Trò chơi vận động	- Nhận biết được cấu trúc bài tập phối hợp đồng đội và cách luyện tập. Biết điều khiển tổ, nhóm và nhận xét kết quả luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
29	57	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.</i>	- Bài tập phối hợp đồng đội. - Trò chơi vận động.	- Thực hiện được một số bài tập phối hợp đồng đội theo yêu cầu của giáo viên. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	58	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật chuyền và bắt bóng hai tay trên đầu.</i>	- Bài tập phối hợp đồng đội - Trò chơi vận động	- Thực hiện được một số bài tập phối hợp đồng đội, xử lý được một số tình huống phối hợp đồng đội. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
30	59	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.</i>	- Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp. - Trò chơi vận động	- Hiểu được cấu trúc kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp và cách luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	60	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.</i>	- Ôn kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	61	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.</i>	- Ôn kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp. - Trò chơi vận động	- Thực hiện được kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp. Có sự phát triển về thể lực và năng lực liên kết động tác. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
31					giáo viên.
	62	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.</i>	- Bài tập phối hợp đồng đội - Trò chơi vận động	- Nhận biết được cấu trúc bài tập phối hợp đồng đội và cách luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
32	63	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.</i>	- Bài tập phối hợp đồng đội - Bài tập bổ trợ - Trò chơi vận động	- Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội theo yêu cầu của giáo viên. - Thực hiện được các bài tập bổ trợ theo yêu cầu giáo viên. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	64	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.</i>	- Bài tập phối hợp đồng đội - Trò chơi vận động	- Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội theo yêu cầu của giáo viên. Xử lý linh hoạt một số tình huống phối hợp đồng đội. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
33	65	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.</i>	- Bài tập phối hợp đồng đội - Trò chơi vận động	- Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội, xử lý được một số tình huống trong phối hợp đồng đội. - Thực hiện được các bài tập bổ trợ theo yêu cầu của giáo viên.
	66	TTTC (Bóng rổ)	<i>Kỹ thuật hai bước ném rổ một tay dưới thấp.</i>	- Bài tập phối hợp đồng đội - Trò chơi vận động	- Thực hiện được các bài tập phối hợp đồng đội, xử lý được một số tình huống trong phối hợp đồng đội. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	67	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (TTTC Bóng Rổ)			

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
34	68	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 1&2</i>	- Bật xa tại chỗ - Nằm ngửa gập bụng	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
35	69	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 3</i>	Chạy 30m xuất phát cao	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
	70	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 4</i>	Chạy tùy sức 5 phút	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008

1.18. MÔN THỂ DỤC 9

STT	Bài học (1)	Tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Gợi ý Hình thức/địa điểm dạy học	Gợi ý Hướng dẫn thực hiện
1	- Lý thuyết TD 9: Một số hướng dẫn tập luyện sức bền (mục 1). Lập phiếu điều tra sức khỏe.	1	- Học sinh biết được một số phương pháp luyện tập sức bền	Sân thể dục	
2	- Lý thuyết TD 9: Một số hướng dẫn tập luyện sức bền (mục 2). - Biên chế lớp: Chọn ban cán sự, phân chia tổ nhóm, quy định học tập bộ môn. - Mục tiêu, nội dung chương trình TD 9 (tóm tắt)	2	- Cơ bản nắm được mục tiêu chương trình thể dục lớp 9. - Biết được các yêu cầu trong quá trình học tập. - Tự trang bị cho mình kiến thức về phương pháp luyện tập sức bền	Sân thể dục	
3	- Bài TD :; Học từ nhịp 1 - 10 Bài thể dục phát triển chung (nam, nữ riêng). - Chạy ngắn: Trò chơi phát triển sức nhanh (do GV chọn); - Học xuất phát từ nhiều tư thế khác nhau: Đứng mặt, vai hoặc	3	- Tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 10 nam nữ riêng - Tích cực tham gia trò chơi theo YC của giáo viên. - Thực hiện được các tư thế xuất phát trong chạy ngắn	-Sân Thể dục	

	lưng hướng chạy.				
4	- Ôn Trò chơi "Chạy tiếp sức con thoi"; Tư thế sẵn sàng xuất phát. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên, giới thiệu hiện tượng "cực điểm" và cách khắc phục.	4	- Tích cực tham gia trò chơi theo YC của giáo viên. Thực hiện được tư thế sẵn sàng xuất phát. - Tự khắc phục được hiện tượng “Cực điểm” trong quá trình chạy bền.	-Sân Thể dục	
5	- Bài TD: Ôn từ nhịp 1 - 10 Bài thể dục phát triển chung (nam, nữ riêng); học mới từ nhịp 11 – 19(nam) và từ nhịp 11 - 19(nữ). - Chạy ngắn: Trò chơi "Chạy đuổi"; Ngồi mặt hướng chạy - Xuất phát, tư thế sẵn sàng xuất phát.	5	- Tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 10 nam nữ riêng một cách tốt nhất. Biết cách thực hiện từ nhịp 11 đến 19 - Tích cực tham gia trò chơi theo YC của giáo viên. Biết cách thực hiện được các tư thế ngồi mặt hướng chạy - Xuất phát, tư thế sẵn sàng xuất phát.	-Sân Thể dục	
6	- Bài TD: Ôn từ nhịp 1–19 của nam và từ nhịp 1 – 19 của nữ. - Chạy ngắn: Ôn chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau; Tại chỗ đánh tay. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên, giới thiệu hiện tượng "chuột rút" và cách khắc phục.	6	- Tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 19 nam nữ riêng một cách tốt nhất - HS thực hiện được KT chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau; Tại chỗ đánh tay - Tự khắc phục được hiện tượng “Chuột rút” trong quá trình chạy bền.	-Sân Thể dục	
7	- Bài TD : Ôn từ nhịp 1 – 19 bài TD của nam và nữ; Học mới từ nhịp 20 – 25 của nam và nữ	7	- Tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 19. Biết cách thực hiện từ nhịp 20	-Sân Thể dục (	

	- Chạy ngắn: Giới thiệu một số điều luật của nội dung chạy ngắn.		đến 25 - HS biết được một số điều luật của nội dung chạy ngắn.		
8	- BàiTD : Ôn từ nhịp 1 - 25 Bài thể dục phát triển chung (nam, nữ riêng). - Chạy ngắn: Ôn chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau; Xuất phát cao chạy nhanh. - Chạy bền:Giới thiệu hiện tượng choáng, ngất và cách khắc phục.	8	- Tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp1 đến nhịp 25 nam nữ riêng một cách tốt nhất. HS biết cách thực hiện chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau; Xuất phát cao chạy nhanh. - Tự khắc phục được hiện tượng “Choáng, ngất” trong quá trình chạy bền.	-Sân Thể dục	
9	- Bài TD: Ôn từ nhịp 1 - 25(nam), từ nhịp 1-25 (nữ); Học: từ nhịp 26 – 29 (nữ) và nhịp 26 – 36(nam) - Chạy ngắn: Ôn chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau; Xuất phát cao chạy nhanh, ngồi vai hướng chạy – xuất phát, ngồi lưng hướng chạy - xuất phát.	9	- Tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 26 - Biết cách thực hiện từ nhịp 26 đến 29 của nam và đến 36 của nữ. - Thực hiện được các tư chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau; Xuất phát cao chạy nhanh, ngồi vai hướng chạy – xuất phát, ngồi lưng hướng chạy - xuất phát.	-Sân Thể dục	
10	- BàiTD: Ôn bài TD từ nhịp1 36(nam), từ nhịp 1 - 29 (nữ) - Chạy ngắn: Ôn Xuất phát cao - chạy nhanh (cự li 40 - 60m); Kỹ thuật xuất phát thấp - chạy lao (18 - 20m).	10	- HS thực hiện được bài TD từ nhịp 1 - 36 (nam), từ nhịp 1 - 29 (nữ) - HS biết cách thực hiện được các KT và động tác bổ trợ theo YC của GV - Tự điều chỉnh tốc độ và	-Sân Thể dục	

	- Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.		phân phối sức trên đường chạy		
11	- Bài TD:Ôn bài TD từ nhịp 1 - 36 (nam), từ nhịp 1 - 29 (nữ); Học: từ nhịp30– 36 (nữ). - Chạy ngắn:Ôn một số bài tập bổ trợ do GV chọn , trò chơi "Chạy tiếp sức con thoi"; Kỹ thuật xuất phát thấp - chạy lao.	11	- HS thực hiện được bài TD từ nhịp 1 - 36 (nam), từ nhịp 1 - 29 (nữ). Biết cách thực hiện từ nhịp 30 đến 36 của nữ. - Thực hiện được các tư thế xuất phát trong chạy ngắn, một số động tác bổ trợ, thực hiện được xuất phát thấp - chạy lao.	-Sân Thể dục	
12	- Bài TD:Ôn bài TD từ nhịp 1 - 36 (nam), từ nhịp 1 - 36 (nữ); Học: từ nhịp37– 45 (nam). - Chạy ngắn:Ôn Xuất phát thấp - chạy lao và chạy giữa quãng (cự li 50m). - Chạy bền:Chạy trên địa hình tự nhiên	12	- Tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp1 đến nhịp 36 của nữ và nam. Biết cách thực hiện từ nhịp 37 đến 45 của nam. - HS biết cách thực hiện xuất phát thấp - chạy lao và chạy giữa quãng (cự li 50m). - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục	
13	- Bài TD:Ôn bài TD từ nhịp 1 - 45 (nam), từ nhịp 1 - 36 (nữ); Học: từ nhịp37– 45 (nữ). - Chạy ngắn:Một số động tác bổ trợ kỹ thuật, trò chơi "Lò cò tiếp sức" hoặc doGV chọn; Xuất phát thấp - chạylao - Chạy bền:Chạy giữa quãng (60m); Học:Chạy về đích và	13	- HS tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 45 của nam và 36 của nữ. Biết cách thực hiện từ nhịp 37 đến 45 của nữ - Học sinh tích cực tham gia trò chơi theo Yc của GV. - Biết cách thực hiện KT về đích và đánh đích.	-Sân Thể dục	

	đánh đích.				
14	- Bài TD: Ôn bài thể dục phát triển chung (nam, nữ riêng). - Chạy ngắn: Ôn một số bài tập phát triển sức nhanh, chạy bước nhỏ, chạy đạp sau; Xuất phát thấp - chạy lao - Chạy giữa quãng (50m) hoặc do GV chọn; Giới thiệu một số điểm cơ bản của Luật điền kinh (phần chạy cự li ngắn). - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	14	- Tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 45 của nữ và nam một cách tốt nhất - Thực hiện được các tư thế xuất phát trong chạy ngắn, một số động tác bổ trợ, thực hiện được xuất phát thấp - chạy lao- chạy giữa quãng. - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục	
15	- Bài TD: Bài thể dục phát triển chung (nam, nữ riêng). - Chạy ngắn: Ôn một số bài tập phát triển sức nhanh, chạy bước nhỏ, chạy đạp sau; Xuất phát thấp - chạy lao – Chạy giữa quãng (50m) hoặc do GV chọn.	15	- HS tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 45 của nữ và nam một cách tốt nhất - Thực hiện được các tư thế xuất phát trong chạy ngắn, một số động tác bổ trợ, thực hiện được xuất phát thấp - chạy lao- chạy giữa quãng.	-Sân Thể dục	
16	- Bài TD: Bài thể dục phát triển chung (nam, nữ riêng). - Chạy ngắn: Ôn một số bài tập phát triển sức nhanh, chạy bước nhỏ, chạy đạp sau; Xuất phát thấp - chạy lao - Chạy giữa quãng (50m); Giới thiệu một số điểm cơ bản của Luật điền kinh (phần chạy cự li ngắn). - Chạy bền: Chạy trên địa hình	16	- HS tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 45 của nữ và nam một cách tốt nhất - HS thực hiện được một số bài tập phát triển sức nhanh, chạy bước nhỏ, chạy đạp sau; - Biết được một số điểm cơ bản của Luật điền kinh (phần chạy cự li ngắn).	-Sân Thể dục (Hố nhảy)	

	tự nhiên		- Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy		
17	- Bài TD: Ôn Bài thể dục phát triển chung(nam, nữ riêng) - Chạy ngắn:Ôn một số bài tập phát triển sức nhanh, chạy bước nhỏ, chạy đạp sau;	17	- HS tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 45 của nữ và nam một cách tốt nhất - Thực hiện được các tư thế xuất phát trong chạy ngắn, một số động tác bổ trợ, thực hiện được xuất phát thấp - chạy lao- chạy giữa quãng	-Sân Thể dục	
18	- Bài TD: Ôn Bài thể dục phát triển chung (nam, nữ riêng). - Chạy ngắn:Ôn một số bài tập phát triển sức nhanh, chạy bước nhỏ, chạy đạp sau; Xuất phát thấp - chạy lao - Chạy giữa quãng (50m); Giới thiệu một số điểm cơ bản của Luật điền kinh (phần chạy cự li ngắn). - Chạy bền :Chạy trên địa hình tự nhiên	18	- HS tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 45 của nữ và nam một cách tốt nhất - HS thực hiện được một số bài tập phát triển sức nhanh, chạy bước nhỏ, chạy đạp sau; - Biết được một số điểm cơ bản của Luật điền kinh (phần chạy cự li ngắn). - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục	
19	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I: Bài TD	19	- HS tự thực hiện động bài thể dục từ nhịp 1 đến nhịp 45 của nữ và nam một cách tốt nhất	-Sân Thể dục	
20	-Chạy ngắn: Ôn một số bài tập, trò chơi phát triển sức nhanh do GV chọn; Chạy bước nhỏ,	20	- HS tích cực tham gia trò chơi theo Ýc của giáo viên.	-Sân Thể dục	

	chạy đạp sau; Xuất phát thấp - chạy lao - chạy giữa quãng - về đích (60m). - Nhảy xa: Học phối hợp chạy đà 3 - 5 bước - giậm nhảy (vào ván giậm); Một số động tác hỗ trợ, bài tập phát triển sức mạnh chân (do GV chọn). - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.		Tự thực hiện các giai đoạn Xuất phát thấp - chạy lao - chạy giữa quãng - về đích (60m). - HS biết cách thực hiện phối hợp chạy đà 3 - 5 bước - giậm nhảy (vào ván giậm); Một số động tác hỗ trợ, bài tập phát triển sức mạnh chân - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy		
21	- Chạy ngắn: Ôn một số bài tập, trò chơi phát triển sức nhanh do GV chọn; Xuất phát thấp - chạy lao - chạy giữa quãng - về đích (60m). - Nhảy xa: Ôn Chạy đà 3 - 5 bước phối hợp giậm nhảy - trên không; Một số động tác hỗ trợ các giai đoạn chạy đà - giậm nhảy - "bước bộ" trên không (do GV chọn).	21	- Thực hiện được các tư thế xuất phát trong chạy ngắn, một số động tác hỗ trợ, thực hiện được xuất phát thấp - chạy lao - chạy giữa quãng - về đích - Thực hiện được phối hợp chạy đà - giậm nhảy và các động tác hỗ trợ một cách tốt nhất	-Sân Thể dục	
22	- Chạy ngắn: Ôn Xuất phát thấp - chạy lao - chạy giữa quãng - về đích (60m); một số bài tập, trò chơi phát triển sức nhanh (do GV chọn). - Nhảy xa: Ôn phối hợp Chạy đà 3 - 5 bước - giậm nhảy - "bước bộ" và tiếp đất bằng chân lạng; Một số động tác hỗ trợ	22	- HS thực hiện được xuất phát thấp - chạy lao - chạy giữa quãng - về đích. Tích cực tham gia trò chơi theo YC của GV. - Thực hiện được phối hợp chạy đà - giậm nhảy và các động tác hỗ trợ một cách tốt nhất	-Sân Thể dục	

	trợ kĩ thuật giậm nhảy, - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.		- Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy		
23	- Chạy ngắn: Ôn một số bài tập, trò chơi phát triển sức nhanh; Xuất phát thấp - chạy lao - chạy giữa quãng - về đích (60m), có thể kiểm tra thử (do GV chọn). - Nhảy xa: Ôn Chạy đà - giậm nhảy - trên không - tiếp đất bằng hai chân; Một số động tác bổ trợ, bài tập phát triển sức mạnh chân (do GV chọn).	23	- Thực hiện được các tư thế xuất phát trong chạy ngắn, một số động tác bổ trợ, thực hiện được xuất phát thấp - chạy lao- chạy giữa quãng- về đích. - Thực hiện được phối hợp chạy đà- giậm nhảy và các động tác bổ trợ một cách tốt nhất	-Sân Thể dục	
24	- Chạy ngắn: Ôn một số bài tập, trò chơi phát triển sức nhanh; Xuất phát thấp - chạy lao - chạy giữa quãng - về đích (60m), có thể kiểm tra thường xuyên (do GV chọn).	24	- Loại “Đạt” + Đối với nam: $\leq 12,0s$ + Đối với nữ: $\leq 14,0s$	-Sân Thể dục	
25	- Nhảy xa: Một số động tác bổ trợ, bài tập phát triển sức mạnh chân, hoàn thiện các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa "kiểu ngồi". - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	25	- Thực hiện hoàn thiện các giai đoạn trong nhảy xa và các động tác bổ trợ một cách tốt nhất để nâng cao thành tích. TTTC: Thực hiện thuần thục Kĩ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện.	-Sân Thể dục	
	- Nhảy xa: Một số động tác bổ trợ, bài tập phát triển sức mạnh	26	- Thực hiện hoàn thiện các giai đoạn trong nhảy xa và các	-Sân Thể dục	

26	chân, hoàn thiện các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa "kiểu ngồi". - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên		động tác bổ trợ một cách tốt nhất để nâng cao thành tích. TTTC: Thực hiện thuần thục Kĩ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện. - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy		
27	- Nhảy xa: Một số động tác bổ trợ, bài tập phát triển sức mạnh chân, hoàn thiện các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa "kiểu ngồi". - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	27	- Thực hiện hoàn thiện các giai đoạn trong nhảy xa và các động tác bổ trợ một cách tốt nhất để nâng cao thành tích TTTC: Thực hiện thuần thục Kĩ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện.	-Sân Thể dục	
28	- Nhảy xa: Một số động tác bổ trợ, bài tập phát triển sức mạnh chân, hoàn thiện các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa "kiểu ngồi". Trò chơi: do GV chọn. - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	28	- Thực hiện hoàn thiện các giai đoạn trong nhảy xa. Tích cực tham gia trò chơi theo yêu cầu của GV. TTTC: Thực hiện thuần thục Kĩ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện. - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục	
	- Nhảy xa: Một số động tác bổ trợ, bài tập phát triển sức mạnh chân, hoàn thiện các giai đoạn	29	- Thực hiện hoàn thiện các giai đoạn trong nhảy xa và các động tác bổ trợ một	-Sân Thể dục	

29	kỹ thuật nhảy xa "kiểu ngồi". - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.		cách tốt nhất. TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện.		
30	- Nhảy xa: Một số động tác hỗ trợ, bài tập phát triển sức mạnh chân, hoàn thiện các giai đoạn kỹ thuật nhảy xa "kiểu ngồi". - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên	30	- Thực hiện hoàn thiện các giai đoạn trong nhảy xa. HS tích cực tham gia trò chơi theo ý của giáo viên. - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục	
31	- Nhảy xa: Một số động tác hỗ trợ, bài tập phát triển sức mạnh chân; - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	31	- Thực hiện hoàn thiện các giai đoạn trong nhảy xa và các động tác hỗ trợ một cách tốt nhất. TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện.	-Sân Thể dục	
32	- Nhảy xa:Một số động tác hỗ trợ, bài tập phát triển sức mạnh chân; - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	32	- Thực hiện hoàn thiện các giai đoạn trong nhảy xa và các động tác hỗ trợ một cách tốt nhất. TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện.	-Sân Thể dục	
33	TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV. (có thể kiểm tra thường xuyên)	33	TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập	-Sân Thể dục	

34	Nhảy xa: Ôn tập cuối học kì I	34	- Học sinh thực hiện cơ bản đúng các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa "kiểu ngồi".	- Sân Thể dục	
35	Nhảy xa: Kiểm tra cuối kì 1	35	- Thực hiện hoàn thiện các giai đoạn trong nhảy xa để nâng cao thành tích.	- Sân Thể dục	
36	Nhảy xa: Kiểm tra cuối kì 1	36	- Đối với nam + Loại “Đạt” Thực hiện tương đối đúng các giai đoạn trong nhảy xa kiểu ngồi, thành tích đạt >3m + Loại “Chưa đạt” Không đạt được yêu cầu trên. - Đối với nữ + Loại “Đạt” Thực hiện tương đối đúng các giai đoạn trong nhảy xa kiểu ngồi, thành tích đạt >2.5m + Loại “Chưa đạt” Không đạt được yêu cầu trên.	- Sân Thể dục	

HỌC KÌ II

(17 tuần thực học)

STT	Bài học (1)	Tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Gợi ý Hình thức/địa điểm dạy học	Gợi ý Hướng dẫn thực hiện
37	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kĩ thuật nhảy cao (do GV chọn); giai đoạn chạy đà (đo đà, chỉnh đà, đặt chân giậm nhảy vào điểm giậm nhảy).	37	- Thực hiện được giai đoạn chạy đà (đo đà, chỉnh đà, đặt chân vào điểm giậm nhảy); Giai đoạn giậm nhảy và tập phối hợp chạy đà - giậm nhảy một cách tốt nhất. TTTC: Thực hiện thuần thục Kĩ	- Sân Thể dục, đệm xà	

	- TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.		thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập		
38	- Nhảy cao: Ôn Giai đoạn chạy đà (đo đà, chỉnh đà, đặt chân vào điểm giậm nhảy); Giai đoạn giậm nhảy và tập phối hợp chạy đà - giậm nhảy. - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	38	- HS thực hiện được giai đoạn chạy đà (đo đà, chỉnh đà, đặt chân vào điểm giậm nhảy); Giai đoạn giậm nhảy và tập phối hợp chạy đà - giậm nhảy TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	- Sân Thể dục, đệm xà	
39	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua" (do GV chọn); Chạy đà chính diện - giậm nhảy co chân qua xà. - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	39	- Thực hiện được một số động tác bổ trợ chạy đà - giậm nhảy (do GV chọn); Giai đoạn trên không và tiếp đất (nhảy cao kiểu "bước qua") một cách tốt nhất. TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập	- Sân Thể dục, đệm xà	
40	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ chạy đà-giậm nhảy (do GV chọn); Giai đoạn trên không và tiếp đất (nhảy cao kiểu "bước qua"). - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	40	- HS thực hiện được các động tác bổ trợ. Biết cách thực hiện giai đoạn trên không và tiếp đất (nhảy cao kiểu "bước qua"). TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	- Sân Thể dục, đệm xà	
	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, tập phối hợp 4 giai đoạn (chạy đà - giậm		- Thực hiện được một số động tác bổ trợ chạy đà - giậm nhảy (do GV chọn); Giai đoạn trên không	- Sân Thể dục, đệm xà	

41	nhảy - trên không và tiếp đất) kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	41	và tiếp đất (nhảy cao kiểu "bước qua") một cách tốt nhất. TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập		
42	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, tập phối hợp 4 giai đoạn (chạy đà - giậm nhảy - trên không và tiếp đất) kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua"; Giới thiệu một số điểm cơ bản của Luật điền kinh (phần nhảy cao). - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	42	-Thực hiện được một số động tác bổ trợ KT. Biết cách phối hợp 4 giai đoạn trong nhảy cao. - HS biết được một số điều luật trong nhảy cao. TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục, đệm xà	
43	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật (do GV chọn); Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	43	- Thực hiện được một số động tác bổ trợ kỹ thuật; Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". - Tự thực hiện các động tác kỹ thuật bóng đá đã được học một cách tốt nhất	-Sân Thể dục, đệm xà	
44	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (do GV chọn); Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	44	- Thực hiện được một số động tác bổ trợ kỹ thuật; Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng	-Sân Thể dục, đệm xà	

	- Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.		cao tay chính diện, Đấu tập - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy		
45	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (do GV chọn); Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	45	- Thực hiện được một số động tác bổ trợ kỹ thuật; Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập	-Sân Thể dục, đệm xà	
46	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (do GV chọn); Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật và nâng cao thành tích. - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	46	- Thực hiện được một số động tác bổ trợ kỹ thuật; Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục, đệm xà	
47	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (do GV chọn); Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật và nâng cao thành tích. - TTTC: Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	47	- Thực hiện được một số động tác bổ trợ kỹ thuật; Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập	-Sân Thể dục, đệm xà	
48	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (do GV chọn); Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật và nâng cao thành tích.	48	- Thực hiện được một số động tác bổ trợ kỹ thuật; Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua".	-Sân Thể dục, đệm xà	

	- TTTC:Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV. - Chạy bền:Chạy trên địa hình tự nhiên.		TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy		
49	- Nhảy cao:Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (do GV chọn); Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật và nâng cao thành tích. - TTTC:Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	49	- Thực hiện được một số động tác bổ trợ kỹ thuật để nâng cao thành tích; Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập	-Sân Thể dục, đệm xà	
50	- Nhảy cao:Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (do GV chọn); Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật và nâng cao thành tích. - TTTC:Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV. - Chạy bền:Chạy trên địa hình tự nhiên.	50	- Thực hiện được một số động tác bổ trợ kỹ thuật để nâng cao thành tích; Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục, đệm xà	
51	- Nhảy cao:Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (do GV chọn); Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật và nâng cao thành tích. - TTTC:Thực hiện theo kế hoạch dạy học của GV.	51	- Thực hiện được một số động tác bổ trợ kỹ thuật nâng cao thành tích; Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu "bước qua". TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện, Đấu tập	-Sân Thể dục, đệm xà	
52	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II: Bóng chuyền	52	- TTTC: Thực hiện thuần thục Kỹ thuật đệm, chuyển bóng, Phát bóng cao tay chính diện và đạt kết	-Sân Thể dục, đệm xà	

			quả tốt khi kiểm tra.		
53	- Nhảy cao: Ôn một số động tác bổ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực (do GV chọn); Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật và nâng cao thành tích. - - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	53	- Thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn nhảy cao kiểu "bước qua" - Tự thực hiện các động tác kỹ thuật bóng đá đã được học một cách tốt nhất. - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy,	-Sân Thể dục, đệm xà	
54	- Nhảy cao: Luyện tập hoàn thiện kỹ thuật và nâng cao thành tích. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	54	- Thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn nhảy cao kiểu "bước qua" - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy,	-Sân Thể dục, đệm xà	
55	- Đá cầu: Tăng cầu bằng đùi, tăng cầu bằng mu bàn chân, tăng cầu bằng má trong bàn chân: Chuyển cầu bằng mu bàn chân hoặc do GV chọn. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	55	- Thực hiện được tăng cầu bằng đùi, tăng cầu bằng mu bàn chân, tăng cầu bằng má trong bàn chân: Chuyển cầu bằng mu bàn chân một cách tốt nhất. - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục, cầu đá,	
56	- Đá cầu: Tăng cầu bằng đùi, tăng cầu bằng mu bàn chân, tăng cầu bằng má trong bàn chân: Chuyển cầu bằng mu bàn chân hoặc do GV chọn Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	56	- Thực hiện được tăng cầu bằng đùi, tăng cầu bằng mu bàn chân, tăng cầu bằng má trong bàn chân: Chuyển cầu bằng mu bàn chân một cách tốt nhất. - Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục, cầu đá,	
57	- Tăng cầu bằng đùi, tăng cầu bằng mu bàn chân, tăng cầu bằng má trong bàn chân:	57	- Thực hiện được tăng cầu bằng đùi, tăng cầu bằng mu bàn chân, tăng cầu bằng má trong bàn chân,	-Sân Thể dục, cầu đá,	

	Chuyền cầu bằng mu bàn chân hoặc do GV chọn. - Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.		Chuyền cầu bằng mu bàn chân một cách tốt nhất.		
58	-Đá cầu: Tăng cầu bằng đùi, tăng cầu bằng mu bàn chân, tăng cầu bằng má trong bàn chân: Chuyền cầu bằng mu bàn chân hoặc do GV chọn. Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	58	- Thực hiện được tăng cầu bằng đùi, tăng cầu bằng mu bàn chân, tăng cầu bằng má trong bàn chân: Chuyền cầu bằng mu bàn chân một cách tốt nhất. Tự điều chỉnh tốc độ và phân phối sức trên đường chạy	-Sân Thể dục, cầu đá,	
59	- Đá cầu: Ôn Đá cầu chính diện bằng mu bàn chân; Di chuyển bước đơn ra sau (chéch phải, chéch trái). + Học: Một số chiến thuật trong thi đấu đơn, đôi. Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên.	59	- Học sinh thực hiện được KT đá cầu chính diện bằng mu bàn chân; Di chuyển bước đơn ra sau (chéch phải, chéch trái). - Biết được một số chiến thuật trong thi đấu đơn, đôi.	-Sân Thể dục, cầu đá,	
60	- Chạy bền: Chạy trên địa hình tự nhiên. (có thể kiểm tra thường xuyên)	60	- Loại “Đạt”: Hoàn thành cự ly trên trong vòng 5 phút - Loại “Chưa đạt” Không hoàn thành được cự ly trên trong vòng 5 phút	-Sân Thể dục, cầu đá,	
61	- Đá cầu: Đá cầu chính diện bằng mu bàn chân; một số bài tập phối hợp, thi đấu đơn hoặc kiểm tra thử do GV chọn. + Ôn Phát cầu chính diện bằng mu bàn chân; Đá cầu chính diện bằng mu bàn chân; đỡ cầu bằng	61	- HS thực hiện được đá cầu chính diện bằng mu bàn chân; một số bài tập phối hợp - Thực hiện được cách di chuyển bước đơn chéch phải, trái, tăng cầu bằng đùi, tăng cầu bằng mu bàn chân, đỡ cầu bằng ngực một	-Sân Thể dục, cầu đá,	

	ngực hoặc do GV chọn; Một số bài tập phối hợp ...		cách tốt nhất.		
62	- Đá cầu: Đá cầu chính diện bằng mu bàn chân, Phát cầu chính diện hoặc đỡ cầu bằng ngực do GV chọn. (có thể kiểm tra thường xuyên	62	- Thực hiện được đá cầu bằng mu chính diện bàn chân, phát cầu chính diện bằng mu bàn chân một cách tốt nhất. + Loại “Đạt” Phát cầu được 5/10 quả; đá cầu được 5/10 quả đúng nơi quy định + Loại “chưa đạt” không đạt được yêu cầu tối thiểu trên.	-Sân Thể dục, cầu đá,	
63	- Nhảy cao: Ôn tập cuối học kì II	63	-Học sinh thực hiện cơ bản đúng các giai đoạn trong nhảy cao và nâng cao thành tích. - Biết vận dụng các động tác kỹ thuật để nâng cao thành tích	-Sân Thể dục	
64	- Nhảy cao: Ôn tập cuối học kì II	64	- Thực hiện cơ bản đúng các giai đoạn trong nhảy cao kiểu bước qua để kiểm tra thi học kỳ. - Thực hiện được các giai đoạn trong nhảy cao kiểu bước qua và nâng cao thành tích	-Sân Thể dục	
65	Kiểm tra cuối kì 2: Nhảy cao:	65	-Loại“Đạt”:Thực hiện được cơ bản đúng kỹ thuật giai đoạn qua xà, các giai đoạn khác có sai sót, thành tích 1,1m với nam và 0,9m với nữ - Loại “Chưa đạt” không đạt được các yêu cầu trên.	-Sân Thể dục (đệm ,xà)	
66	Kiểm tra cuối kì 2: Nhảy cao:	66	-Loại“Đạt”:Thực hiện được cơ bản đúng kỹ thuật giai đoạn qua xà, các giai đoạn khác có sai sót, thành tích 1,1m với nam và 0,9m với nữ - Loại “Chưa đạt” không đạt được các yêu cầu trên.	-Sân Thể dục (đệm ,xà) -Tổ chức kiểm tra mỗi lượt chạy 02HS	

67	Kiểm tra thể lực: (Nội dung 1) Bật xa tại chỗ	67	- Loại “Tốt” + Nữ: > 163cm + Nam: > 204cm - Loại “Đạt” + Nữ $\geq$ 146cm + Nam $\geq$ 183cm	- Sân Thể dục	
68	Kiểm tra thể lực: (Nội dung 2) Chạy tùy sức 5 phút	68	- Loại “Tốt” + Nữ: > 850m + Nam: > 980m - Loại “Đạt” + Nữ $\geq$ 770m + Nam $\geq$ 880m	- Sân Thể dục - Tổ chức theo nhóm 2 em.	
69	Kiểm tra thể lực: (Nội dung 3) Chạy 30m XPC	69	- Loại “Tốt” + Nữ: < 6,2s + Nam: < 5,2s - Loại “Đạt” + Nữ $\leq$ 7,2s + Nam $\leq$ 6,2s	- Sân Thể dục - Tổ chức theo nhóm và lần lượt.	
70	Kiểm tra thể lực: (Nội dung 4) nằm ngửa gấp bụng 30 giây	70	- Loại “Tốt” + Nữ > 15 + Nam > 18 - Loại “Đạt” + Nữ > 12 + Nam > 12	- Sân Thể dục (nhà tập) - Tổ chức theo nhóm 3- 5em.	

1.19. MÔN TIN HỌC 6

STT(1)	Bài học (2)	Số PPCT	Số tiết (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng				
1	Bài 1. Thông tin và dữ liệu	1	1	- Hiểu dữ liệu, thông tin và vật mang tin là gì? - Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. - Phân biệt được thông tin và vật mang tin. - Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.

				- Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.
2	Bài 2. Xử lý thông tin	2	1	- Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lý thông tin. - Giải thích được máy tính là công cụ hiệu quả để xử lý thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.
3	Bài 3. Thông tin trong máy tính	3	1	- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1. - Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.
4	Bài 3. Thông tin trong máy tính	4	1	- Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin. - Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ...
Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet				
5	Bài 4. Mạng máy tính	5	1	- Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống. - Kể được các thành phần chính của một mạng máy tính.
6	Bài 4. Mạng máy tính	6	1	- Nêu được một số cách kết nối không dây mà em biết. - Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.
7	Bài 5. Internet	7	1	- Biết Internet là gì. - Nêu được một số đặc điểm chính của Internet. - Nêu được một số lợi ích chính của Internet.
Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin				
8	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu	8	1	- Trình bày sơ lược được các khái niệm World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt.
9	Ôn tập giữa học kỳ 1	9	1	
10	Kiểm tra giữa kì 1	10	1	- Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước.
11	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu (tt)	11	1	- Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: tra từ điển, xem tin thời tiết, thời sự, ...
12	Bài 7. Tìm kiếm thông tin trên Internet	12	1	- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm. - Xác định được từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm cho trước. - Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.
13	Bài 8. Thư điện tử	13	1	- Biết thư điện tử là gì; biết ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác.
14	Bài 8. Thư điện tử (tt)	14	1	- Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử và cách đăng kí tài khoản thư điện tử.

				- Thực hiện đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.
Chủ đề 4. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số				
15	Bài 9. An toàn thông tin trên Internet	15	1	- Biết một số tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet. Nêu và thực hiện được một số biện pháp phòng ngừa. - Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể.
16	Bài 9. An toàn thông tin trên Internet (tt)	16	1	- Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn. - Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. - Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu. - Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn. - Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. - Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.
17	Ôn tập cuối học kỳ 1	17	1	
18	Kiểm tra cuối học kỳ I	18	1	
19	Bài 10. Sơ đồ tư duy (<i>Giao nhiệm vụ BT dự án. Sổ lưu niệm</i>)	19	1	- Sắp xếp được một cách logic và trình bày được dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm. - Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin.
20	Bài 10. Sơ đồ tư duy (tt)	20	1	- Tạo được sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.
21	Bài 11. Định dạng văn bản	21	1	- Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản. - Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản.
22	Bài 11. Định dạng văn bản (tt)	22	1	- Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in.
23	Bài 12. Trình bày thông tin ở dạng bảng	23	1	- Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng. - Biết cách tạo và định dạng bảng.
24	Bài 12. Trình bày	24	1	- Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.

	thông tin ở dạng bảng(tt)			
25	Bài 13. Thực hành: Tìm kiếm và thay thế	27	1	
26	Bài 14. Thực hành tổng hợp: Hoàn thành sổ lưu niệm (Báo cáo kết quả BT dự án)	28	1	
27	Ôn tập giữa học kỳ 2	27	1	
28	Kiểm tra giữa học kỳ 2	28	1	
Chủ đề 6. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính				
29	Bài 15. Thuật toán	29	1	- Diễn tả được sơ lược khái niệm thuật toán. - Nêu được một vài ví dụ minh họa về thuật toán - Biết thuật toán có thể được mô tả dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối. - Tạo được sơ đồ khối
30	Bài 15. Thuật toán (tt)	30	1	
31	Bài 16. Các cấu trúc điều khiển	31	1	- Biết các cấu trúc: + Cấu trúc tuần tự + Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu và dạng đủ
32	Bài 16. Các cấu trúc điều khiển (tt)	32	1	+ Cấu trúc lặp - Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh (dạng thiếu và dạng đủ) và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.
33	Bài 17. Chương trình máy tính	33	1	- Biết được chương trình là mô tả một thuật toán để máy tính "hiểu." - Thực hiện được chương trình trên máy tính
34	Ôn tập cuối học kỳ 2	34	1	
35	Kiểm tra cuối học kỳ 2	35	1	

1.20. MÔN TIN HỌC 7

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
CHỦ ĐỀ 1. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG			
1	Bài 1. Thiết bị vào – ra	01 (T1)	- củng cố và phát triển kiến thức về xử lý thông tin ở lớp 6 - Biết và nhận ra được các thiết bị vào – ra có nhiều loại, hình dạng khác nhau - Biết được chức năng của các thiết bị vào – ra trong thu nhận, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. - Nêu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách, gây ra lỗi cho thiết bị.
2	Bài 2. Phần mềm máy tính	01 (T2)	- Nhận thức được vai trò của phần mềm trong hoạt động của máy tính. - Phân chia phần mềm thành hai loại: hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.
3	Bài 3. Quản lý dữ liệu trong máy tính	02 (T3,4)	- Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính. - Nêu được ví dụ về biện pháp an toàn dữ liệu như sao lưu dữ liệu, phòng chống xâm nhập trái phép và phòng chống virus,...
Chủ đề 2: TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN			
4	Bài 4. Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet	02 (T5,6)	- Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội. - Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin. - Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó. - Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái. - HS được học sử dụng một số kênh trao đổi thông tin trên Internet, chú trọng hơn đến mạng xã hội.
Chủ đề 3: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ			
5	Bài 5. Ứng xử trên mạng	01 (T7)	- Thực hiện được giao tiếp qua mạng theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hoá. - Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh. - Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết trong quá trình ứng xử trên mạng.
Chủ đề 4: ỨNG DỤNG TIN HỌC			

6	Bài 6. Làm quen với phần mềm bảng tính	02 (T8,9)	- Nhận biết được một số khái niệm và chức năng cơ bản của phần mềm máy tính - Thực hiện được việc nhập và điều chỉnh dữ liệu trên bảng tính (mức đơn giản) - Thực hiện được một số thao tác đơn giản: thay đổi phông chữ, màu nền, căn chỉnh dữ liệu trong ô tính, thay đổi độ rộng cột.
7	Kiểm tra đánh giá giữa kỳ I	01 (T10)	Nắm vững kiến thức để làm đúng các bài tập trắc nghiệm, tự luận, thực hành.
8	Bài 7. Tính toán tự động trên bảng tính	02 (T11,12)	- Nhận biết được một số kiểu dữ liệu trên bảng tính. - Biết cách nhập và sao chép công thức trên bảng tính. - Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều khiển tính toán tự động trên dữ liệu.
9	Bài 8. Công cụ hỗ trợ tính toán	02 (T13,14)	- Hs thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản: MAX, MIN, AVERAGE, COUNT,...
10	Bài 9. Trình bày bảng tính	02 (T15,16)	- Hs biết và thực hiện được một số chức năng định dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính. - Áp dụng được một số hàm tính toán dữ liệu như Max, min, sum, average, count,..vào dự án Trường học xanh
11	Ôn tập cuối kỳ I	01 (T17)	Hệ thống lại kiến thức từ đầu học kỳ II đến nay qua ba chủ đề 1,2,3 đã học
12	KTDG cuối kỳ I	01 (T18)	Nắm vững kiến thức để làm đúng các bài tập trắc nghiệm, tự luận, thực hành.
HỌC KỲ II			
13	Bài 10. Hoàn thiện bảng tính	02 (T19,20)	- Thực hiện được các thao tác hoàn thiện và in một bảng tính. - Thực hành hoàn thiện dự án. - Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản.
14	Bài 11. Tạo bài trình chiếu	02 (T21,22)	- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu - Tạo được một số bài trình chiếu có tiêu đề, cấu trúc phân cấp
15	Bài 12. Định dạng	02	- Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.

	đối tượng trên trang chiếu	(T23,24)	- Đưa được hình ảnh minh hoạ vào bài trình chiếu. - Biết sử dụng các định dạng cho văn bản, ảnh minh hoạ một cách hợp lí.
16	Bài 13. Thực hành tổng hợp: Hoàn thiện bài trình chiếu	03 (T25,26)	- Biết đưa hiệu ứng động vào bài trình chiếu và sử dụng hiệu ứng một cách hợp lí. - Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một bài trình chiếu hoàn chỉnh.
17	KTĐG giữa kỳ II	01 (T27)	Nắm vững kiến thức để làm đúng các bài tập trắc nghiệm, tự luận, thực hành.
CHỦ ĐỀ 5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH			
18	Bài 14. Thuật toán tìm kiếm tuần tự	01 (T28)	- Giải thích được thuật toán tìm kiếm tuần tự. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm tuần tự trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
19	Bài 15. Thuật toán tìm kiếm nhị phân	02 (T29,30)	- Giải thích được thuật toán tìm kiếm nhị phân. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ. - Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh hoạ.
20	Bài 16. Thuật toán sắp xếp	02 (T31, 32)	- Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp cơ bản. - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ. - Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn.
21	Ôn tập cuối kỳ II	01 (T33)	Hệ thống lại kiến thức từ đầu học kỳ II đến nay qua hai chủ đề 4 từ bài 10 đến bài 16 đã học
22	KTĐG cuối kỳ II	01 (T34)	Nắm vững kiến thức để làm đúng các bài tập trắc nghiệm, tự luận, thực hành.
22	Ôn tập cuối năm	01 (T35)	Củng cố các kiến thức trọng tâm và làm một số bài tập vận dụng.

1.21. MÔN TIN HỌC 8

STT (1)	Bài học (2)	Tiết PPCT	Số tiết (3)	YCCĐ (4)
------------	----------------	--------------	----------------	-------------

HỌC KỲ 1				
CD 1. Máy tính và cộng đồng				
1.	Bài 1. Lược sử công cụ tính toán	1	1 (1, 0)	- Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính. - Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người.
CD 2. Tổ chức, lưu trữ và tìm kiếm và trao đổi thông tin				
2.	Bài 2. Thông tin trong môi trường số	2, 3	2 (2, 0)	- Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyển đổi, truyền và xử lý hiệu quả. - Trình bày được tầm quan trọng của việc khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được ví dụ minh họa.
3.	Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số	4,5	2 (0, 2)	–Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lý và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh họa. –Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ (thông qua bài tập cụ thể). –Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh họa.
CD 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số hoá				
4.	Bài 4. Đạo đức và văn hoá trong sử dụng công nghệ kĩ thuật số	6	1 (1, 0)	–Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số. Ví dụ: thu âm, quay phim, chụp ảnh khi không được phép, dùng các sản phẩm văn hoá vi phạm bản quyền,... –Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật.
CD 4. Ứng dụng Tin học. Xử lý và trực quan hoá dữ liệu bằng bảng tính điện tử				

5.	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế	7,8	2 (1, 1)	–Giải thích được sự khác nhau giữa địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối của một ô tính. –Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức. –Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. –Sao chép được dữ liệu từ các tệp văn bản, trang trình chiếu sang trang tính.
6.	Ôn tập GHK1	9	1 (1,0)	- Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.
7.	Kiểm tra GHK1	10	1 (1,0)	- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.
8.	Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu	11, 12	2 (1, 1)	–Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. –Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng lọc và sắp xếp dữ liệu. –Thực hiện được các thao tác lọc và sắp xếp dữ liệu. –Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng đó của phần mềm bảng tính.
9.	Bài 7. Trực quan hoá dữ liệu	13, 14	2 (1, 1)	–Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng tạo biểu đồ. –Thực hiện được thao tác tạo biểu đồ của bảng tính.
CD 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao				
10	Bài 8a. Danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản	15, 16	2 (1, 1)	–Thực hiện được các thao tác: chèn thêm, xoá bỏ, co giãn hình ảnh, vẽ hình đồ họa trong văn bản, tạo danh sách dạng liệt kê.
11	Ôn tập HK1	17	1 (1,0)	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.
12	KT HK1	18	1 (1,0)	- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.
HỌC KỲ 2				
CD 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao (tt)				

13	Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản	19	1 (1, 0)	–Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang cho văn bản.
14	Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu	20, 21	2 (1, 1)	–Chọn / đặt được màu sắc, cỡ chữ hài hoà và hợp lí với nội dung. –Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang.
15	Bài 11a. Sử dụng bản mẫu cho bài trình chiếu	22, 23	2 (1, 1)	–Sử dụng được các bản mẫu (template) tạo bài trình chiếu. –Nhúng được vào trang chiếu đường dẫn đến video hay tài liệu khác. –Tạo được một số sản phẩm là văn bản có tính thẩm mỹ phục vụ nhu cầu thực tế.
CD 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính				
16	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình	24, 25	2 (1, 1)	–Mô tả được kịch bản đơn giản dưới dạng thuật toán và tạo được một chương trình đơn giản. –Hiểu được chương trình là dãy các lệnh điều khiển máy tính thực hiện một thuật toán.
17	Ôn tập GHK2	26	1(1,0)	- Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại. - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.
18	KT GHK2	27	1 (1,0)	
CD 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (tt)				
19	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	28, 29	2 (1, 1)	–Nêu được khái niệm hằng, biến, kiểu dữ liệu, biểu thức và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản trong môi trường lập trình trực quan.
20	Bài 14. Cấu trúc điều khiển	30, 31	2 (1, 1)	Thể hiện được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp ở chương trình trong môi trường lập trình trực quan.
21	Bài 15. Gỡ lỗi	32	1 (0, 1)	Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình.
CD 6. Hướng nghiệp với Tin học				

22	Bài 16. Tin học với nghề nghiệp	33	1 (1, 0)	–Nêu được một số nghề nghiệp mà ứng dụng tin học sẽ làm tăng hiệu quả công việc. –Nêu được tên một số nghề thuộc lĩnh vực tin học và một số nghề liên quan đến ứng dụng tin học. –Nhận thức và trình bày được vấn đề bình đẳng giới trong việc sử dụng máy tính và trong ứng dụng tin học, nêu được ví dụ minh họa.
23	Ôn tập HK2	34	1 (1, 0)	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.
24	KTHK2	35	1 (1, 0)	

•

1.22. MÔN TIN HỌC 9

Học kì 1

Tuần	Tiết	Tên chủ đề /Bài học	Yêu cầu cần đạt (5)	Hình thức tổ chức dạy học (6)
19	37	Bài 10. Thêm hình ảnh vào trang chiếu	- Vai trò của hình ảnh và các đối tượng khác trên trang chiếu và cách chèn các đối tượng đó vào trang chiếu. - Biết được 1 số thao tác cơ bản để xử lý các đối tượng chèn vào trang chiếu như thay đổi vị trí và kích thước của hình ảnh. - Chèn được hình ảnh vào trang chiếu. Thay đổi vị trí và kích thước của hình ảnh.	- Dạy học trên lớp.
	38	Bài 10. Thêm hình ảnh vào trang chiếu	- Biết được một số thao tác cơ bản để xử lý các đối tượng được chèn vào trang chiếu như thay đổi thứ tự xuất hiện của hình ảnh. - Biết làm việc với bài trình chiếu trong chế độ sắp xếp và thực hiện các thao tác sao chép và di chuyển trang chiếu. - Thay đổi được thứ tự xuất hiện của hình ảnh, sao chép và di chuyển được trang chiếu.	- Dạy học trên lớp.
20	39	Bài thực hành 7. Trình bày thông tin bằng hình ảnh	- Chèn hình ảnh theo mẫu, thêm trang chiếu mới và nhập nội dung theo mẫu. Thêm hình ảnh minh họa thích hợp. - Chèn được hình ảnh vào trang chiếu và thực hiện 1 số thao tác chèn hình ảnh.	- Phòng máy
	40	Bài thực hành 7. Trình bày thông tin	- Chèn hình ảnh theo mẫu, thêm trang chiếu mới và	- Phòng máy

		bằng hình ảnh	nhập nội dung theo mẫu. Thêm hình ảnh minh họa thích hợp, thay đổi trật tự các trang chiếu để có thứ tự hợp lý. - Chèn được hình ảnh vào trang chiếu và thực hiện sắp xếp bài trình chiếu.	
21	41, 42	Bài thực hành 7. Trình bày thông tin bằng hình ảnh	- Chỉnh sửa, hoàn thiện bài trình chiếu. - Trình chiếu được bài trình chiếu.	- Phòng máy
22	43	Bài thực hành 8. Hoàn thiện bài trình chiếu với hiệu ứng động	- Biết cách khởi động phần mềm và tạo được các hiệu ứng động cho các trang chiếu và cho các đối tượng. - Khởi động được phần mềm và thực hiện được các bước tạo hiệu ứng động cho bài trình chiếu. - Thực hiện thành thạo các bước tạo hiệu ứng động cho đối tượng.	- Phòng máy
	44	Bài thực hành 8. Hoàn thiện bài trình chiếu với hiệu ứng động	- Biết cách khởi động phần mềm và tạo các hiệu ứng động cho các trang chiếu cho bộ sưu tập. - Thực hiện thành thạo các bước tạo hiệu ứng động cho đối tượng và hiệu ứng cho các trang chiếu.	- Phòng máy
23	45	Bài thực hành 8. Hoàn thiện bài trình chiếu với hiệu ứng động	- Khởi động được phần mềm và thực hiện được các bước tạo hiệu ứng động cho đối tượng và hiệu ứng cho các trang chiếu. - Thực hiện thành thạo các bước tạo hiệu ứng động cho đối tượng và hiệu ứng cho các trang chiếu.	- Phòng máy
	46	Bài thực hành 9. Thực hành tổng hợp	- Ôn lại những kiến thức đã học trong các bài học trước. - Ôn lại những kỹ năng đã làm được trong các bài thực hành trước. - Tạo được nội dung cho bài trình chiếu.	- Phòng máy

24	47	Bài thực hành 9. Thực hành tổng hợp	- Ôn lại những kiến thức đã học trong các bài học trước. - Ôn lại những kỹ năng đã làm được trong các bài thực hành trước. - Thêm được hình ảnh minh họa và sắp xếp hình ảnh.	- Phòng máy
	48	Bài thực hành 9. Thực hành tổng hợp (TT)	- Ôn lại những kiến thức đã học trong các bài học trước. - Ôn lại những kỹ năng đã làm được trong các bài thực hành trước. - Tạo được hiệu ứng động cho các đối tượng trên trang chiếu.	- Dạy học trên lớp.
25	49	Bài thực hành 9. Thực hành tổng hợp (TT)	- Ôn lại những kiến thức đã học trong các bài học trước. - Ôn lại những kỹ năng đã làm được trong các bài thực hành trước. - Chỉnh sửa bài trình chiếu và trình chiếu.	- Dạy học trên lớp.
	50	Ôn tập chương 3	- củng cố lại những kiến thức trọng tâm đã học ở các bài trước. - Làm quen với môn học. - Nhận biết được những phần trọng tâm của nội dung bài học.	- Dạy học trên lớp
26	51	Bài 12. Thông tin đa phương tiện	- Hiểu được đa phương tiện là gì? - Biết được một số ví dụ về đa phương tiện. - Nhận biết được một số sản phẩm đa phương tiện .	- Dạy học trên lớp.
	52	Bài 12. Thông tin đa phương tiện	- Hiểu được đa phương tiện là gì? - Biết được một số ví dụ về đa phương tiện.	- Dạy học trên lớp.

			- Nhận biết được một số sản phẩm đa phương tiện .	
27	53, 54	Ôn tập chương 3	- củng cố lại những kiến thức trọng tâm đã học ở các bài trước. - Làm quen với môn học. - Nhận biết được những phần trọng tâm của nội dung bài học.	- Phòng máy
28	55	Ôn tập giữa kì 2		
	56	Kiểm tra giữa kì 2	- củng cố lại các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 12	Kiểm tra trên lớp hoặc phòng máy
29	57	Bài 12. Thông tin đa phương tiện	- Biết một số lĩnh vực ứng dụng của đa phương tiện trong cuộc sống. - Rèn kỹ năng phân tích, phán đoán. - Tạo được sản phẩm đa phương tiện bằng phần mềm trình chiếu.	- Dạy học trên lớp.
	58	Bài thực hành 11. Tạo sản phẩm đa phương tiện	- củng cố lại những kiến thức đã học về phần mềm trình chiếu. - Biết cách chèn âm thanh, đoạn phim vào bài trình chiếu. - Tạo được sản phẩm đa phương tiện đơn giản bằng phần mềm trình chiếu PowerPoint.	- Phòng máy
30	59	Bài thực hành 11. Tạo sản phẩm đa phương tiện	- củng cố lại những kiến thức đã học về phần mềm trình chiếu. - Biết cách chèn âm thanh, đoạn phim vào bài trình chiếu. - Tạo được sản phẩm đa phương tiện đơn giản bằng phần mềm trình chiếu PowerPoint.	- Phòng máy

	60	Bài thực hành 11. Tạo sản phẩm đa phương tiện	- Củng cố lại những kiến thức đã học về phần mềm trình chiếu. - Biết cách chèn âm thanh, đoạn phim vào bài trình chiếu. - Tạo được sản phẩm đa phương tiện đơn giản bằng phần mềm trình chiếu PowerPoint.	- Phòng máy
31	61	Bài thực hành 11. Tạo sản phẩm đa phương tiện	- Củng cố lại những kiến thức đã học về phần mềm trình chiếu. - Biết cách chèn âm thanh, đoạn phim vào bài trình chiếu. - Tạo được sản phẩm đa phương tiện đơn giản bằng phần mềm trình chiếu PowerPoint.	- Phòng máy
	62	Phần mềm ghi âm và xử lí âm thanh audacity		- Phòng máy
32	63,64	Phần mềm ghi âm và xử lí âm thanh audacity	- Thực hiện được các thao tác thêm 1 tệp âm thanh có sẵn. - Biết cách chỉnh sửa âm thanh ở mức đơn giản: nghe lại 1 đoạn âm thanh, làm to nhỏ âm lượng hoặc tắt âm thanh của từng rãnh, đánh dấu 1 đoạn âm thanh, xóa cắt dán 1 đoạn âm thanh.	- Phòng máy
33	65, 66	Bài thực hành 10: Tạo sản phẩm âm thanh bằng AUDACITY	- Biết được một số thao tác làm việc với Audacity như thiết lập dự án âm thanh, thu âm lời thuyết minh, ghép các rãnh âm thành riêng lẻ thành một rãnh hoàn chỉnh. - Biết dùng phần mềm Audacity để tạo một sản phẩm âm thanh hoàn chỉnh	- Phòng máy
34	67,68	Phần mềm ghi âm và xử lí âm thanh AUDACITY	- Biết cách chỉnh sửa, ghép nối âm thanh nâng cao: tạo, tách rãnh âm thanh thành các clip, nối clip âm	- Phòng máy

			thanh, di chuyển clip dọc theo rãnh âm thanh, chuyển đổi clip sang rãnh khác. - Biết cách xuất kết quả ra tệp âm thanh. - Thực hiện được việc chỉnh sửa âm thanh ở mức đơn giản, thực hiện được việc chỉnh sửa, ghép nối âm thanh nâng cao, thực hiện được cách xuất kết quả ra tệp âm thanh.	
35	69, 70	Ôn tập cuối kì 2	- củng cố lại các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 12	Dạy học trên lớp
		Kiểm tra cuối kì 2	- củng cố lại các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 12	Kiểm tra trên lớp hoặc phòng máy

2. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ

2.1. MÔN CÔNG NGHỆ 6

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Kiến thức tuần 1-7 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Kiến thức tuần 1- 16 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Kiến thức tuần 19 -25 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Kiến thức tuần 19-32 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy

2.2. MÔN CÔNG NGHỆ 7

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Kiến thức tuần 1-7 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Kiến thức tuần 1- 16 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Kiến thức tuần 19 -25 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Kiến thức tuần 19-32 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy

2.3. MÔN CÔNG NGHỆ 8

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Kiến thức tuần 1-7 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Kiến thức tuần 1- 16 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Kiến thức tuần 19 -25 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Kiến thức tuần 19-32 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy

2.4. MÔN CÔNG NGHỆ 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
------------------------	------------------	------------------	------------------------	------------------

Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	–Nối dây dẫn điện	Kiểm tra thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	– Kiểm tra những kiến thức HS đã học trong học kì 1 về: +Vật liệu dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà. +Dụng cụ dùng trong lắp đặt mạng điện. +Sử dụng đồng hồ đo điện. +Nối dây dẫn điện. +Lắp mạch điện bảng điện.	Kiểm tra học kỳ I (Cả lý thuyết và thực hành)
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	- Nắm được nguyên lí làm việc của các mạch điện	Kiểm tra thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Lắp một số mạch điện đơn giản trong nhà	Kiểm tra thực hành

2.5. MÔN KHTN6

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Kiến thức tuần 1-7 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Kiến thức tuần 1- 16 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Kiến thức tuần 19 -25 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Kiến thức tuần 19-32 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy

2.6. MÔN KHTN7

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Kiến thức tuần 1-7 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy

Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Kiến thức tuần 1- 16 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Kiến thức tuần 19 -25 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Kiến thức tuần 19-32 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy

2.7. MÔN KHTN8

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Kiến thức tuần 1-7 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Kiến thức tuần 1- 16 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Kiến thức tuần 19 -25 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Kiến thức tuần 19-32 các phân môn đảm bảo yêu cầu cần đạt môn học theo chương trình GDPT 2018	viết trên giấy

2.8. MÔN HÓA 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	ND kiểm tra: chương I	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	- Chương II: Phi kim (đến bài Clo)	viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	- Kiểm tra kỹ năng nhận dạng công thức, kỹ năng viết phương trình và kỹ năng giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. Kỹ năng nhận biết các chất khí đặc biệt là các HC.	viết trên giấy

Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Hệ thống lại các kiến thức cơ bản về hữu cơ và các công thức tính cơ bản. - Hệ thống hóa lại các kiến thức hóa hữu cơ đã học. - Các dạng bài tập hóa hữu cơ cơ bản đã học.	viết trên giấy
---------------	---------	---------	--	----------------

2.9. MÔN VẬT LÝ 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	Nội dung đã học từ bài 1 đến bài 17	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Nội dung đã học từ bài 1 đến bài 32	viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	Nội dung đã học từ bài 33 đến bài 48	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Nội dung đã học từ bài 33 đến bài 60.	viết trên giấy

2.10. MÔN SINH 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	- Kiểm tra kiến thức của HS từ chương I tới chương III, đánh giá năng lực học tập của HS. Thấy ưu, nhược điểm của HS giúp GV tìm nguyên nhân, điều chỉnh và đề ra phương án giải quyết giúp HS học tập tốt.	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Nội dung đã học. HS tự hệ thống hóa kiến thức HK1. -Biết vận dụng lí thuyết vào đời sống.	viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Nội dung đã học kiến thức của các chương I và chương II.	viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Nội dung đã học kiến thức các chương đã học ở học kỳ 2.	viết trên giấy

2. 11. MÔN TOÁN HỌC 6

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 10	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo	Kiểm tra viết

			chương trình môn học đến giữa học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Kiểm tra viết
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 28	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 2, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Kiểm tra viết
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 2 và cả năm học, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Kiểm tra viết

2. 12. MÔN TOÁN HỌC 7

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ I	60 phút	Tuần 10	- Đánh giá kiến thức của HS ở một số nội dung về tập hợp số tự nhiên và tính chia hết trong tập hợp số tự nhiên.	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ I	60 phút	Tuần 18	- Đánh giá khả năng nắm kiến thức của học sinh trong HKI và vận dụng kiến thức trong thực tiễn cuộc sống.	Viết trên giấy
Giữa Học kỳ II	60 phút	Tuần 28	- Đánh giá kiến thức của HS ở một số nội dung về phân số, số thập phân và những hình học cơ bản.	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ II	60 phút	Tuần 35	- Đánh giá khả năng nắm kiến thức của học sinh trong HKII và vận dụng kiến thức trong thực tiễn cuộc sống.	Viết trên giấy

2. 13. MÔN TOÁN HỌC 8

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 10	– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong hai chương Đa thức và Tứ giác – Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong chương Đa thức và Tứ giác – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kỳ I – Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong học kỳ I – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 28	– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng – Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong chương Phân thức đại số và Tam giác đồng dạng – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	– Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kỳ II – Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong học kỳ II – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	Trắc nghiệm và Tự luận

2. 14. MÔN TOÁN HỌC 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60'	Tuần 10	- Biết được các khái niệm về căn bậc hai số học, khái niệm căn bậc ba. Biết biến đổi, rút gọn, thực hiện các phép tính trong các biểu thức có chứa dấu căn không phức tạp lắm. - Biết được các hệ thức lượng trong tam giác vuông; tỉ số lượng giác của góc nhọn, các hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông	Kiểm tra viết
Cuối Học kỳ 1	60'	Tuần 18	-Biết khái niệm hàm số, tính chất và đồ thị của hàm số $y = ax + b$ (a khác 0); biết điều kiện để hai đường thẳng song song, cắt nhau; biết hệ số góc của đường thẳng; biết khái niệm PT bậc nhất 2 ẩn, hệ hai PT bậc nhất 2 ẩn; tìm được nghiệm; nêu được số	Kiểm tra viết

			nghiệm của PT, hệ hai PT bậc nhất 2 ẩn. - Biết được sự xác định và tính chất đối xứng của đường tròn; vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn; tiếp tuyến và dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.	
Giữa Học kỳ 2	60'	Tuần 28	- Giải được hệ PT, giải bài toán bằng cách lập hệ PT; biết khái niệm về hàm số và đồ thị hàm số $y = ax^2$ (a khác 0); biết khái niệm về PT bậc hai một ẩn; biết công thức nghiệm, công thức nghiệm thu gọn và giải được PT bậc hai một ẩn - Biết các khái niệm về: Góc ở tâm, góc nội tiếp, góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung, góc có đỉnh ở bên trong, đỉnh bên ngoài đường tròn; biết sự liên hệ giữa cung và dây trong một đường tròn	Kiểm tra viết
Cuối Học kỳ 2	60'	Tuần 35	- Biết định lý Vi ét; giải được các PT quy về PT bậc hai; giải bài toán bằng cách lập PT. - Biết được các khái niệm về tứ giác nội tiếp, điều kiện để tứ giác nội tiếp; biết công thức về độ dài đường tròn, cung tròn; diện tích hình tròn, hình quạt tròn; Nhận biết được các khái niệm về hình trụ, hình nón, hình cầu; biết được, tính được diện tích, thể tích các hình; trụ, nón, cầu	Kiểm tra viết

2. 15. MÔN GDTC 6

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm dự kiến thực hiện (có thể điều chỉnh khi thực hiện) (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	- Thực hiện được đúng kỹ thuật và thành tích	Bài thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	- Thực hiện được đúng kỹ thuật và thành tích	Bài thực hành
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	- Thực hiện được đúng kỹ thuật và thành tích	Bài thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	- Thực hiện được đúng kỹ thuật và thành tích	Bài thực hành

2. 16. MÔN GDTC 7

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	Chạy cự li trung bình	Thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Bài thể dục liên hoàn	Thực hành
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	Chạy cự li ngắn (60m)	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Thể Thao Tự Chọn (Bồng chuyên)	Thực hành

2. 17. MÔN GDTC 8

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	Chạy cự li trung bình	Thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Bài thể dục liên hoàn	Thực hành
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Chạy cự li ngắn (60m)	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Thể Thao Tự Chọn (Bóng rổ)	Thực hành

2. 18. MÔN THỂ DỤC 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	Bài thể dục	Thực hành
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	Nhảy xa “kiểu ngôi”	Thực hành
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	TTTC: Bóng chuyên	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 33	Nhảy cao”bước qua”	Thực hành

2. 19. MÔN TIN HỌC 6

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy

Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 2, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 2 và cả năm học, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy

2. 20. MÔN TIN HỌC 7

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay qua ba chủ đề 1, 2, 3 đã học	Trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Hệ thống lại kiến thức từ đầu năm học đến nay qua ba chủ đề 1, 2, 3, 4 đã học	Trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Hệ thống lại kiến thức từ đầu học kỳ II đến nay qua chủ đề 4 đã học	Trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 34	Hệ thống lại kiến thức từ đầu học kỳ II đến nay qua hai chủ đề 4, 5 đã học	Trên giấy

2. 21. MÔN TIN HỌC 8

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
KHỐI 8				
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	- Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.	Viết

			- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.	
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kỳ 1. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.	Viết
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	- Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kỳ 2 đến thời điểm hiện tại. - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.	Viết
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kỳ 2. - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.	Viết

2. 22. MÔN TIN HỌC 9

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong giữa học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong cuối học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 2, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy

Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 2 và cả năm học, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
---------------	---------	---------	--	--

III. CÁC NỘI DUNG KHÁC (nếu có):

- Tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh chưa đạt (yếu) theo phân công của nhà trường.

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Núi Thành, ngày 25 tháng 9 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHT

Bùi Văn An

Phan Thị Thanh Tuyền